

Phân Tích Đạo

Tập II

Tỳ Kheo Indacanda



---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 10-05-2014

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU

PHÂN TÍCH ĐẠO

B. PHÂM KẾT HỢP CHUNG

I. GIẢNG VỀ SỰ KẾT HỢP CHUNG

II. GIẢNG VỀ CHÂN LÝ

III. GIẢNG VỀ GIÁC CHI

IV. GIẢNG VỀ TỬ ÁI

V. GIẢNG VỀ LY THAM ÁI

VI. GIẢNG VỀ SỰ PHÂN TÍCH

VII. GIẢNG VỀ PHÁP LUÂN

VIII. GIẢNG VỀ TỐI THƯỢNG Ở THẾ GIAN

IX. GIẢNG VỀ LỰC

X. GIẢNG VỀ KHÔNG TÁNH

C. PHÂM TUỆ

I. GIẢNG VỀ TUỆ

II. GIẢNG VỀ THẦN THÔNG

III. GIẢNG VỀ SỰ LÃNH HỘI

IV. GIẢNG VỀ SỰ VIỄN LY

V. GIẢNG VỀ HÀNH VI

VI. GIẢNG VỀ PHÉP KỶ DIỆU

VII. GIẢNG VỀ CÁC PHÁP ĐÚNG ĐẦU ĐƯỢC TỊNH LẶNG

VIII. GIẢNG VỀ SỰ THIẾT LẬP NIỆM

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU

Paṭisambhidāmagga là tựa đề của tập Kinh thứ mười hai thuộc Tiểu Bộ. Chúng tôi đề nghị từ dịch tương đương của tiếng Việt là *Phân Tích Đạo*.

Chú Giải *Saddhammappakāsinī* cho chúng ta biết được tác giả của *Paṭisambhidāmagga* là ngài Sāriputta (Pṭsa. 1, 01). và tập Chú Giải *Saddhammappakāsinī* này đã được thực hiện bởi vị trưởng lão Mahābhīdhāna (còn gọi là Mahānāma) tại một liêu phòng thuộc tu viện Mahāvihāra (Tích Lan) vào khoảng đầu thế kỷ thứ 6 sau Tây Lịch (Pṭsa. 2, 703-704).

Tập Kinh *Paṭisambhidāmagga - Phân Tích Đạo* gồm có ba Phẩm (*vagga*): Phẩm Chính Yếu (*Mahāvagga*), Phẩm Kết Hợp Chung (*Yuganaddhavagga*), và Phẩm Tuệ (*Paññāvagga*). Mỗi phẩm gồm có mười bài giảng (*kathā*) của mười đề tài khác nhau, tổng cộng là ba mươi đề tài. Trong quá trình in ấn, tập Kinh *Paṭisambhidāmagga - Phân Tích Đạo* được phân làm hai: Tập Một trình bày Phẩm Chính Yếu (*Mahāvagga*) và Tập Hai gồm có Phẩm Kết Hợp Chung (*Yuganaddhavagga*) và Phẩm Tuệ (*Paññāvagga*).

Phẩm Kết Hợp Chung (*Yuganaddhavagga*) gồm có mười đề tài theo thứ tự là các phần giảng về:

- Thiền Chỉ Tĩnh và Minh Sát (*Yuganaddhakathā*),
- Chân Lý (*Saccakathā*),
- Các Chi Phần đưa đến Giác Ngộ (*Bojjhaṅgakathā*),
- Tâm Từ (*Mettākathā*),
- Sự Ly Tham Ái (*Virāgakathā*)
- Sự Phân Tích (*Paṭisambhidākathā*),
- Việc chuyển vận Bánh xe Chánh Pháp (*Dhammacakkakathā*),
- Tối Thượng ở Thế Gian (*Lokuttarakathā*),
- Lực (*Balakathā*),
- và Không Tánh (*Suññatākathā*).

Phẩm Tuệ (*Paññāvagga*) gồm có mười đề tài giảng về:

- Tuệ (*Paññākathā*),
- Thần Thông (*Iddhikathā*),
- Sự Lãnh Hội (*Abhisamayakathā*),
- Sự Viển Ly (*Vivekakathā*),
- Hành Vi (*Cariyākathā*),
- Phép Kỳ Diệu (*Pāṭihāriyakathā*),

- Các Pháp Đứng Đầu được Tịnh Lặng (*Samāsīkathā*),
- Sự Thiết Lập Niệm (*Satipaṭṭhānakathā*),
- Minh Sát (*Vipassanākathā*),
- và Các Tiêu Đề (*Mātikākathā*).

Ở *Paṭisambhidāmagga - Phân Tích Đạo* Tập Hai này xét ra có phần phong phú hơn Tập Một vì trình bày đến hai mươi đề tài. Nhìn lướt qua những đề tài kể trên xét ra không có gì mới lạ đối với các hàng học giả học Phật, nhưng chính ở trong những Giáo lý xem chừng đã quen thuộc ấy có xen lẫn những điều mới lạ về phương diện học thuyết lẫn thực hành; chúng tôi sẽ không đi vào cụ thể và để cho độc giả tự khám phá ra những điều hay ý lạ đang ẩn tàng trong văn tự của Tập Kinh này. Có thể có những đoạn văn tiếng Việt sẽ không làm hài lòng quý độc giả, xin quý vị tham khảo thêm ở văn bản *Pāli*. Tuy nhiên, chúng tôi có sự nhận xét rằng những đoạn văn nào chúng tôi dịch có sự lúng củng lại chính là những đoạn văn có chứa đựng những giáo lý vượt tầm hiểu biết của chúng tôi, vì thế đối với những đoạn văn ấy nếu không nắm được văn bản *Pāli* xin quý vị đừng diễn giải theo tư kiến vì sẽ bị lệch xa vấn đề. Nói tóm lại, dầu không được thỏa mãn với một số đoạn văn dịch của chính mình nhưng bản thân của chúng tôi cũng có được sự hoan hỷ về công sức và thời gian đã bỏ ra cũng như sự nỗ lực hết mình cho công việc ấn tống tập Kinh này được tốt đẹp.

Một lần nữa, chúng tôi thành tâm tùy hỷ và tán dương công đức của các thí chủ đã nhiệt tâm đóng góp tài chánh cho việc ấn tống tập Kinh *Paṭisambhidāmagga - Phân Tích Đạo* này được thành tựu, mong sao phước báu Pháp thí này luôn dẫn dắt quý vị vào con đường tu tập đúng theo Chánh Pháp, thành tựu Chánh Trí, chứng ngộ Niết Bàn, không còn luân hồi sanh tử nữa.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo và ấn tống tập Kinh này được thành tựu đến thầy tổ, song thân, và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyên cho hết thầy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ, và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

ngày 05 tháng 01 năm 2007

Tỳ Khuru Indacanda (Trương đình Dũng)

---o0o---

CÁC CHỮ VIẾT TẮT:

PṭsA. : *Paṭisambhidāmaggapakarāṇa-Atṭhakathā* (PTS) - Chú Giải Phân Tích Đạo.

ND : Chú thích của Người Dịch.

nt : như trên

PTS : Nhà Xuất Bản Pali Text Society (Anh Quốc)

Sđđ. : Sách đã dẫn

---o0o---

TANG KINH - TIỂU BỘ

PHÂN TÍCH ĐẠO

Tập Hai

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đáng Chánh Biến Tri!

B. PHẨM KẾT HỢP CHUNG

I. GIẢNG VỀ SỰ KẾT HỢP CHUNG

Tôi đã được nghe như vậy: Một thời, đại đức Ānanda ngụ tại Kosambī, tu viện Ghosita. Chính ở tại nơi ấy, đại đức Ānanda đã bảo các vị tỳ khuru rằng: “Này các đại đức tỳ khuru”. “Thưa đại đức”. Các vị tỳ khuru ấy đã đáp lại đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda đã nói điều này:

- Này các đại đức, bất cứ vị tỳ khuru hoặc tỳ khuru ni nào tuyên bố về phẩm vị A-la-hán ở sự hiện diện của tôi, tất cả đều do bốn đạo lộ hoặc do một đạo lộ nào đó của bốn đạo lộ này. Do bốn (đạo lộ) gì?

Này các đại đức, ở đây vị tỳ khuru tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước. Trong khi vị ấy tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước, đạo lộ được hình thành (cho vị ấy). Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt (đối với vị ấy).

Này các đại đức, còn có điều khác nữa là vị tỳ khuru tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước. Trong khi vị ấy tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước, đạo lộ được hình thành (cho vị ấy). Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt (đối với vị ấy).

Này các đại đức, còn có điều khác nữa là vị tỳ khuru tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung. Trong khi vị ấy tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung, đạo lộ được hình thành (cho vị ấy). Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt (đối với vị ấy).

Này các đại đức, còn có điều khác nữa là (trường hợp) tâm của vị tỳ khuru bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Này các đại đức, lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ở chính nội phần, lúc ấy là thời điểm; đạo lộ được hình thành cho vị ấy. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ

ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt (đối với vị ấy).

Này các đại đức, bất cứ vị tỳ khuru hoặc tỳ khuru ni nào tuyên bố về phẩm vị A-la-hán ở sự hiện diện của tôi, tất cả đều do bốn đạo lộ này hoặc do một đạo lộ nào đó của bốn đạo lộ này.

Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước là (có ý nghĩa) thế nào? Do tác động của sự thoát ly, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Về các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát, theo ý nghĩa của sự quán xét là khổ não là minh sát, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Như thế là chỉ tịnh trước, minh sát sau. Vì thế được nói rằng: “*Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước*”.

Tu tập: Có bốn sự tu tập: là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn (thích hợp) nhằm đạt đến giải thoát Niết Bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) thế nào? Chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức là đạo lộ được hình thành, chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt (tâm vào cảnh) là đạo lộ được hình thành, chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ là đạo lộ được hình thành, chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là đạo lộ được hình thành, chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch là đạo lộ được hình thành, chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức là đạo lộ được hình thành, chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập là đạo lộ được hình thành, chánh định theo ý nghĩa không tán mạn là đạo lộ được hình thành. Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) như thế.

‘Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy’. Rèn luyện: Rèn luyện là (có ý nghĩa) thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy rèn luyện, trong khi nhận biết vị ấy rèn luyện, trong khi nhận thấy vị ấy rèn luyện, trong khi quán xét lại vị ấy rèn luyện, trong khi khẳng định tâm vị ấy rèn luyện, trong khi hướng đến đức tin vị ấy rèn luyện, trong khi ra sức tinh tấn vị ấy rèn luyện, trong khi thiết lập niệm vị ấy rèn luyện, trong khi tập trung tâm vị ấy rèn luyện, trong khi nhận biết bởi tuệ vị ấy rèn luyện, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vị ấy rèn luyện, trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện vị ấy rèn luyện, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vị ấy rèn luyện, trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy rèn luyện. Rèn luyện là (có ý nghĩa) như thế.

Tu tập: Tu tập là (có ý nghĩa) thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biết vị ấy tu tập, trong khi nhận thấy vị ấy tu tập, trong khi quán xét lại vị ấy tu tập, trong khi khẳng định tâm vị ấy tu tập, trong khi hướng đến đức tin vị ấy tu tập, trong khi ra sức tinh tấn vị ấy tu tập, trong khi thiết lập niệm vị ấy tu tập, trong khi tập trung tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biết bởi tuệ vị ấy tu tập, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vị ấy tu tập, trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện vị ấy tu tập, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vị ấy tu tập,

trong khi tu tập điều cần được tu tập vị ấy tu tập, trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy tu tập. Tu tập là (có ý nghĩa) như thế.

Làm cho sung mãn: Làm cho sung mãn là (có ý nghĩa) thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết vị ấy làm cho sung mãn, trong khi quán xét lại vị ấy làm cho sung mãn, trong khi khẳng định tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi hướng đến đức tin vị ấy làm cho sung mãn, trong khi ra sức tinh tấn vị ấy làm cho sung mãn, trong khi thiết lập niệm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi tập trung tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết bởi tuệ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện vị ấy làm cho sung mãn, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi tu tập điều cần được tu tập vị ấy làm cho sung mãn, trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy làm cho sung mãn. Làm cho sung mãn là (có ý nghĩa) như thế.

Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt (đối với vị ấy). Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là (có ý nghĩa) thế nào? Do Đạo Nhập Lưu, ba sự ràng buộc này được dứt bỏ là thân kiến, hoài nghi, sự cố chấp vào giới và nghi thức, hai ngũ ngầm này được chấm dứt là kiến ngũ ngầm, hoài nghi ngũ ngầm. Do Đạo Nhất Lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, hai ngũ ngầm này được chấm dứt là ái dục ngũ ngầm và bất bình ngũ ngầm có tính chất thô thiển. Do Đạo Bất Lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, hai ngũ ngầm này được chấm dứt là ái dục ngũ ngầm và bất bình ngũ ngầm có tính chất vi tế. Do Đạo A-la-hán, năm sự ràng buộc này được dứt bỏ là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ba ngũ ngầm này được chấm dứt là ngã mạn ngũ ngầm, ái hữu ngũ ngầm, vô minh ngũ ngầm. Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là (có ý nghĩa) như thế.

Do tác động của sự không sân độc, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là định...(như trên)... Do tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là định...(như trên)... Có sự quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở vào, có sự quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở ra, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là định. Về các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát, theo ý nghĩa của sự quán xét là khổ não là minh sát, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Như thế là chỉ tịnh trước, minh sát sau. Vì thế được nói rằng: “*Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước*”.

Tu tập: Có bốn sự tu tập: là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối

với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn (thích hợp) nhằm đạt đến giải thoát Niết Bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) thế nào? Chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức là đạo lộ được hình thành, chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt (tâm vào cảnh) là đạo lộ được hình thành, ...(như trên)... chánh định theo ý nghĩa không tản mạn là đạo lộ được hình thành. Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) như thế.

‘Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy’. Rèn luyện: Rèn luyện là (có ý nghĩa) thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy rèn luyện, trong khi nhận biết ...(nt)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy rèn luyện. Rèn luyện là (có ý nghĩa) như thế.

Tu tập: Tu tập là (có ý nghĩa) thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biết vị ấy tu tập ...(như trên)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy tu tập. Tu tập là (có ý nghĩa) như thế.

Làm cho sung mãn: Làm cho sung mãn là (có ý nghĩa) thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết ...(như trên)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy làm cho sung mãn. Làm cho sung mãn là (có ý nghĩa) như thế.

Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngàm được chấm dứt (đối với vị ấy): Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngàm được chấm dứt là (có ý nghĩa) thế nào? Do Đạo Nhập Lưu, ba sự ràng buộc này được dứt bỏ là thân kiến, hoài nghi, sự cố chấp vào giới và nghi thức, hai ngũ ngàm này được chấm dứt là kiến ngũ ngàm, hoài nghi ngũ ngàm. Do Đạo Nhất Lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, hai ngũ ngàm này được chấm dứt là ái dục ngũ ngàm và bất bình ngũ ngàm có tính chất thô thiển. Do Đạo Bất Lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, hai ngũ ngàm này được chấm dứt là ái dục ngũ ngàm và bất bình ngũ ngàm có tính chất vi tế. Do Đạo A-la-hán, năm sự ràng buộc này được dứt bỏ là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ba ngũ ngàm này được chấm dứt là ngã mạn ngũ ngàm, ái hữu ngũ ngàm, vô minh ngũ ngàm. Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngàm được chấm dứt là (có ý nghĩa) như thế.

Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước là (có ý nghĩa) như thế.

Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước là (có ý nghĩa) thế nào? Với ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát, với ý nghĩa của sự quán xét là khô não là minh sát, với ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đối tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước*”.

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ...(như trên)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) thế nào? ...(như trên)... Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) như thế. ...(như trên)... Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là (có ý nghĩa) như thế.

Với ý nghĩa của sự quán xét sắc là vô thường là minh sát, với ý nghĩa của sự quán xét sắc là khổ não là minh sát, với ý nghĩa của sự quán xét sắc là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đối tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước*”.

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ...(như trên)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) thế nào? ...(như trên)... Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) như thế. ...(như trên)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là (có ý nghĩa) như thế.

Với ý nghĩa của sự quán xét thọ ... tưởng ... các hành ... thức ... mắt ... lão tử là vô thường là minh sát ...(nt)... lão tử là khổ não ...(nt)... lão tử là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đối tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước*”.

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ...(như trên)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) thế nào? ...(như trên)... Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) như thế. ...(như trên)... Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là (có ý nghĩa) như thế.

Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước là (có ý nghĩa) như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung là (có ý nghĩa) thế nào? Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo 16 biểu hiện: theo ý nghĩa đối tượng, theo ý nghĩa hành xứ, theo ý nghĩa dứt bỏ, theo ý nghĩa buông bỏ, theo ý nghĩa thoát ra, theo ý nghĩa ly khai, theo ý nghĩa an tịnh, theo ý nghĩa cao quý, theo ý nghĩa được giải thoát, theo ý nghĩa vô lậu, theo ý nghĩa vượt qua, theo ý nghĩa vô tướng, theo ý nghĩa vô nguyện, theo ý nghĩa không tánh, theo ý nghĩa nhất vị, theo ý nghĩa không vượt trội, theo ý nghĩa kết hợp chung.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa đối tượng là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là đối tượng. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là đối tượng. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa đối tượng là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa của cảnh (đối tượng)*”.

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ...(như trên)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) thế nào? ...(như trên)... Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) như thế. ...(như trên)... Các

ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là (có ý nghĩa) như thế. Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa của cảnh (đối tượng) là (có ý nghĩa) như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa hành xử là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xử. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xử. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa hành xử là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa hành xử*”. Tu tập: ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa dứt bỏ là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ các phiền não đi cùng với phóng dật và (đang dứt bỏ) các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xử. Đối với vị đang dứt bỏ các phiền não đi cùng với vô minh và (đang dứt bỏ) các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xử. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa dứt bỏ là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa dứt bỏ*”. ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa buông bỏ là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang buông bỏ các phiền não đi cùng với phóng dật và (buông bỏ) các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xử. Đối với vị đang buông bỏ các phiền não đi cùng với vô minh và (buông bỏ) các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xử. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa buông bỏ là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa buông bỏ*”. ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa thoát ra là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang thoát ra khỏi các phiền não đi cùng với phóng dật và (thoát ra khỏi) các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xử. Đối với vị đang thoát ra khỏi các phiền não đi cùng với vô minh và (thoát ra khỏi) các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xử. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa thoát ra là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa thoát ra*”. ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa ly khai là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang ly khai các phiền não đi cùng với phóng dật và (ly khai) các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xử. Đối với vị đang ly khai các phiền não đi cùng với vô minh và (ly khai) các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xử. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa ly khai là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội

lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa ly khai*”. ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa an tịnh là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là an tịnh, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là an tịnh có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa an tịnh là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa an tịnh*”. ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa cao quý là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là cao quý, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là cao quý có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa cao quý là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa cao quý*”. ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa được giải thoát là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là được giải thoát khỏi dục lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là được giải thoát khỏi các vô minh lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, sự ly tham ái khỏi các tham ái là sự giải thoát của tâm, sự ly tham ái khỏi vô minh là sự giải thoát của tuệ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa được giải thoát là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa được giải thoát*”. ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô lậu là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô lậu đối với dục lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô lậu đối với vô minh lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vô lậu là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô lậu*”. ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vượt qua là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang vượt qua các phiền não đi cùng với phóng dật và (vượt qua) các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang vượt qua các phiền não đi cùng với vô minh và (vượt qua) các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vượt qua là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vượt qua*”. ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô tướng là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô tướng đối với tất cả các hiện tượng, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô tướng đối với tất cả các hiện tượng, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vô tướng là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô tướng*”. ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô nguyện là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô nguyện đối với tất cả các nguyện ước, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô nguyện đối với tất cả các nguyện ước, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vô nguyện là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô nguyện*”. ...(như trên)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa không tánh là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là *không* đối với tất cả các cố chấp, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là *không* đối với tất cả các cố chấp, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa không tánh là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “*Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa không tánh*”. ...(như trên)...

Tu tập: Có bốn sự tu tập: là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn (thích hợp) nhằm đạt đến giải thoát Niết Bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) thế nào? ...(như trên)... Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) như thế. ...(như trên)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là (có ý nghĩa) như thế. Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa không tánh là (có ý nghĩa) như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo 16 biểu hiện là (có ý nghĩa) như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung là (có ý nghĩa) như thế.

Tâm của vị tỳ khuru bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với vị đang tác ý vô thường, có ánh sáng sanh lên. (Hành giả) hướng tâm đến ánh sáng rằng: ‘Ánh sáng là pháp’; sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng dật ấy, (hành giả), có tâm bị khuấy động, không nhận biết

đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô thường, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là khổ não, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô ngã. Vì thế, được nói rằng: *“Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Lúc ấy là thời điểm là lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ngay ở nội phần”*.

Đạo lộ được hình thành cho vị ấy: Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) thế nào? ...(như trên)... Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) như thế. ...(như trên)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là (có ý nghĩa) như thế.

Đối với vị đang tác ý vô thường, có trí sanh lên ... có hỷ sanh lên ... có tịnh sanh lên ... có lạc sanh lên ... có sự cương quyết sanh lên ... có sự ra sức sanh lên ... có sự thiết lập sanh lên ... có xả sanh lên ... có ao ước sanh lên. (Hành giả) hướng tâm đến sự ao ước rằng: ‘Ao ước là pháp’; sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng dật ấy, (hành giả), có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô thường, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là khổ não, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô ngã. Vì thế, được nói rằng: *“Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ở chính nội phần, lúc ấy là thời điểm”*. Đạo lộ được hình thành cho vị ấy: Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) thế nào? ...(như trên)... Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) như thế. ...(như trên)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là (có ý nghĩa) như thế.

Đối với vị đang tác ý khổ não ...(như trên)... Đối với vị đang tác ý vô ngã, có ánh sáng sanh lên ... có trí sanh lên ... có hỷ sanh lên ... có tịnh sanh lên ... có lạc sanh lên ... có sự cương quyết sanh lên ... có sự ra sức sanh lên ... có sự thiết lập sanh lên ... có xả sanh lên ... có ao ước sanh lên. (Hành giả) hướng tâm đến sự ao ước rằng: ‘Ao ước là pháp’; sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng dật ấy, (hành giả), có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô ngã, về sự thiết lập là vô thường, về sự thiết lập là khổ não. Vì thế, được nói rằng: *“Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp ...(như trên)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là (có ý nghĩa) như thế.*

Đối với vị đang tác ý sắc là vô thường ...(nt)... Đối với vị đang tác ý sắc là khổ não ...(nt)... Đối với vị đang tác ý sắc là vô ngã ...(nt)... Đối với vị đang tác ý thọ ... tưởng ... các hành ... thức ... mắt ... lão tử là vô thường ...(nt)... Đối với vị đang tác ý lão tử là khổ não ...(nt)... Đối với vị đang tác ý lão tử là vô ngã, có ánh sáng sanh lên ... có trí sanh lên ... có hỷ sanh lên ... có tịnh sanh lên ... có lạc sanh lên ... có sự cương quyết sanh lên ... có sự ra sức sanh lên ... có sự thiết lập sanh lên ... có xả sanh lên ... có ao ước sanh lên. (Hành giả) hướng tâm đến sự ao ước rằng: ‘Ao ước là pháp’; sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng dật ấy, (hành

giả), có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là vô ngã, không nhận biết đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là vô thường, không nhận biết đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là khổ não. Vì thế, được nói rằng: “*Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Lúc ấy là thời điểm là lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ngay ở nội phân*”.

Đạo lộ được hình thành cho vị ấy: Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) thế nào?...(như trên)... Đạo lộ được hình thành là (có ý nghĩa) như thế. ...(như trên)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là (có ý nghĩa) như thế.

Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp là (có ý nghĩa) như thế.

*(1) Rung động về ánh sáng,
về tuệ, và về hỷ,
về tịnh, và về lạc,
bởi chúng tâm xao động,*

*(2) Rung động về cương quyết,
ra sức, và thiết lập,
do hướng tâm đến xả,
và ao ước về xả.*

*(3) Vị nào huân tập tuệ
về mười trường hợp này
biết phóng dật do pháp
không sa vào làm lẫn.*

*(4) Bị tản mạn, ô nhiễm,
tu tập tâm đình chỉ;
tản mạn, không ô nhiễm,
tu tập bị thối thất.*

*(5) Tản mạn, không ô nhiễm,
tu tập không thối thất,
không tản, tâm vô nhiễm
tu tâm không đình chỉ.*

*(6) Với bốn trường hợp này,
hiểu rõ mười trường hợp
thâu hẹp và khuấy động*

vì tận mạn của tâm.

Phản Giảng về sự Kết Hợp Chung được đầy đủ.

---o0o---

II. GIẢNG VỀ CHÂN LÝ

Đầy đủ phần duyên khởi: Nay các tỳ khuru, đây là bốn thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Bốn gì? Nay các tỳ khuru, ‘Đây là Khổ’, điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể; ‘Đây là nhân sanh Khổ’, điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể; ‘Đây là sự diệt tận Khổ’, điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể; ‘Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận Khổ’, điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể. Nay các tỳ khuru, đây là bốn thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể.

Khổ là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn ý nghĩa về khổ của Khổ là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của Khổ; bốn ý nghĩa này về khổ của Khổ là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Khổ là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là (có ý nghĩa) như thế.

Nhân sanh (Khổ) là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh (Khổ) là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa tích lũy (nghiệp), ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vướng bận của nhân sanh (Khổ); bốn ý nghĩa này về nhân sanh của nhân sanh (Khổ) là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Nhân sanh (Khổ) là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là (có ý nghĩa) như thế.

Sự diệt tận (Khổ) là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận (Khổ) là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của sự diệt tận (Khổ); bốn ý nghĩa này về diệt tận của sự diệt tận (Khổ) là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Sự diệt tận (Khổ) là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là (có ý nghĩa) như thế.

Đạo là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn ý nghĩa về đạo của Đạo là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của Đạo; bốn ý nghĩa này về đạo của Đạo là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Đạo là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là (có ý nghĩa) như thế.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bốn biểu hiện: theo ý nghĩa thực thể, theo ý

nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt; bốn chân lý được tổng hợp chung lại là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của Khổ là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh (Khổ) là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận (Khổ) là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về đạo của Đạo là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa thực thể là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của Khổ là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh (Khổ) là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận (Khổ) là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa về đạo của Đạo là ý nghĩa về vô ngã; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa vô ngã là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa chân lý là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa chân lý là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của Khổ là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh (Khổ) là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận (Khổ) là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa về đạo của Đạo là ý nghĩa về chân lý; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa chân lý là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của Khổ là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh (Khổ) là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận (Khổ) là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về đạo của Đạo là ý nghĩa về thấu triệt; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa thấu triệt là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là (có ý nghĩa) thế nào? Điều gì là vô thường, điều ấy là khổ não; điều gì là khổ não, điều ấy là vô thường. Điều gì là vô thường và khổ não, điều ấy là vô ngã. Điều gì là vô thường, khổ não, và vô ngã, điều ấy là thực thể. Điều gì là vô thường, khổ não, vô ngã, và thực thể, điều ấy là

chân lý. Điều gì là vô thường, khổ não, vô ngã, thực thể, và chân lý, điều ấy là được tổng hợp chung lại. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với chín biểu hiện: theo ý nghĩa thực thể, theo ý nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt, theo ý nghĩa biết rõ, theo ý nghĩa biết toàn diện, theo ý nghĩa từ bỏ, theo ý nghĩa tu tập, theo ý nghĩa tác chứng; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với chín biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với chín biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của Khổ là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh (Khổ) là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận (Khổ) là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về đạo của Đạo là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về biết rõ của thắng trí là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về biết toàn diện của toàn trí là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về từ bỏ của sự từ bỏ là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về tu tập của sự tu tập là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với chín biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã ... theo ý nghĩa chân lý ... theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là với chín biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của Khổ là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh (Khổ) là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận (Khổ) là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về đạo của Đạo là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về biết rõ của thắng trí là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về biết toàn diện của toàn trí là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về từ bỏ của sự từ bỏ là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về tu tập của sự tu tập là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là ý nghĩa về thấu triệt; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là với chín biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với mười hai biểu hiện: theo ý nghĩa thực thể, theo ý nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt, theo ý nghĩa biết rõ, theo ý nghĩa biết toàn diện, theo ý nghĩa hiện tượng, theo ý nghĩa sự kiện, theo ý nghĩa điều đã được biết, theo ý nghĩa tác chứng, theo ý nghĩa chạm đến, theo ý nghĩa lãnh hội; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với mười hai biểu hiện

này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với mười sáu biểu hiện: Ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của Khổ là ý nghĩa về thực thể; Ý nghĩa tích lũy (nghiệp), ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vương bận của nhân sanh (Khổ) là ý nghĩa về thực thể; Ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của sự diệt tận (Khổ) là ý nghĩa về thực thể; Ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của Đạo là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với mười sáu biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã ... theo ý nghĩa chân lý ... theo ý nghĩa thấu triệt ... theo ý nghĩa biết rõ ... theo ý nghĩa biết toàn diện ... theo ý nghĩa hiện tượng ... theo ý nghĩa sự kiện ... theo ý nghĩa điều đã được biết ... theo ý nghĩa tác chứng ... theo ý nghĩa chạm đến ... theo ý nghĩa lãnh hội là (có ý nghĩa) thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa lãnh hội là với 16 biểu hiện: Ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của Khổ là ý nghĩa về lãnh hội; Ý nghĩa tích lũy (nghiệp), ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vương bận của nhân sanh (Khổ) là ý nghĩa về lãnh hội; Ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của sự diệt tận (Khổ) là ý nghĩa về lãnh hội; Ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của Đạo là ý nghĩa về lãnh hội; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa lãnh hội là với 16 biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có hai tướng trạng của chân lý: tướng trạng hữu vi và tướng trạng vô vi; đây là hai tướng trạng của chân lý.

Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có sáu tướng trạng của chân lý: Đối với các chân lý hữu vi, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi chúng tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý vô vi, sự sanh khởi không được nhận biết, sự hoại diệt không được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi không được nhận biết; đây là sáu tướng trạng của chân lý.

Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có mười hai tướng trạng của chân lý: Đối với chân lý về Khổ, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý về nhân sanh (Khổ), sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý về Đạo, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý

về sự diệt tận (Khổ), không sự sanh khởi được nhận biết, không sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại không trạng thái biến đổi được nhận biết; đây là mười hai tướng trạng của chân lý.

Thuộc về bốn chân lý, có bao nhiêu là thiện, có bao nhiêu là bất thiện, có bao nhiêu là vô ký? Chân lý về nhân sanh (Khổ) là bất thiện, chân lý về Đạo là thiện, chân lý về sự diệt tận là vô ký, chân lý về Khổ có thể là thiện, có thể là bất thiện, có thể là vô ký.

Có thể ba chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với ba chân lý về phương diện nền tảng theo thứ lớp?

Có thể: Có thể là (có ý nghĩa) thế nào? (Nếu) chân lý về Khổ là bất thiện và chân lý về nhân sanh (Khổ) là bất thiện; như vậy theo ý nghĩa của bất thiện, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với hai chân lý. (Nếu) chân lý về Khổ là thiện và chân lý về Đạo là thiện; như vậy theo ý nghĩa của thiện, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với hai chân lý. (Nếu) chân lý về Khổ là vô ký và chân lý về sự diệt tận (Khổ) là vô ký; như vậy theo ý nghĩa của vô ký, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với hai chân lý. Như vậy, có thể ba chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với ba chân lý về phương diện nền tảng theo thứ lớp.

[Duyên khởi ở Sāvattihī]

Này các tỳ khuru, trước lúc Toàn Giác, khi hãy còn là Bồ Tát chưa thành Chánh Đẳng Giác, điều này đã khởi đến ta: Đối với sắc, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với thọ, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với tưởng, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với các hành, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với thức, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly?

Này các tỳ khuru, điều này đã khởi đến ta đây: Tùy thuận vào sắc, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là khoái lạc của sắc. Sắc là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của sắc. Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở sắc, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở sắc; điều này là xuất ly khỏi sắc. Tùy thuận vào thọ ... Tùy thuận vào tưởng ... Tùy thuận vào các hành ... Tùy thuận vào thức, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là khoái lạc của thức. Thức là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của thức. Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở thức, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở thức; điều này là xuất ly khỏi thức.

Này các tỳ khuru, cho đến khi nào ta chưa biết rõ đúng theo thực thể khoái lạc là khoái lạc, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly đối với năm thủ uẩn này là như vậy, này các tỳ khuru, cho đến khi ấy ta chưa công bố là ‘Đã hoàn toàn giác ngộ quả vô thượng Chánh Đẳng Giác’ ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma

Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Nay các tỳ khuru, và đến khi ta đã biết rõ đúng theo thực thể khoái lạc là khoái lạc, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly đối với năm thủ uẩn này là như vậy, nay các tỳ khuru, khi ấy ta đã công bố là ‘Đã hoàn toàn giác ngộ quả vô thượng Chánh Đẳng Giác’ ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Hơn nữa, sự biết và thấy đã sanh khởi đến ta rằng: ‘Sự giải thoát của ta là không thể thay đổi. Đây là lần sanh cuối cùng, giờ không còn tái sanh nữa’.

‘Tùy thuận vào sắc, lạc và tâm sanh lên; điều này là sự khoái lạc của sắc’, như thế sự thấu triệt do dứt bỏ là chân lý về nhân sanh (Khổ). ‘Sắc là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của sắc’, như thế sự thấu triệt do biết toàn diện là chân lý về Khổ. ‘Sự loại bỏ ước muốn và tham ái, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở sắc; điều này là xuất ly khỏi sắc’, như thế sự thấu triệt do tác chứng là chân lý về sự diệt tận (Khổ). ‘Liên quan ba sự kiện này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, định’,¹ như thế sự thấu triệt do tu tập là chân lý về Đạo.

‘Tùy thuận vào thọ, ...(như trên)... Tùy thuộc vào tưởng, ...(như trên)... Tùy thuộc vào các hành, ...(như trên)... Tùy thuộc vào thức, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là sự khoái lạc của thức’, như thế sự thấu triệt do dứt bỏ là chân lý về nhân sanh (Khổ). ‘Thức là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của thức’, như thế sự thấu triệt do biết toàn diện là chân lý về Khổ. ‘Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở thức, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở thức; điều này là xuất ly khỏi thức’, như thế sự thấu triệt do tác chứng là chân lý về sự diệt tận (Khổ). ‘Liên quan ba sự kiện này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, định’, như thế sự thấu triệt do tu tập là chân lý về Đạo.

Chân lý: Chân lý là theo bao nhiêu biểu hiện? Là theo ý nghĩa tầm cầu, theo ý nghĩa nắm giữ, theo ý nghĩa thấu triệt.

Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) thế nào? Lão tử có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) như thế.

Lão tử có sanh là căn nguyên, có sanh là nhân sanh, có sanh là sanh chủng, có sanh là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là (có ý nghĩa) như thế. Nhận biết lão tử, nhận biết nhân sanh của lão tử, nhận biết sự diệt tận của lão tử, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của lão tử; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) như thế.

Sanh có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) như thế. Sanh có hữu là căn nguyên, có hữu là nhân sanh, có hữu là sanh chủng, có hữu là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là (có ý nghĩa) như thế.

Nhận biết sanh, nhận biết nhân sanh của sanh, nhận biết sự diệt tận của sanh, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của sanh; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) như thế.

Hữu có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) như thế. Hữu có thủ là căn nguyên, có thủ là nhân sanh, có thủ là sanh chung, có thủ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là (có ý nghĩa) như thế. Nhận biết hữu, nhận biết nhân sanh của hữu, nhận biết sự diệt tận của hữu, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của hữu; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) như thế.

Thủ có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) như thế. Thủ có ái là căn nguyên, có ái là nhân sanh, có ái là sanh chung, có ái là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là (có ý nghĩa) như thế. Nhận biết thủ, nhận biết nhân sanh của thủ, nhận biết sự diệt tận của thủ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thủ; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) như thế.

Ái có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) như thế. Ái có thọ là căn nguyên, có thọ là nhân sanh, có thọ là sanh chung, có thọ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là (có ý nghĩa) như thế. Nhận biết ái, nhận biết nhân sanh của ái, nhận biết sự diệt tận của ái, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của ái; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) như thế.

Thọ có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) như thế. Thọ có xúc là căn nguyên, có xúc là nhân sanh, có xúc là sanh chung, có xúc là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là (có ý nghĩa) như thế. Nhận biết thọ, nhận biết nhân sanh của thọ, nhận biết sự diệt tận của thọ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thọ; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) như thế.

Xúc có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) như thế. Xúc có sáu xứ là căn nguyên, có sáu xứ là nhân sanh, có sáu xứ là sanh chung, có sáu xứ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là (có ý nghĩa) như thế. Nhận biết xúc, nhận biết nhân sanh của xúc, nhận biết sự diệt tận của xúc, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của xúc; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) như thế.

Sáu xứ có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) như thế. Sáu xứ có danh sắc là căn nguyên, có danh sắc là nhân sanh, có danh sắc

là sanh chủng, có danh sắc là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là (có ý nghĩa) như thế. Nhận biết sáu xứ, nhận biết nhân sanh của sáu xứ, nhận biết sự diệt tận của sáu xứ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của sáu xứ; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) như thế.

Danh sắc có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) như thế. Danh sắc có thức là căn nguyên, có thức là nhân sanh, có thức là sanh chủng, có thức là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là (có ý nghĩa) như thế. Nhận biết danh sắc, nhận biết nhân sanh của danh sắc, nhận biết sự diệt tận của danh sắc, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của danh sắc; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) như thế.

Thức có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) như thế. Thức có các hành là căn nguyên, có các hành là nhân sanh, có các hành là sanh chủng, có các hành là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là (có ý nghĩa) như thế. Nhận biết thức, nhận biết nhân sanh của thức, nhận biết sự diệt tận của thức, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thức; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) như thế.

Các hành có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là (có ý nghĩa) như thế. Các hành có vô minh là căn nguyên, có vô minh là nhân sanh, có vô minh là sanh chủng, có vô minh là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là (có ý nghĩa) như thế. Nhận biết các hành, nhận biết nhân sanh của các hành, nhận biết sự diệt tận của các hành, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của các hành; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là (có ý nghĩa) như thế.

Lão tử là chân lý về Khổ, sanh là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo. Sanh là chân lý về Khổ, hữu là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo. Hữu là chân lý về Khổ, thủ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo. Thủ là chân lý về Khổ, ái là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo. Ái là chân lý về Khổ, thọ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo. Thọ là chân lý về Khổ, xúc là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo. Xúc là chân lý về Khổ, sáu xứ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo. Sáu xứ là chân lý về Khổ, danh sắc là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo. Danh sắc là chân lý về Khổ, thức là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết

về sự diệt tận là chân lý của Đạo. Thức là chân lý về Khổ, các hành là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo. Các hành là chân lý về Khổ, vô minh là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo.

Lão tử là chân lý về Khổ, sanh có thể là chân lý về Khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo. Sanh là chân lý về Khổ, hữu có thể là chân lý về Khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo...(như trên)... Các hành là chân lý về Khổ, vô minh có thể là chân lý về Khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của Đạo.

Phản Giảng về Chân Lý được đầy đủ.

Tụng Phẩm.

---o0o---

III. GIẢNG VỀ GIÁC CHI

[Duyên khởi ở Sāvattihī]

Này các tỳ khuru, có bảy giác chi. Bảy là gì? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, cần giác chi, hỷ giác chi, tịnh giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này các tỳ khuru, đây là bảy giác chi.

Các giác chi: Các giác chi là với ý nghĩa gì? ‘Đưa đến giác ngộ’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ (Sơ Đạo)’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ (Nhị Đạo)’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ (Tam Đạo)’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ (Tứ Đạo)’ là các giác chi.²

Với ý nghĩa được giác ngộ (Sơ Đạo) là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ (Nhị Đạo) là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ (Tam Đạo) là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ (Tứ Đạo) là các giác chi.

‘Làm cho giác ngộ (Sơ Đạo)’ là các giác chi. ‘Làm cho giác ngộ (Nhị Đạo)’ là các giác chi. ‘Làm cho giác ngộ (Tam Đạo)’ là các giác chi. ‘Làm cho giác ngộ (Tứ Đạo)’ là các giác chi.

Với ý nghĩa làm cho giác ngộ (Sơ Đạo) là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ (Nhị Đạo) là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ (Tam Đạo) là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ (Tứ Đạo) là các giác chi.

Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ (Sơ Đạo) là các giác chi. Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ (Nhị Đạo) là các giác chi. Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ (Tam Đạo) là các giác chi. Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ (Tứ Đạo) là các giác chi.

Với ý nghĩa nhận lãnh tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa tiếp nhận tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa tạo lập tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa thành

lập tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thiện tánh giác là các giác chi.

Với ý nghĩa của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn gốc là các giác chi.

Với ý nghĩa chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về chủng tử là các giác chi.

Với ý nghĩa của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về duyên là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi.

Với ý nghĩa vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về vô lậu là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly là các giác chi.

‘Được giác ngộ ý nghĩa của nguồn gốc’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của chủng tử’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của duyên’ là các giác chi.

chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự thanh tịnh’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự không sai trái’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự thoát ly’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự giải thoát’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của vô lậu’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự viển ly’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự xả ly’ là các giác chi.

‘Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của nguồn gốc’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của chủng tử’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của duyên’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự thanh tịnh’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự không sai trái’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự thoát ly’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự giải thoát’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của vô lậu’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự viển ly’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự xả ly’ là các giác chi.

‘Được giác ngộ ý nghĩa nắm giữ về nguồn gốc’ là các giác chi. ...(nt)... ‘Được giác ngộ ý nghĩa nắm giữ về sự xả ly’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa phụ trợ của nguồn gốc’ là các giác chi. ...(nt)... ‘Được giác ngộ ý nghĩa phụ trợ của sự xả ly’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa hoàn bị của nguồn gốc’ là các giác chi. ...(nt)... ‘Được giác ngộ ý nghĩa hoàn bị của sự xả ly’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa chín muồi của nguồn gốc’ là các giác chi. ...(nt)... ‘Được giác ngộ ý nghĩa chín muồi của sự xả ly’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa phân tích về nguồn gốc’ là các giác chi. ...(nt)... ‘Được giác ngộ ý nghĩa phân tích về sự xả ly’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về nguồn gốc’ là các giác chi. ...(nt)... ‘Được giác ngộ ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự xả ly’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn gốc’ là các giác chi. ...(nt)... ‘Được giác ngộ ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly’ là các giác chi.

‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự nắm giữ’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự phụ trợ’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự hoàn bị’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự chuyên nhất’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự không tán mạn’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự ra sức’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự không tán loạn’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự không xao động’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự không loạn động’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự trụ tâm do thiết lập tính nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của đối tượng (cảnh)’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của hành xử’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự dứt bỏ’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự buông bỏ’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự thoát ra’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự ly khai’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của tịnh’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự cao quý’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của giải thoát’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của vô lậu’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự vượt qua’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của vô tướng’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của vô ngụyện’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của không tánh’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa của

nhất vị' ... 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự không vượt quá' ... 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự kết hợp chung' ... 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự dẫn xuất' ... 'Được giác ngộ ý nghĩa của chủng tử' ... 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận thức' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của pháp chủ đạo' là các giác chi.

'Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của chỉ tịnh' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa quán xét của minh sát' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa nhất vị của chỉ tịnh và minh sát' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa không vượt quá của sự kết hợp chung' là các giác chi.

'Được giác ngộ ý nghĩa thọ trì của việc học tập' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa hành xử của đối tượng' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa ra sức đối với tâm bị trì trệ' ... 'Được giác ngộ ý nghĩa kiềm chế đối với tâm bị phóng dật' ... 'Được giác ngộ ý nghĩa dừng dừng (có trạng thái xả) đối với hai trạng thái (trì trệ và phóng dật) đã được trong sạch' ... 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự đắc chứng thù thắng' ... 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự thấu triệt bậc trên' ... 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự lãnh hội chân lý' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự an lập Niết Bàn' là các giác chi.

'Được giác ngộ ý nghĩa cương quyết của tín quyền' là các giác chi. ...(như trên)... 'Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của tuệ quyền' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của tính chất không dao động ở sự không có đức tin của tín lực' là các giác chi. ...(như trên)... 'Được giác ngộ ý nghĩa của tính chất không dao động ở vô minh của tuệ lực' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của niệm giác chi' là các giác chi. ...(như trên)... 'Được giác ngộ ý nghĩa phân biệt rõ của xả giác chi' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của chánh kiến' là các giác chi. ...(như trên)... 'Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của chánh định' là các giác chi.

'Được giác ngộ ý nghĩa chủ đạo của các quyền' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa không thể bị lay chuyển của các lực' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa dẫn xuất (ra khỏi luân hồi)' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa chủng tử của Đạo' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của sự thiết lập niệm' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của các chánh cần' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của các nền tảng của thần thông' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa thực thể của các chân lý' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa tịnh lặng của các việc thực hành (Thánh Đạo)' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa tác chứng của các Quả' là các giác chi.

'Được giác ngộ ý nghĩa đưa tâm (đến đối tượng) của tầm' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa khẩn khít (vào đối tượng) của tứ' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa lan tỏa của hỷ' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa tràn ngập của lạc' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa chuyên nhất của tâm (định)' là các giác chi.

‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự hướng tâm’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận biết (của thức)’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận biết (của tuệ)’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận biết (của tướng)’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa của sự độc nhất’ là các giác chi.

‘Được giác ngộ ý nghĩa đã được biết của sự biết rõ’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa quyết đoán của sự biết toàn diện’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa buông bỏ của sự dứt bỏ’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa nhất vị của sự tu tập’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa chạm đến của sự tác chứng’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa tập hợp của các uẩn’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa bản thể của các giới’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa vị thế của các xứ’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa tạo tác của các pháp hữu vi’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa không tạo tác của Niết Bàn’ là các giác chi.

‘Được giác ngộ ý nghĩa của tâm’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa liên tục của tâm’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa thoát ra của tâm’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa ly khai của tâm’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về chủng tử của tâm’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về duyên của tâm’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về vật nương của tâm’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về lãnh vực của tâm’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về cảnh (đối tượng) của tâm’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về hành xứ của tâm’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về hành vi của tâm’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về cảnh (đã đạt đến) của tâm’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự quyết định của tâm’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự dẫn xuất (ra khỏi cảnh) của tâm’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự xuất ly của tâm’ là các giác chi.

‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự hướng tâm ở nhất thể’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận biết (của thức) ở nhất thể’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận biết (của tuệ) ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận biết (của tướng) ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa độc nhất ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự bám vào nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự tiến vào nhất thể (đối với sơ thiên)’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự hoan hỷ ở nhất thể (đối với nhị thiên)’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự an trụ ở nhất thể (đối với tam thiên)’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự giải thoát ở nhất thể (đối với tứ thiên)’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận thức ‘Đây là tịnh’ ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tạo thành phương tiện ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tạo thành nền tảng ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được thiết lập ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tích lũy ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự nắm giữ ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự phụ trợ ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự hoàn bị ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự liên kết ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự khẳng định ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự rèn luyện ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự tu tập ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự tu tập ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự tu tập ở nhất thể’ ... ‘Được giác ngộ ý nghĩa về sự tu tập ở nhất thể’

nghĩa về sự làm cho sung mãn ở nhất thể' ... 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự khéo được hiện khởi ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự khéo được giải thoát ở nhất thể' là các giác chi.

'Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ (Sơ Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ (Nhị Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ (Tam Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ (Tứ Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ (Sơ Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ (Nhị Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ (Tam Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ (Tứ Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ (Sơ Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ (Nhị Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ (Tam Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ (Tứ Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang (Sơ Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang (Nhị Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang (Tam Đạo) ở nhất thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang (Tứ Đạo) ở nhất thể' là các giác chi.

'Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm sáng tỏ' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự chói sáng' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa thiêu đốt các phiền não' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa không như bản' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa tách rời như bản' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa hết như bản' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của tĩnh lặng' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của thời điểm' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của tách ly' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh tách ly' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của ly dục' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh ly dục' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của diệt tận' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh diệt tận' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của xả ly' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh xả ly' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của giải thoát' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh giải thoát' là các giác chi.

'Được giác ngộ ý nghĩa của ước muốn' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa nguồn gốc của ước muốn' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa cơ sở của ước muốn' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của ước muốn' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của ước muốn' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa cương quyết của ước muốn' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa ra sức của ước muốn' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của

ước muốn' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của ước muốn' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của ước muốn' là các giác chi.

'Được giác ngộ ý nghĩa của tinh tấn' là các giác chi. ...(như trên)... 'Được giác ngộ ý nghĩa của tâm' là các giác chi. ...(như trên)... 'Được giác ngộ ý nghĩa của thâm xét' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa nguồn cội của thâm xét' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa cơ sở của thâm xét' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của thâm xét' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của thâm xét' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa cương quyết của thâm xét' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa ra sức của thâm xét' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của thâm xét' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của thâm xét' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của thâm xét' là các giác chi.

'Được giác ngộ ý nghĩa áp bức của Khổ' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa tạo tác của Khổ' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa nóng nảy của Khổ' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa chuyển biến của Khổ' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của nhân sanh (Khổ)' ...(nt)... ý nghĩa tích lũy (nghiệp) ...(nt)... ý nghĩa căn nguyên ...(nt)... ý nghĩa ràng buộc ...(nt)... ý nghĩa vương bận của nhân sanh (Khổ)' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của sự diệt tận (Khổ)' ...(nt)... ý nghĩa xuất ly ...(nt)... ý nghĩa viễn ly ...(nt)... ý nghĩa không tạo tác ...(nt)... ý nghĩa bất tử của sự diệt tận (Khổ)' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của Đạo' ...(nt)... ý nghĩa dẫn xuất ...(nt)... ý nghĩa chủng tử ...(nt)... ý nghĩa nhận thức ...(nt)... ý nghĩa pháp chủ đạo của Đạo' là các giác chi.

'Được giác ngộ ý nghĩa của thực thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của vô ngã' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của chân lý' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của thấu triệt' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của biết rõ' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của biết toàn diện' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của hiện tượng' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của bản thể' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của điều đã được biết' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của tác chứng' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của chạm đến' là các giác chi. 'Được giác ngộ ý nghĩa của lãnh hội' là các giác chi.

'Được giác ngộ về sự thoát ly' là các giác chi. 'Được giác ngộ về sự không sân độc' là các giác chi. 'Được giác ngộ về sự nghĩ tưởng đến ánh sáng' là các giác chi. 'Được giác ngộ về sự không tản mạn' là các giác chi. 'Được giác ngộ về sự xác định pháp' là các giác chi. 'Được giác ngộ về trí (đối kháng vô minh)' là các giác chi. 'Được giác ngộ về sự hân hoan' là các giác chi.

'Được giác ngộ về sơ thiền' là các giác chi. ...(như trên)... 'Được giác ngộ sự chứng đạt về phi tướng phi phi tướng xứ' là các giác chi. 'Được giác ngộ sự quán xét về vô thường' là các giác chi ...(như trên)... 'Được giác ngộ Đạo Nhập Lưu' là

các giác chi ...(như trên)... ‘Được giác ngộ Đạo A-la-hán’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ sự chứng đạt Quả A-la-hán’ là các giác chi.

‘Được giác ngộ tín quyền theo ý nghĩa cương quyết’ là các giác chi. ...(như trên)... ‘Được giác ngộ tuệ quyền theo ý nghĩa nhận thức’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ tín lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin’ là các giác chi. ...(như trên)... ‘Được giác ngộ tuệ lực theo ý nghĩa không dao động ở vô minh’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ niệm giác chi theo ý nghĩa thiết lập’ là các giác chi. ...(như trên)... ‘Được giác ngộ xả giác chi theo ý nghĩa phân biệt rõ’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức’ là các giác chi. ...(như trên)... ‘Được giác ngộ chánh định theo ý nghĩa không tản mạn’ là các giác chi.

‘Được giác ngộ các quyền theo pháp chủ đạo’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ các lực theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ các giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất (ra khỏi luân hồi)’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ Đạo theo ý nghĩa chung tử’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ các sự thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết lập’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ ý nghĩa các chánh cần theo ý nghĩa nỗ lực’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ các nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ chân lý theo ý nghĩa thực thể’ là các giác chi.

‘Được giác ngộ chỉ tịnh theo ý nghĩa không tản mạn’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ minh sát theo ý nghĩa quán xét’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ sự kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt quá’ là các giác chi.

‘Được giác ngộ giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ kiên thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ sự giải thoát theo ý nghĩa thoát khỏi’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ về mình theo ý nghĩa thấu triệt’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ sự giải thoát theo ý nghĩa buông bỏ’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng’ là các giác chi.

‘Được giác ngộ về sự ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ về sự tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ về xúc theo ý nghĩa liên kết’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ về thọ theo ý nghĩa hội tụ’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ về định theo ý nghĩa dẫn đầu’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ về niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ về tuệ theo ý nghĩa của sự cao thượng trong các pháp thiện’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ về giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi’ là các giác chi. ‘Được giác ngộ về Niết Bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc’ là các giác chi.

[Duyên khởi ở Sāvattihī]

Tại nơi ấy, đại đức Sārīputta đã bảo các vị tỳ khuru rằng: “Này các đại đức tỳ khuru”. “Thưa đại đức”. Các vị tỳ khuru ấy đã trả lời đại đức Sārīputta. Đại đức Sārīputta đã nói điều này:

- Này các đại đức, đây là bảy giác chi. Bảy là gì? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi...(như trên)... xả giác chi. Này các đại đức, đây là bảy giác chi.

Này các đại đức, trong số bảy giác chi này, (nếu) tôi đây mong muốn an trú vào buổi sáng với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi sáng với chính giác chi ấy. (Nếu) tôi đây mong muốn an trú vào giữa trưa...(như trên)... vào buổi chiều với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi chiều với chính giác chi ấy. Này các đại đức, nếu (điều gọi là) ‘niệm giác chi’ hiện hữu ở tôi, là ‘vô lượng’ ở tôi, là ‘khởi đầu thật tĩnh lặng’ ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘Nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’. Nếu (điều gọi là) ‘trạch pháp giác chi’...(như trên)... ‘xả giác chi’ hiện hữu ở tôi, là ‘vô lượng’ ở tôi, là ‘khởi đầu thật tĩnh lặng’ ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘Nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’.

Này các đại đức, cũng giống như trường hợp đức vua hoặc vị quan đại thần của đức vua có chiếc rương đầy các loại vải nhiều màu sắc khác nhau. Nếu vị ấy mong muốn choàng lên vào buổi sáng một cặp vải nào đó thì có thể choàng lên vào buổi sáng chính cặp vải ấy. Nếu vị ấy mong muốn choàng lên vào giữa trưa...(như trên)... vào buổi chiều một cặp vải nào đó thì có thể choàng lên vào buổi sáng chính cặp vải ấy. Này các đại đức, tương tự y như thế trong số bảy giác chi này, (nếu) tôi mong muốn an trú vào buổi sáng với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi sáng với chính giác chi ấy. (Nếu) tôi mong muốn an trú vào giữa trưa...(như trên)... vào buổi chiều với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi chiều với chính giác chi ấy. Này các đại đức, nếu (điều gọi là) ‘niệm giác chi’ hiện hữu ở tôi, là ‘vô lượng’ ở tôi, là ‘khởi đầu thật tĩnh lặng’ ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘Nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’. Nếu (điều gọi là) ‘trạch pháp giác chi’...(như trên)... ‘xả giác chi’ hiện hữu ở tôi, là ‘vô lượng’ ở tôi, là ‘khởi đầu thật tĩnh lặng’ ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘Nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’.

Có giác chi như vậy: “Nếu (điều gọi là) ‘niệm giác chi’ hiện hữu” là (có ý nghĩa) thế nào? Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu (điều gọi là) ‘niệm giác chi’ hiện hữu”. Cũng giống như đối với cây đèn dầu đang được đốt cháy, cho đến khi nào còn có ngọn lửa thì cho đến khi ấy còn có ánh sáng, cho đến khi nào còn có ánh sáng thì cho đến khi ấy còn có ngọn lửa. Tương tự y như thế, cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu (điều gọi là) ‘niệm giác chi’ hiện hữu”.

Có giác chi như vậy: “Nếu (niệm giác chi) là ‘vô lượng’” là (có ý nghĩa) thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là có tính chất hạn lượng; sự diệt tận theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển, theo ý nghĩa không tạo tác là vô hạn lượng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu (niệm giác chi) là ‘vô lượng’”.

Có giác chi như vậy: “Nếu (niệm giác chi) là ‘khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng’” là (có ý nghĩa) thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là không tĩnh lặng; sự diệt tận theo ý nghĩa thanh tịnh, theo ý nghĩa cao quý là pháp tĩnh lặng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu (niệm giác chi) là ‘khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng’”.

“Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘Nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’” là (có ý nghĩa) thế nào? Niệm giác chi tồn tại với bao nhiêu biểu hiện? Niệm giác chi biến mất với bao nhiêu biểu hiện?

Niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện. Niệm giác chi biến mất với tám biểu hiện.

Niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự không sanh khởi, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự sanh khởi, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự không vận hành, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự vận hành, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến vô tướng, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến hiện tướng, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự diệt tận, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến các hành, niệm giác chi tồn tại; niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện này.

Niệm giác chi biến mất với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự sanh khởi, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không sanh khởi, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đến sự vận hành, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không vận hành, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đến hiện tướng, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến vô tướng, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đến các hành, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự diệt tận, niệm giác chi biến mất; niệm giác chi biến mất với tám biểu hiện này.

“Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘Nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’” là (có ý nghĩa) như thế.

Có giác chi như vậy: “Nếu (điều gọi là) ‘trạch pháp giác chi’ hiện hữu” là (có ý nghĩa) thế nào? ...(như trên)...

Có giác chi như vậy: “Nếu (điều gọi là) ‘xả giác chi’ hiện hữu” là (có ý nghĩa) thế nào? Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn hiện hữu giác chi như vậy: “Nếu (điều gọi là) ‘xả giác chi’ hiện hữu”. Cũng giống như đối với cây đèn dầu đang được đốt cháy, cho đến khi nào còn có ngọn

lửa thì cho đến khi ấy còn có ánh sáng, cho đến khi nào còn có ánh sáng thì cho đến khi ấy còn có ngọn lửa. Tương tự y như thế, cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu (điều gọi là) ‘xả giác chi’ hiện hữu”.

Có giác chi như vậy: “Nếu (xả giác chi) là ‘vô lượng’” là (có ý nghĩa) thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là có tính chất hạn lượng; sự diệt tận theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển, theo ý nghĩa không tạo tác là vô hạn lượng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu (xả giác chi) là ‘vô lượng’”.

Có giác chi như vậy: “Nếu (xả giác chi) là ‘khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng’” là (có ý nghĩa) thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là không tĩnh lặng; sự diệt tận theo ý nghĩa thanh tịnh, theo ý nghĩa cao quý là pháp tĩnh lặng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu (xả giác chi) là ‘khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng’”.

“Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘Nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’” là (có ý nghĩa) thế nào? Xả giác chi tồn tại với bao nhiêu biểu hiện? Xả giác chi biến mất với bao nhiêu biểu hiện?

Xả giác chi tồn tại với tám biểu hiện. Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện.

Xả giác chi tồn tại với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự không sanh khởi, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự sanh khởi, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự không vận hành, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự vận hành, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến vô tướng, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến hiện tướng, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự diệt tận, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến các hành, xả giác chi tồn tại. Xả giác chi tồn tại với tám biểu hiện này.

Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự sanh khởi, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không sanh khởi, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến sự vận hành, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không vận hành, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến hiện tướng, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến vô tướng, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến các hành, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự diệt tận, xả giác chi biến mất. Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện này.

“Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘Nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’” là (có ý nghĩa) như thế. Phần Giảng về Giác Chi được đầy đủ.

IV. GIẢNG VỀ TỪ ÁI

[Duyên khởi ở Sāvathī]

“Này các tỳ khuru, khi từ tâm giải thoát³ là được rèn luyện, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, mười một điều lợi ích là có thể mong mỏi. Mười một là gì? (Vị ấy) ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy mộng寐 xấu xa, được loài người thương mến, được phi nhân thương mến, chư Thiên hộ trì, lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được vị ấy, tâm được định nhanh chóng, sắc mặt trầm tĩnh, từ trần không mê mờ, (nếu) chưa thấu triệt pháp tối thượng thì được sanh về thế giới Phạm thiên. Này các tỳ khuru, khi từ tâm giải thoát là được rèn luyện, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, mười một điều lợi ích này là có thể mong mỏi.

Có (loại) từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn, có (loại) từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn, có (loại) từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với bao nhiêu biểu hiện? Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bao nhiêu biểu hiện? Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương là với bao nhiêu biểu hiện?

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương là với mười biểu hiện.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện gì? ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả các sinh mạng...(nt)... Tất cả các hiện hữu...(nt)... Tất cả các cá nhân...(nt)... Tất cả các hạng có bản ngã hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân’. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện này.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện gì? ‘Tất cả nữ nhân hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả nam nhân... Tất cả Thánh nhân... Tất cả phàm nhân... Tất cả chư thiên... Tất cả loài người... Tất cả hàng đọa xứ hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân’. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện này.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các hướng là với mười biểu hiện gì? ‘Tất cả chúng sanh ở hướng đông hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả chúng sanh ở hướng tây... Tất cả chúng sanh ở hướng bắc... Tất cả chúng sanh ở hướng nam... Tất cả chúng sanh ở hướng đông nam... Tất cả chúng sanh ở hướng tây bắc... Tất cả chúng sanh ở hướng đông bắc... Tất cả chúng sanh ở hướng tây nam... Tất cả chúng sanh ở

hướng dưới ... Tất cả chúng sanh ở hướng trên hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân'. 'Tất cả các sinh mạng ở hướng đông ... các hiện hữu ... các cá nhân ... các hạng có bản ngã ... Tất cả nữ nhân ... Tất cả nam nhân ... Tất cả Thánh nhân ... Tất cả phàm nhân ... Tất cả chư thiên ... Tất cả loài người ... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng đông ... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng tây ... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng bắc ... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng nam ... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng đông nam ... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng tây bắc ... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng đông bắc ... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng tây nam ... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng dưới ...(như trên)... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân'. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các hướng là với mười biểu hiện này.

Đối với tất cả chúng sanh, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bực bội bằng sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: 'Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc bản thân chớ bị khổ đau'. 'Thể hiện từ ái đến tất cả chúng sanh với tám biểu hiện này' là từ ái. 'Suy xét về pháp ấy' là tâm. 'Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại' là giải thoát. 'Từ ái và tâm và giải thoát' là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: 'Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc'; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền.

Ra sức tinh tấn rằng: 'Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc'; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn quyền.

Thiết lập niệm rằng: 'Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc'; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm quyền.

Tập trung tâm rằng: 'Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc'; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định quyền.

Nhận biết bằng tuệ rằng: 'Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc'; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ quyền.

Năm quyền này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào năm quyền này.

Đối với từ tâm giải thoát, năm quyền này là sự rèn luyện, là sự tu tập, là được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, là có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến ‘Điều này là an tịnh’, là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

(Khi tác ý) rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’, như thế (vị ấy) không rung động bởi sự không có đức tin; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín lực.

(Khi tác ý) rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’, như thế (vị ấy) không rung động bởi sự biếng nhác; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn lực.

(Khi tác ý) rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’, như thế (vị ấy) không rung động bởi sự buông lung; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm lực.

(Khi tác ý) rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’, như thế (vị ấy) không rung động bởi sự phóng dật; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định lực.

(Khi tác ý) rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’, như thế (vị ấy) không rung động bởi vô minh; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ lực.

Năm lực này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào năm lực này. Năm lực này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào năm lực này.

Đối với từ tâm giải thoát, năm quyền này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, là có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến ‘Điều này là an tịnh’, là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Thiết lập niệm rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm giác chi.

Suy xét bằng tuệ rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi trạch pháp giác chi.

Ra sức tinh tấn rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi căn giác chi.

Làm an tịnh sự bực bội rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi hỷ giác chi.

Làm an tịnh sự thô xấu rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tịnh giác chi.

Tập trung tâm rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định giác chi.

Phân biệt rõ các phiền não bằng trí rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi xả giác chi.

Bảy giác chi này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào bảy giác chi này.

Đối với từ tâm giải thoát, bảy giác chi này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến ‘Điều này là an tịnh’, là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Nhận thức đúng đắn rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh kiến.

Gắn chặt đúng đắn (tâm vào cảnh) rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tư duy.

Gìn giữ đúng đắn rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh ngữ.

Làm cho sanh khởi đúng đắn rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh nghiệp.

Làm cho trong sạch rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh mạng.

Ra sức đúng đắn rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tinh tấn.

Thiết lập đúng đắn rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh niệm.

Tập trung (tâm) đúng đắn rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh định.

Tám chi đạo này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này.

Đối với từ tâm giải thoát, tám chi đạo này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến ‘Điều này là an tịnh’, là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạn vỡ.

Đối với tất cả các sinh mạng ... Đối với tất cả các hiện hữu ... Đối với tất cả các cá nhân ... Đối với tất cả các hạng có bản ngã ... Đối với tất cả nữ nhân ... Đối với tất cả nam nhân ... Đối với tất cả Thánh nhân ... Đối với tất cả phàm nhân ... Đối với tất cả chư thiên ... Đối với tất cả loài người ... Đối với tất cả hàng đọa xứ, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại,

xua đi sự bực bội bằng sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: ‘Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc bản thân chớ bị khổ đau’. ‘Thể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này’ là từ ái. ‘Suy xét về pháp ấy’ là tâm. ‘Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại’ là giải thoát. ‘Từ ái và tâm và giải thoát’ là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: ‘Tất cả hàng đọa xứ hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền ...(như trên)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Đối với tất cả chúng sanh ở hướng đông ... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng tây ... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng bắc ... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng nam ... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng đông nam ... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng tây bắc ... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng đông bắc ... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng tây nam ... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng dưới ... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng trên, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bực bội bằng sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: ‘Tất cả chúng sanh ở hướng trên hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc bản thân chớ bị khổ đau’. ‘Thể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này’ là từ ái. ‘Suy xét về pháp ấy’ là tâm. ‘Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại’ là giải thoát. ‘Từ ái và tâm và giải thoát’ là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: ‘Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền ...(như trên)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Đối với tất cả các sinh mạng ở hướng đông ... Đối với tất cả các hiện hữu ... Đối với tất cả các cá nhân ... Đối với tất cả các hạng có bản ngã ... Đối với tất cả nữ nhân ... Đối với tất cả nam nhân ... Đối với tất cả Thánh nhân ... Đối với tất cả phàm nhân ... Đối với tất cả chư thiên ... Đối với tất cả loài người ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng tây ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng bắc ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng nam ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng đông nam ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng tây bắc ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng đông bắc ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng tây nam ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng dưới ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bực bội bằng sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: ‘Tất cả hàng

đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc bản thân chớ bị khổ đau'. 'Thể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này' là từ ái. 'Suy xét về pháp ấy' là tâm. 'Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại' là giải thoát. 'Từ ái và tâm và giải thoát' là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: 'Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc'; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền. Ra sức tinh tấn rằng: 'Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc'; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền. Thiết lập niệm rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm quyền. Tập trung tâm rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định quyền. Nhận biết bằng tuệ rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ quyền.

Năm quyền này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm quyền này. ...(như trên)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Không dao động ở sự không có đức tin rằng: 'Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc'; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền. Không dao động ở sự biếng nhác rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn lực. Không dao động ở sự buông lung rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm lực. Không dao động ở sự phóng dật rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định lực. Không dao động ở vô minh rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ lực.

Năm lực này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm quyền này. ...(như trên)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Thiết lập niệm rằng: 'Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc'; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm giác chi. Suy xét bằng tuệ rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi trạch pháp giác chi. Ra sức tinh tấn rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi cần giác chi. Làm an tịnh sự bực bội rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi hỷ giác chi. Làm an tịnh sự thô xấu rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tịnh giác chi. Tập trung tâm rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định giác chi. Phân biệt rõ các phiền não bằng trí rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi xả giác chi.

Bảy giác chi này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ bảy giác chi này. ...(như trên)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Nhận thức đúng đắn rằng: ‘Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc’; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh kiến. Gắn chặt đúng đắn (tâm vào cảnh) rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tư duy. Gìn giữ đúng đắn rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh ngữ. Làm cho sanh khởi đúng đắn rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh nghiệp. Làm cho trong sạch rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh mạng. Ra sức đúng đắn rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tinh tấn. Thiết lập đúng đắn rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh niệm. Tập trung (tâm) đúng đắn rằng: ...(như trên)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh định.

Tám chi đạo này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào tám chi đạo này. ...(như trên)... Tám chi đạo này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này.

Đối với từ tâm giải thoát, tám chi đạo này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến ‘Điều này là an tịnh’, là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Phản Giảng về Từ Ái được đầy đủ.

---o0o---

V. GIẢNG VỀ LY THAM ÁI

Ly tham ái là Đạo, sự giải thoát là Quả.

Ly tham ái là Đạo là (có ý nghĩa) thế nào? Vào sát-na Đạo Nhập Lưu, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức loại bỏ tà kiến, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tướng ở ngoại phần.

Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xứ là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.⁴

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết Bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết Bàn đều là ly tham ái. ‘Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái’,⁵ như thế ly tham ái là đạo lộ. ‘Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thánh Văn đi đến Niết Bàn là hướng chưa đi’, như thế là đạo lộ có tám chi phần. ‘Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh

Đạo tám chi phần này là tốt đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng, và ưu tú', như thế trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Chánh tư duy, theo ý nghĩa gắn chặt (tâm vào cảnh), loại bỏ tà tư duy. ...(như trên)... Chánh ngữ, theo ý nghĩa gìn giữ, loại bỏ tà ngữ. ...(như trên)... Chánh nghiệp, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, loại bỏ tà nghiệp. ...(như trên)... Chánh mạng, theo ý nghĩa trong sạch, loại bỏ tà mạng. ...(như trên)... Chánh tinh tấn, theo ý nghĩa ra sức, loại bỏ tà tinh tấn. ...(như trên)... Chánh niệm, theo ý nghĩa thiết lập, loại bỏ tà niệm. ...(như trên)... Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, loại bỏ tà định, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xử là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết Bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết Bàn đều là ly tham ái. 'Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái', như thế ly tham ái là đạo lộ. 'Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thánh Văn đi đến Niết Bàn là hướng chưa đi', như thế là đạo lộ có tám chi phần. 'Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh Đạo tám chi phần này là tốt đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng, và ưu tú', như thế trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Vào sát-na Đạo Nhất Lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức ...(như trên)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn loại bỏ sự ràng buộc của ái dục, sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xử là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết Bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết Bàn đều là ly tham ái. 'Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái', như thế ly tham ái là đạo lộ. 'Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thánh Văn đi đến Niết Bàn là hướng chưa đi', như thế là đạo lộ có tám chi phần. 'Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh Đạo tám chi phần này là tốt đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng, và ưu tú'; như thế trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Vào sát-na Đạo Bất Lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức ...(như trên)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn loại bỏ sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái ...(như trên)... như thế trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Vào sát-na Đạo A-la-hán, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức ...(nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tán mạn loại bỏ ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xử là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết Bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết Bàn đều là ly tham ái. ‘Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái’, như thế ly tham ái là đạo lộ. ‘Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thánh Văn đi đến Niết Bàn là hướng chưa đi’, như thế là đạo lộ có tám chi phần. ‘Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh Đạo tám chi phần này là tốt đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng, và ưu tú’, như thế trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Ly tham ái là nhận thức, tức là chánh kiến. Ly tham ái là sự gắn chặt (tâm vào cảnh), tức là chánh tư duy. Ly tham ái là sự gìn giữ, tức là chánh ngữ. Ly tham ái là nguồn sanh khởi, tức là chánh nghiệp. Ly tham ái là sự trong sạch, tức là chánh mạng. Ly tham ái là sự ra sức, tức là chánh tinh tấn. Ly tham ái là sự thiết lập, tức là chánh niệm. Ly tham ái là sự không tán mạn, tức là chánh định.

Ly tham ái là sự thiết lập, tức là niệm giác chi. Ly tham ái là sự suy xét, tức là trạch pháp giác chi. Ly tham ái là sự ra sức, tức là cần giác chi. Ly tham ái là sự lan tỏa, tức là hỷ giác chi. Ly tham ái là sự an tịnh, tức là tịnh giác chi. Ly tham ái là sự không tán mạn, tức là định giác chi. Ly tham ái là sự phân biệt rõ, tức là xả giác chi.

Ly tham ái là không dao động ở sự không có đức tin, tức là tín lực. Ly tham ái là không dao động ở sự biếng nhác, tức là tấn lực. Ly tham ái là không dao động ở sự buông lung, tức là niệm lực. Ly tham ái là không dao động ở sự phóng dật, tức là định lực. Ly tham ái là không dao động ở sự vô minh, tức là tuệ lực.

Ly tham ái là sự cương quyết, tức là tín quyền. Ly tham ái là sự ra sức, tức là tấn quyền. Ly tham ái là sự thiết lập, tức là niệm quyền. Ly tham ái là sự không tán mạn, tức là định quyền. Ly tham ái là sự nhận thức, tức là tuệ quyền.

Các quyền, theo ý nghĩa chủ đạo, là ly tham ái. Lực, theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển, là ly tham ái. Các giác chi, theo ý nghĩa dẫn xuất, là ly tham ái. Đạo, theo ý nghĩa chung tử, là ly tham ái. Sự thiết lập niệm, theo ý nghĩa thiết lập, là ly tham ái. Các chân lý, theo ý nghĩa của thực thể, là ly tham ái. Chỉ tịnh, theo ý nghĩa không tán mạn, là ly tham ái. Minh sát theo ý nghĩa quán xét, là ly tham ái. Chỉ tịnh và minh sát, theo ý nghĩa nhất vị, là ly tham ái. Sự kết hợp chung, theo ý nghĩa không vượt quá, là ly tham ái. Giới thanh tịnh, theo ý nghĩa thu thúc, là ly tham ái. Tâm thanh tịnh, theo ý nghĩa không tán mạn, là ly tham ái. Kiến thanh tịnh, theo ý nghĩa nhận thức, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa thoát khỏi, là ly tham ái. Minh, theo ý nghĩa thấu triệt, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa buông bỏ, là ly

tham ái. Trí về sự đoạn tận, theo ý nghĩa đoạn trừ, là ly tham ái. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, là ly tham ái. Tác ý, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, là ly tham ái. Xúc, theo ý nghĩa liên kết, là ly tham ái. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, là ly tham ái. Định, theo ý nghĩa dẫn đầu, là ly tham ái. Niệm, theo ý nghĩa chủ đạo, là ly tham ái. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa của cốt lõi, là ly tham ái. Niết Bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là ly tham ái.

Sự nhận thức là Đạo, tức là chánh kiến. Sự gắn chặt (tâm vào cảnh) là Đạo, tức là chánh tư duy ...nt)... Niết Bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là Đạo. Ly tham ái là Đạo là (có ý nghĩa) như thế.

Sự giải thoát là Quả là (có ý nghĩa) thế nào? Vào sát-na Đạo Nhập Lưu, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức được giải thoát khỏi tà kiến, được giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, được giải thoát khỏi tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: ‘Niết Bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết Bàn đều là sự giải thoát’; như thế, giải thoát là Quả.

Chánh tư duy, theo ý nghĩa gắn chặt (tâm vào cảnh), giải thoát khỏi tà tư duy, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tượng ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: ‘Niết Bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết Bàn đều là sự giải thoát’; như thế, giải thoát là Quả.

Chánh ngữ, theo ý nghĩa gìn giữ, giải thoát khỏi tà ngữ ... Chánh nghiệp, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, giải thoát khỏi tà nghiệp ... Chánh mạng, theo ý nghĩa trong sạch, giải thoát khỏi tà mạng ... Chánh tinh tấn, theo ý nghĩa ra sức, giải thoát khỏi tà tinh tấn ... Chánh niệm, theo ý nghĩa thiết lập, giải thoát khỏi tà niệm ... Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi tà định, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: ‘Niết Bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết Bàn đều là sự giải thoát’; như thế, sự giải thoát là Quả.

Vào sát-na Quả Nhất Lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức ...(như trên)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn giải thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục, sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: ‘Niết Bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết Bàn đều là sự giải thoát’; như thế, giải thoát là Quả.

Vào sát-na Quả Bất Lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức ...(như trên)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn giải thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: ...(nt)... giải thoát là Quả.

Vào sát-na Quả A-la-hán, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức ...(như trên)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn giải thoát khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: ‘Niết Bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết Bàn đều là sự giải thoát’; như thế, giải thoát là Quả.

Giải thoát là sự nhận thức, tức là chánh kiến. ...(như trên)... Giải thoát là sự không tản mạn, tức là chánh định. Giải thoát là sự thiết lập, tức là niệm giác chi. ...(như trên)... Giải thoát là sự phân biệt rõ, tức là xả giác chi. Giải thoát là không dao động ở sự không có đức tin, tức là tín lực. ...(như trên)... Giải thoát là không dao động ở vô minh, tức là tuệ lực. Giải thoát là sự cương quyết, tức là tín quyền ...(như trên)... Giải thoát là sự nhận thức, tức là tuệ quyền.

Các quyền, theo ý nghĩa chủ đạo, là sự giải thoát. Các lực, theo ý nghĩa không bị dao động, là sự giải thoát. Các giác chi, theo ý nghĩa dẫn xuất, là sự giải thoát. Đạo, theo ý nghĩa chung tử, là sự giải thoát. Sự thiết lập niệm, theo ý nghĩa thiết lập, là sự giải thoát. Chánh cần, theo ý nghĩa nỗ lực là sự giải thoát. Các nền tảng của thần thông, theo ý nghĩa thành tựu, là sự giải thoát. Các chân lý, theo ý nghĩa thực thể, là sự giải thoát. Chỉ tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, là sự giải thoát. Minh sát theo ý nghĩa quán xét, là sự giải thoát. Chỉ tịnh và minh sát, theo ý

nghĩa nhất vị, là sự giải thoát. Sự kết hợp chung, theo ý nghĩa không vượt quá, là sự giải thoát. Giới thanh tịnh, theo ý nghĩa thu thúc, là sự giải thoát. Tâm thanh tịnh, theo ý nghĩa không tán mạn, là sự giải thoát. Kiến thanh tịnh, theo ý nghĩa nhận thức, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa thoát khỏi, là sự giải thoát. Minh, theo ý nghĩa thấu triệt, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa buông bỏ, là sự giải thoát. Trí về vô thủ, theo ý nghĩa an tịnh, là sự giải thoát. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, là sự giải thoát. Tác ý, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, là sự giải thoát. Xúc, theo ý nghĩa liên kết, là sự giải thoát. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, là sự giải thoát. Định, theo ý nghĩa dẫn đầu, là sự giải thoát. Niệm, theo ý nghĩa chủ đạo, là sự giải thoát. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa của cốt lõi, là sự giải thoát. Niết Bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là sự giải thoát. Sự giải thoát là Quả là (có ý nghĩa) như thế. Ly tham ái là Đạo, sự giải thoát là Quả là (có ý nghĩa) như thế. Phần Giảng về Ly Tham Ái được đầy đủ.

---o0o---

VI. GIẢNG VỀ SỰ PHÂN TÍCH

Tôi đã được nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại Bārāṇasī, Isipatana, nơi vườn nai. Tại đó, đức Thế Tôn đã nói với các vị tỳ khuru nhóm năm vị rằng:

- Nay các tỳ khuru, đây là hai cực đoan mà bậc xuất gia không nên thực hành. Hai là gì? Đây là sự say đắm về dục lạc trong các dục, kém cỏi, thô thiển, tầm thường, không cao thượng, không đem lại lợi ích, và đây là sự gắn bó với việc hành hạ bản thân, đau khổ, không cao thượng, không đem lại lợi ích. Nay các tỳ khuru, sau khi không tiếp cận cả hai cực đoan ấy, lối thực hành trung hòa đã được đức Như lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết Bàn.

Và nay các tỳ khuru, lối thực hành trung hòa đã được đức Như lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết Bàn, (lối thực hành trung hòa) ấy là gì? Đó chính là Thánh Đạo tám chi phần tức là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định. Nay các tỳ khuru, lối thực hành trung hòa ấy đã được đức Như lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết Bàn.

Nay các tỳ khuru, đây là chân lý cao thượng tức là sự Khổ: sanh là khổ, già cũng là khổ, bệnh cũng là khổ, chết cũng là khổ, sự gắn bó với những gì không ưa thích cũng là khổ, sự chia lìa với những gì ưa thích cũng là khổ, không đạt được điều ước muốn cũng là khổ, một cách tóm tắt năm thủ uẩn là khổ.

Này các tỳ khuru, đây là chân lý cao thượng tức là nhân sanh của Khổ. Điều ấy chính là ái đưa đến tái sanh, liên kết với khoái lạc và tham ái, có sự thỏa thích ở nơi này nơi khác tức là: dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

Này các tỳ khuru, đây là chân lý cao thượng tức là sự diệt tận Khổ. Điều ấy là sự diệt tận và ly tham ái không còn dư sót, là sự buông bỏ, là sự từ bỏ, là sự giải thoát, là sự không còn chỗ nương tựa đối với chính ái ấy.

Này các tỳ khuru, đây là chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận Khổ. Đó chính là Thánh Đạo tám chi phần tức là chánh kiến ...(như trên)... chánh định.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự Khổ’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự Khổ cần được biết toàn diện’. ...(như trên)... đã được biết toàn diện’.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là nhân sanh Khổ’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là nhân sanh Khổ cần được dứt bỏ’. ...(như trên)... đã được dứt bỏ’.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự diệt tận Khổ’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự diệt tận Khổ cần được tác chứng’. ...(như trên)... đã được tác chứng’.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận Khổ’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận Khổ cần được tu tập’. ...(như trên)... đã được tu tập’.

Này các tỳ khuru, cho đến khi nào sự biết và thấy đúng theo thực thể của ta về ba Luân và mười hai Thể của bốn chân lý cao thượng này chưa được thực sự thanh tịnh; này các tỳ khuru, cho đến khi ấy ta chưa công bố là ‘Đã hoàn toàn giác

ngộ quả vô thượng Chánh Đẳng Giác’ ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và này các tỳ khuru, bởi vì sự biết và thấy đúng theo thực thể của ta về ba Luân và mười hai Thế trong bốn chân lý cao thượng này đã được thực sự thanh tịnh; này các tỳ khuru, khi ấy ta đã công bố là ‘Đã hoàn toàn giác ngộ quả vô thượng Chánh Đẳng Giác’ ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Hơn nữa, sự biết và thấy đã sanh khởi đến ta rằng: ‘Sự giải thoát của ta là không thể thay đổi. Đây là lần sanh cuối cùng, giờ không còn tái sanh nữa’.

Đức Thế Tôn đã giảng về điều ấy. Các tỳ khuru nhóm năm vị đã hoan hỷ thâm nhận lời dạy của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này được thuyết giảng, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến đại đức Koṇḍañña: ‘Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt’.

Khi bánh xe Pháp được chuyển vận bởi đức Thế Tôn, chư thiên ở địa cầu đã đồn đãi lời rằng: ‘Bánh xe Pháp tối thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận tại Bārāṇasī, Isipatana, nơi vườn nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma Vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời’. Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đãi lời rằng: ...(như trên)... Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên ở cõi Đạo Lợi đã đồn đãi lời rằng: ...(như trên)... chư thiên ở cõi Dạ Ma ...(như trên)... chư thiên ở cõi Đâu Suất ...(như trên)... chư thiên ở cõi Hóa Lạc Thiên ...(như trên)... chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại ...(như trên)... chư thiên thuộc hàng Phạm thiên đã đồn đãi lời rằng: ‘Bánh xe Pháp tối thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận tại Bārāṇasī, Isipatana, nơi vườn nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, thiên nhân, Ma Vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời’.

Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đãi ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên. Và mười ngàn thế giới này đã bị lay chuyển, rung động, chấn động. Và ánh sáng vô lượng tuyệt vời đã hiện ra ở thế gian, vượt quá hào quang siêu phàm của chư thiên.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này: ‘Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được! Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được!’ Do đó, đại đức Koṇḍañña đã có tên là ‘Aññakoṇḍañña’.⁶

(Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự Khổ’.

‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Trí đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Tuệ đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Minh đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận

thức. ‘Trí đã sanh khởi’ theo ý nghĩa đã được biết. ‘Tuệ đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận biết. ‘Minh đã sanh khởi’ theo ý nghĩa thấu triệt. ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa chiếu sáng.

(Pháp) nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các pháp là sự phân tích các pháp*”.

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa*”.

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ*”.

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải*”.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự Khô cần được biết toàn diện’. ...(như trên)... đã được biết toàn diện’.

‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Trí đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Tuệ đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Minh đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận thức. ‘Trí đã sanh khởi’ theo ý nghĩa đã được biết. ‘Tuệ đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận biết. ‘Minh đã sanh khởi’ theo ý nghĩa thấu triệt. ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa chiếu sáng.

(Pháp) nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các pháp là sự phân tích các pháp*”.

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa*”.

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ*”.

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải*”.

Ở chân lý cao thượng tức là sự Khổ có 15 pháp, 15 ý nghĩa, 30 ngôn từ, và 60 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là nhân sanh Khổ’....(như trên)... (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là nhân sanh Khổ cần được dứt bỏ’....(như trên)... đã được dứt bỏ’....(như trên)...

Ở chân lý cao thượng tức là nhân sanh Khổ có 15 pháp, 15 ý nghĩa, 30 ngôn từ, và 60 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự diệt tận Khổ’....(như trên)... (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự diệt tận Khổ cần được tác chứng’....(như trên)... đã được tác chứng’....(như trên)...

Ở chân lý cao thượng tức là sự diệt tận Khổ có 15 pháp, 15 ý nghĩa, 30 ngôn từ, và 60 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận Khổ’....(như trên)... (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận Khổ cần được tu tập’....(như trên)... đã được tu tập’....(như trên)...

Ở chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận Khổ có 15 pháp, 15 ý nghĩa, 30 ngôn từ, và 60 trí.

Ở bốn chân lý cao thượng có 60 pháp, 60 ý nghĩa, 120 ngôn từ, và 240 trí.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là sự quán xét thân trên thân’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập...(như trên)... đã được tu tập’.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là sự quán xét thọ trên các thọ’. ... tâm trên tâm’. ... pháp trên các pháp’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Sự quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập...(như trên)... đã được tu tập’.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là sự quán xét thân trên thân’. ...(như trên)... (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập...(như trên)... đã được tu tập’.

‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Trí đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Tuệ đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Minh đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận thức. ‘Trí đã sanh khởi’ theo ý nghĩa đã được biết. ‘Tuệ đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận biết. ‘Minh đã sanh khởi’ theo ý nghĩa thấu triệt. ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa chiếu sáng.

(Pháp) nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các pháp là sự phân tích các pháp*”.

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa*”.

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc

ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ*”.

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải*”.

Ở sự thiết lập niệm về quán thân trên thân có 15 pháp, 15 ý nghĩa, 30 ngôn từ, và 60 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là sự quán xét thọ trên các thọ’. ... tâm trên tâm’. ... pháp trên các pháp’. ... (như trên)... (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Sự quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập...(như trên)... đã được tu tập’. ... (như trên)... Ở sự thiết lập niệm về quán pháp trên các pháp có 15 pháp, 15 ý nghĩa, 30 ngôn từ, và 60 trí.

Ở bốn sự thiết lập niệm có 60 pháp, 60 ý nghĩa, 120 ngôn từ, và 240 trí.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là nền tảng của thân thông hội đủ (các yếu tố) định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Nền tảng của thân thông hội đủ (các yếu tố) định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập...(như trên)... đã được tu tập’.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là nền tảng của thân thông hội đủ (các yếu tố) định do tinh tấn ... định do tâm ... định do thâm xét và các tạo tác do nỗ lực’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Nền tảng của thân thông hội đủ (các yếu tố) định do thâm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập...(như trên)... đã được tu tập’.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là nền tảng của thân thông hội đủ (các yếu tố) định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực’. ... (như trên)... (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Nền tảng của thân thông hội đủ (các yếu tố) định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập...(như trên)... đã được tu tập’.

‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Trí đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Tuệ đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Minh đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Ánh

sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận thức. ‘Trí đã sanh khởi’ theo ý nghĩa đã được biết. ‘Tuệ đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận biết. ‘Minh đã sanh khởi’ theo ý nghĩa thấu triệt. ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa chiếu sáng.

(Pháp) nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các pháp là sự phân tích các pháp*”.

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa*”.

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ*”.

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “*Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải*”.

Ở nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực có 15 pháp, 15 ý nghĩa, 30 ngôn từ, và 60 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực’....(như trên)... (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập...(như trên)... đã được tu tập’. Ở nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực có 15 pháp, 15 ý nghĩa, 30 ngôn từ, và 60 trí.

Ở bốn nền tảng của thần thông có 60 pháp, 60 ý nghĩa, 120 ngôn từ, và 240 trí.

Này các tỳ khuru, Bồ Tát Vipassī có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Nhân sanh, nhân sanh’. Này các tỳ khuru, Bồ Tát Vipassī có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa

từng được nghe: ‘Sự diệt tận, sự diệt tận’. Ở lời tuyên bố của Bồ Tát Vipassī có 10 pháp, 10 ý nghĩa, 20 ngôn từ, và 40 trí.

Này các tỳ khuru, Bồ Tát Sikhī ... Bồ Tát Vessabhū ... Bồ Tát Kakusandha ... Bồ Tát Koṇāgamana ... Bồ Tát Kassapa có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Nhân sanh, nhân sanh’. Này các tỳ khuru, Bồ Tát Kassapa có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Sự diệt tận, sự diệt tận’. Ở lời tuyên bố của Bồ Tát Kassapa có 10 pháp, 10 ý nghĩa, 20 ngôn từ, và 40 trí.

Này các tỳ khuru, Bồ Tát Gotama có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Nhân sanh, nhân sanh’. Này các tỳ khuru, Bồ Tát Gotama có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Sự diệt tận, sự diệt tận’. Ở lời tuyên bố của Bồ Tát Gotama có 10 pháp, 10 ý nghĩa, 20 ngôn từ, và 40 trí.

Ở bảy lời tuyên bố của bảy vị Bồ Tát có 70 pháp, 70 ý nghĩa, 140 ngôn từ, và 280 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: ‘Cho đến ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự biết rõ là không được chạm đến bởi tuệ’. Ở ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ có 25 pháp, 25 ý nghĩa, 50 ngôn từ, và 100 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: ‘Cho đến ý nghĩa biết toàn diện của sự biết toàn diện ...(như trên)... ‘Cho đến ý nghĩa dứt bỏ của sự dứt bỏ ...(như trên)... Cho đến ý nghĩa về tu tập của sự tu tập ...(như trên)... Cho đến ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa tác chứng là không được chạm đến bởi tuệ’. Ở ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng có 25 pháp, 25 ý nghĩa, 50 ngôn từ, và 100 trí.

Ở ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ, về ý nghĩa biết toàn diện của sự biết toàn diện, về ý nghĩa dứt bỏ của sự dứt bỏ, về ý nghĩa tu tập của sự tu tập, về ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng có 125 pháp, 125 ý nghĩa, 250 ngôn từ, và 500 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: ‘Cho đến ý nghĩa về uẩn của các uẩn là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa về uẩn là không được chạm đến bởi tuệ’. Ở ý nghĩa về uẩn của các uẩn có 25 pháp, 25 ý nghĩa, 50 ngôn từ, và 100 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: ‘Cho đến ý nghĩa về giới của các giới ... ‘Cho đến ý

nghĩa về xứ của các xứ ... Cho đến ý nghĩa tạo tác của các tạo tác ... Cho đến ý nghĩa không tạo tác của không tạo tác là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của không tạo tác là không được chạm đến bởi tuệ'. Ở ý nghĩa không tạo tác của không tạo tác có 25 pháp, 25 ý nghĩa, 50 ngôn từ, và 100 trí.

Ở ý nghĩa về uẩn của các uẩn, ở ý nghĩa về giới của các giới, ở ý nghĩa về xứ của các xứ, ở ý nghĩa tạo tác của các tạo tác, ở ý nghĩa không tạo tác của không tạo tác có 125 pháp, 125 ý nghĩa, 250 ngôn từ, và 500 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: 'Cho đến ý nghĩa về khổ của Khổ là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của Khổ là không được chạm đến bởi tuệ'. Ở ý nghĩa về khổ của Khổ có 25 pháp, 25 ý nghĩa, 50 ngôn từ, và 100 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi: 'Cho đến ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh ...(như trên)... 'Cho đến ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận ...(như trên)... 'Cho đến ý nghĩa về đạo của Đạo là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của Đạo là không được chạm đến bởi tuệ'. Ở ý nghĩa về đạo của Đạo có 25 pháp, 25 ý nghĩa, 50 ngôn từ, và 100 trí.

Ở bốn chân lý cao thượng có 100 pháp, 100 ý nghĩa, 200 ngôn từ, và 400 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(nt)... ánh sáng đã sanh khởi: 'Cho đến ý nghĩa về phân tích ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa là không được chạm đến bởi tuệ'. Ở ý nghĩa về phân tích ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa có 25 pháp, 25 ý nghĩa, 50 ngôn từ, và 100 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi: 'Cho đến ý nghĩa về phân tích pháp của sự phân tích pháp ...(như trên)... 'Cho đến ý nghĩa về phân tích ngôn từ của sự phân tích ngôn từ ...(như trên)... 'Cho đến ý nghĩa về phân tích phép biện giải của sự phân tích phép biện giải là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự phân tích phép biện giải là không được chạm đến bởi tuệ'. Ở ý nghĩa về phân tích phép biện giải của sự phân tích phép biện giải có 25 pháp, 25 ý nghĩa, 50 ngôn từ, và 100 trí.

Ở bốn phân tích có 100 pháp, 100 ý nghĩa, 200 ngôn từ, và 400 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi: 'Cho đến trí biết được khả năng người khác là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có trí biết được khả năng người khác là không được chạm đến bởi tuệ'. Ở trí biết được khả năng người khác có 25 pháp, 25 ý nghĩa, 50 ngôn từ, và 100 trí.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: ‘Cho đến bảy thiên kiến và xu hướng ngũ ngầm...(như trên)... ‘Cho đến trí song thông...(như trên)... ‘Cho đến trí về sự thể nhập đại bi...(như trên)... ‘Cho đến trí Toàn Giác...(như trên)... ‘Cho đến trí không bị ngăn che là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có trí không bị ngăn che là không được chạm đến bởi tuệ’. Ở trí không bị ngăn che có 25 pháp, 25 ý nghĩa, 50 ngôn từ, và 100 trí. Ở sáu pháp của đức Phật có 150 pháp, 150 ý nghĩa, 300 ngôn từ, và 600 trí. Ở trường hợp về phân tích có 850 pháp, 850 ý nghĩa, 1700 ngôn từ, và 3400 trí. Phần Giảng về sự Phân Tích được đầy đủ.

---o0o---

VII. GIẢNG VỀ PHÁP LUÂN

Một thời, đức Thế Tôn ngự tại Bārāṇasī...(như trên)... Do đó, đại đức Koṇḍañña đã có tên là ‘Aññakoṇḍañña’.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là chân lý cao thượng tức là sự Khô’.

‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Trí đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Tuệ đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Minh đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận thức. ‘Trí đã sanh khởi’ theo ý nghĩa đã được biết. ‘Tuệ đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận biết. ‘Minh đã sanh khởi’ theo ý nghĩa thấu triệt. ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa chiếu sáng.

(Pháp) nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. Trí là pháp, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa. Tuệ là pháp, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa. Minh là pháp, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa. Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có Khô là nền tảng, có Chân Lý là nền tảng, có Chân Lý là đối tượng, có Chân Lý là hành xử, được tổng hợp lại ở Chân Lý, được hệ thuộc vào Chân Lý, được hiện khởi ở Chân Lý, được tồn tại ở Chân Lý, được thiết lập ở Chân Lý.

Pháp luân: Pháp Luân với ý nghĩa gì? ‘Chuyển vận Pháp và bánh xe’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận bánh xe và Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận theo Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận theo hành vi của Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận khi tồn tại ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận khi được thiết lập ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi thiết lập (người khác) ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận khi đạt được năng lực’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi tạo cho (người khác) đạt được năng lực ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận khi đạt được sự toàn hảo ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi tạo cho (người khác) đạt được sự toàn

hảo ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận khi đạt được sự tự tin ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi tạo cho (người khác) đạt được sự tự tin ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi tôn vinh Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi tôn kính Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi tôn trọng Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi cúng dường Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi sùng kính Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận có Pháp là ngọn cờ’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận có Pháp là biểu hiệu’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận có Pháp là chủ đạo’ là Pháp Luân. ‘Hơn nữa, Pháp luân ấy là không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma Vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời’ là Pháp Luân.

‘Tín quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Tấn quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Niệm quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Định quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Tuệ quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân.

‘Tín lực là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Tấn lực là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Niệm lực là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Định lực là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Tuệ lực là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân.

‘Niệm giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Trạch pháp giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Tịnh tấn giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Hỷ giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Tịnh giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Định giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Xả giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân.

‘Chánh kiến là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. Chánh tư duy là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Chánh ngữ là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Chánh nghiệp là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Chánh mạng là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Chánh tinh tấn là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Chánh niệm là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Chánh định là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân.

‘Quyền theo ý nghĩa chủ đạo là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Lực theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất (ra khỏi luân hồi) là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Đạo theo ý nghĩa chủng tử là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Các sự thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết lập là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Các chánh cần theo ý nghĩa nỗ lực là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Các nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Các chân lý theo ý nghĩa thực thể là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Chỉ tịnh theo ý nghĩa không tán mạn là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ‘Minh sát theo ý nghĩa quán xét là pháp, chuyển vận pháp

ấy' là Pháp luân. 'Chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Sự kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt quá là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Xúc theo ý nghĩa liên kết là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Thọ theo ý nghĩa hội tụ là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Định theo ý nghĩa dẫn đầu là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Tuệ theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Sự giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân. 'Niết Bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: 'Đây là chân lý cao thượng tức là sự Khổ cần được biết toàn diện'....(như trên)... đã được biết toàn diện'.

'(Pháp) nhãn đã sanh khởi' theo ý nghĩa gì?...(nt)... 'Ánh sáng đã sanh khởi' theo ý nghĩa gì? '(Pháp) nhãn đã sanh khởi' theo ý nghĩa nhận thức. ...(nt)... 'Ánh sáng đã sanh khởi' theo ý nghĩa chiếu sáng.

(Pháp) nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ...(như trên)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có Khổ là nền tảng, có Chân Lý là nền tảng, có Chân Lý là đối tượng, có Chân Lý là hành xử, được tổng hợp lại ở Chân Lý, được hệ thuộc vào Chân Lý, được hiện khởi ở Chân Lý, được tồn tại ở Chân Lý, được thiết lập ở Chân Lý.

Pháp luân: Pháp Luân (Bánh xe Pháp) với ý nghĩa gì? 'Chuyển vận Pháp và bánh xe' là Pháp luân. 'Chuyển vận bánh xe và Pháp' là Pháp luân. 'Chuyển vận với Pháp' là Pháp luân. 'Chuyển vận với hành vi của Pháp' là Pháp luân. 'Chuyển vận khi tồn tại ở Pháp' là Pháp Luân. 'Chuyển vận khi được thiết lập ở Pháp' là Pháp Luân. ...(như trên)... 'Niết Bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy' là Pháp luân.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: 'Đây là chân lý cao thượng tức là nhân sanh Khổ'....(như trên)... (Pháp) nhãn đã sanh khởi...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: 'Đây là chân lý cao thượng tức là nhân sanh Khổ cần được dứt bỏ'....(như trên)... đã được dứt bỏ'....(như trên)...

‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ...(như trên)... ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận thức. ...(như trên)... ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa chiếu sáng.

(Pháp) nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ...(như trên)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có Nhân Sanh là nền tảng, có Chân Lý là nền tảng ...(như trên)... có sự Diệt Tận là nền tảng, có Chân Lý là nền tảng ...(như trên)... có Đạo là nền tảng, có Chân Lý là nền tảng, có Chân Lý là đối tượng, có Chân Lý là hành xứ, được tổng hợp lại ở Chân Lý, được hệ thuộc vào Chân Lý, được hiện khởi ở Chân Lý, được tồn tại ở Chân Lý, được thiết lập ở Chân Lý.

Pháp luân: Pháp Luân (Bánh xe Pháp) với ý nghĩa gì? ‘Chuyển vận Pháp và bánh xe’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận bánh xe và Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận với Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận với hành vi của Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận khi tồn tại ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận khi được thiết lập ở Pháp’ là Pháp Luân. ...(như trên)... ‘Niết Bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là sự quán xét thân trên thân’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập ...(như trên)... đã được tu tập’.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là sự quán xét thọ trên các thọ’. ...(như trên)... tâm trên tâm’. ...(như trên)... pháp trên các pháp’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Sự quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập ...(như trên)... đã được tu tập’.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là sự quán xét thân trên thân’. ...(như trên)... (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập ...(như trên)... đã được tu tập’.

‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ...(như trên)... ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận thức. ...(như trên)... ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa chiếu sáng.

(Pháp) nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ...(như trên)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có thân là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng ...(như trên)... có thọ là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng ...(như trên)... có tâm là nền tảng, có sự thiết lập

niệm là nền tảng ...(như trên)... có pháp là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng ...(như trên)... có sự thiết lập niệm là đối tượng, có sự thiết lập niệm là hành xử, được tổng hợp lại ở sự thiết lập niệm, được hệ thuộc vào sự thiết lập niệm, được hiện khởi ở sự thiết lập niệm, được tồn tại ở sự thiết lập niệm, được thiết lập ở sự thiết lập niệm.

Pháp luân: Pháp Luân (Bánh xe Pháp) với ý nghĩa gì? ‘Chuyển vận Pháp và bánh xe’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận bánh xe và Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận với Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận với hành vi của Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận khi tồn tại ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận khi được thiết lập ở Pháp’ là Pháp Luân. ...(như trên)... ‘Niết Bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập ...(như trên)... đã được tu tập’.

Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực’. ...(nt)... định do tâm và các tạo tác do nỗ lực’. ...(nt)... định do thâm xét và các tạo tác do nỗ lực’. Này các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do thâm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập ...(nt)... đã được tu tập’.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực’. (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập ...(nt)... đã được tu tập’.

‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ...(nt)... ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận thức. ...(nt)... ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa chiếu sáng.

(Pháp) nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ...(như trên)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có ước muốn là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng, có nền tảng của thần thông là đối tượng, có nền tảng của thần thông là hành xử, được tổng hợp lại ở nền tảng của thần thông, được hệ thuộc vào nền tảng của thần thông, được hiện khởi ở

nền tảng của thần thông, được tồn tại ở nền tảng của thần thông, được thiết lập ở nền tảng của thần thông.

Pháp luân: Pháp Luân (Bánh xe Pháp) với ý nghĩa gì? ‘Chuyển vận Pháp và bánh xe’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận bánh xe và Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận với Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận với hành vi của Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận khi tồn tại ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận khi được thiết lập ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi thiết lập (người khác) ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận khi đạt được năng lực’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi tạo cho (người khác) đạt được năng lực ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận khi đạt được sự toàn hảo ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận trong khi tạo cho (người khác) đạt được sự toàn hảo ở Pháp’ là Pháp Luân. ...(như trên)... ‘Chuyển vận trong khi sùng kính Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận có Pháp là ngọn cờ’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận có Pháp là biểu hiệu’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận có Pháp là chủ đạo’ là Pháp Luân. ‘Hơn nữa, Pháp luân ấy là không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma Vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời’ là Pháp Luân.

‘Tín quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân. ...(như trên)... ‘Niết Bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân.

(Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Đây là nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực’. (Pháp) nhãn đã sanh khởi ...(như trên)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: ‘Nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập ...(như trên)... đã được tu tập’.

‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ...(như trên)... ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa gì? ‘(Pháp) nhãn đã sanh khởi’ theo ý nghĩa nhận thức. ...(như trên)... ‘Ánh sáng đã sanh khởi’ theo ý nghĩa chiếu sáng.

(Pháp) nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ...(nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có tinh tấn là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng ...(nt)... có tâm là nền tảng, ...(nt)... có thân xét là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng, có nền tảng của thần thông là đối tượng, có nền tảng của thần thông là hành xứ, được tổng hợp lại ở nền tảng của thần thông, được hệ thuộc vào nền tảng của thần thông, được hiện khởi ở nền tảng của thần thông, được tồn tại ở nền tảng của thần thông, được thiết lập ở nền tảng của thần thông.

Pháp luân: Pháp Luân với ý nghĩa gì? ‘Chuyển vận Pháp và bánh xe’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận bánh xe và Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận với Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận với hành vi của Pháp’ là Pháp luân. ‘Chuyển vận khi tồn tại ở Pháp’ là Pháp Luân. ‘Chuyển vận khi được thiết lập ở Pháp’ là Pháp Luân. ...(như

trên)... ‘Niết Bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy’ là Pháp luân.

Phần Giảng về Pháp Luân được đầy đủ.

---o0o---

VIII. GIẢNG VỀ TỐI THƯỢNG Ở THẾ GIAN

Các pháp tối thượng ở thế gian là gì? Bốn sự thiết lập niệ, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh Đạo tám chi phần, bốn Thánh Đạo, bốn Quả vị Sa-môn, và Niết Bàn; các pháp này là tối thượng ở thế gian.

Tối thượng ở thế gian: Tối thượng ở thế gian với ý nghĩa gì? ‘Chúng (các pháp ấy) vượt qua thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng vượt lên ra khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng vượt lên khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng vượt lên từ thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng vượt quá thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng hoàn toàn vượt quá thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là trên hẳn thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng vượt qua tận cùng của thế gian’ là tối thượng ở thế gian.

‘Chúng xuất ly ra khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng xuất ly khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng xuất ly từ thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng được xuất ly ra khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng được xuất ly bởi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng được xuất ly từ thế gian’ là tối thượng ở thế gian.

‘Chúng không trụ ở thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không trụ tại thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không bị nhiễm ô ở thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không bị nhiễm ô bởi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không tự làm vấy bẩn ở thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không tự làm vấy bẩn với thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là không bị vấy bẩn ở thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là không bị vấy bẩn bởi thế gian’ là tối thượng ở thế gian.

‘Chúng là được phóng thích ở thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được phóng thích bởi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được phóng thích ra khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được phóng thích khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được phóng thích từ thế gian’ là tối thượng ở thế gian.

‘Chúng là được cách ly ở thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được cách ly với thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được cách ly ra khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được cách ly tại thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được cách ly khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được cách ly từ thế gian’ là tối thượng ở thế gian.

‘Chúng là được trong sạch ra khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được trong sạch khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được trong sạch từ thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được thanh tịnh ra khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được thanh tịnh khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là được thanh tịnh từ thế gian’ là tối thượng ở thế gian.

‘Chúng thoát ra khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng thoát khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng thoát ra từ thế gian’ là tối thượng ở thế gian.

‘Chúng ly khai ra khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng ly khai khỏi thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng ly khai từ thế gian’ là tối thượng ở thế gian.

‘Chúng không bám víu ở thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không bị nắm giữ ở thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không bị giam cầm ở thế gian’ là tối thượng ở thế gian.

‘Chúng đoạn trừ thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng có tính chất đã đoạn trừ thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng làm an tịnh thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng có tính chất đã làm an tịnh thế gian’ là tối thượng ở thế gian.

‘Chúng không là đường lối của thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không là cảnh giới của thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không là mục tiêu của thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng là không phổ quát đối với thế gian’ là tối thượng ở thế gian.

‘Chúng chối từ thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không tiếp nhận lại thế gian (sau khi chối từ)’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng từ bỏ thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không chấp thủ thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng lìa khỏi sự quyến luyến thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không quyến luyến thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng nhàm chán thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Chúng không hứng thú thế gian’ là tối thượng ở thế gian. ‘Sau khi vượt qua hỷ và chế ngự thế gian, chúng an trụ’ là tối thượng ở thế gian.

Phần Giảng về Tối Thượng ở Thế Gian được đầy đủ.

---o0o---

IX. GIẢNG VỀ LỰC

[Duyên khởi ở Sāvattḥī]

Này các tỳ khuru, đây là năm lực. Năm là gì? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Này các tỳ khuru, đây là năm lực.

Và lại, có 68 lực là tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, lực của sự hỗ thẹn (tội lỗi), lực của sự ghê sợ (tội lỗi), lực của sự phân biệt rõ, lực của sự tu tập, lực của sự không sai trái, lực của sự cứng cố, lực của sự nhẫn nại, lực của sự chuẩn

bị, lực của sự thuyết phục, lực của sự thống lĩnh, lực của sự khẳng định, lực của chỉ tịnh, lực của minh sát, mười lực của bậc Hữu Học, mười lực của bậc Vô Học, mười lực của bậc Lưu Tận, mười lực của thần thông, mười lực của đức Như Lai.

Tín lực là gì? ‘Không dao động ở sự không có đức tin’ là tín lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là tín lực. Theo ý nghĩa chấm dứt các phiền não là tín lực. Theo ý nghĩa làm trong sạch phần đầu sự thấu triệt là tín lực. Theo ý nghĩa khẳng định của tâm là tín lực. Theo ý nghĩa thanh lọc của tâm là tín lực. Theo ý nghĩa đắc chứng pháp đặc biệt là tín lực. Theo ý nghĩa thấu triệt hướng thượng là tín lực. Theo ý nghĩa chứng ngộ chân lý là tín lực. Theo ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là tín lực. Điều này là tín lực.

Tấn lực là gì? ‘Không dao động ở sự biếng nhác’ là tấn lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là tấn lực. Với ý nghĩa chấm dứt các phiền não là tấn lực. Với ý nghĩa làm trong sạch phần đầu của sự thấu triệt là tấn lực. Với ý nghĩa khẳng định của tâm là tấn lực. Với ý nghĩa thanh lọc của tâm là tấn lực. Với ý nghĩa đắc chứng pháp đặc biệt là tấn lực. Với ý nghĩa thấu triệt hướng thượng là tấn lực. Với ý nghĩa chứng ngộ chân lý là tấn lực. Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận. Điều này là tấn lực.

Niệm lực là gì? ‘Không dao động ở sự buông lung’ là niệm lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là niệm lực. ...(như trên)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là niệm lực. Điều này là niệm lực.

Định lực là gì? ‘Không dao động ở sự phóng dật’ là định lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là định lực. ...(như trên)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là định lực. Điều này là định lực.

Tuệ lực là gì? ‘Không dao động ở vô minh’ là tuệ lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là tuệ lực. ...(như trên)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là tuệ lực. Điều này là tuệ lực.

Lực của sự hổ thẹn (tội lỗi) là gì? ‘Do sự thoát ly, (hành giả) hổ thẹn về ước muốn trong các dục’ là lực của sự hổ thẹn. ‘Do không sân độc, hổ thẹn về sự sân độc’ là lực của sự hổ thẹn. ‘Do nghĩ tưởng về ánh sáng, hổ thẹn về sự lờ đờ buồn ngủ’ là lực của sự hổ thẹn. ‘Do không tản mạn, hổ thẹn về sự phóng dật’ là lực của sự hổ thẹn. ‘Do xác định pháp, hổ thẹn về hoài nghi’ là lực của sự hổ thẹn. ‘Do trí, hổ thẹn về vô minh’ là lực của sự hổ thẹn. ‘Do hân hoan, hổ thẹn về sự không hứng thú’ là lực của sự hổ thẹn. ‘Do sơ thiền, hổ thẹn về các pháp ngăn che’ là lực của sự hổ thẹn. ...(như trên)... ‘Do Đạo A-la-hán, hổ thẹn về toàn bộ phiền não’ là lực của sự hổ thẹn. Điều này là lực của sự hổ thẹn.

Lực của sự ghê sợ (tội lỗi) là gì? ‘Do sự thoát ly, (hành giả) ghê sợ về ước muốn trong các dục’ là lực của sự ghê sợ. ‘Do không sân độc, ghê sợ về sự sân độc’ là lực của sự ghê sợ. ‘Do nghĩ tưởng về ánh sáng, ghê sợ về sự lờ đờ buồn ngủ’ là lực của sự ghê sợ. ‘Do không tản mạn, ghê sợ về sự phóng dật’ là lực của sự ghê sợ. ‘Do xác định pháp, ghê sợ về hoài nghi’ là lực của sự ghê sợ. ‘Do trí,

ghê sợ về vô minh' là lực của sự ghê sợ. 'Do hân hoan, ghê sợ về sự không hứng thú' là lực của sự ghê sợ. 'Do sơ thiền, ghê sợ về các pháp ngăn che' là lực của sự ghê sợ. ...(như trên)... 'Do Đạo A-la-hán, ghê sợ về toàn bộ phiền não' là lực của sự ghê sợ. Điều này là lực của sự ghê sợ.

Lực của sự phân biệt rõ là gì? 'Do sự thoát ly, (hành giả) phân biệt rõ về ước muốn trong các dục' là lực của sự phân biệt rõ. 'Do không sân độc, phân biệt rõ về sự sân độc' là lực của sự phân biệt rõ. 'Do nghĩ tưởng về ánh sáng, phân biệt rõ về sự lơ ì buồn ngủ' là lực của sự phân biệt rõ. 'Do không tán mạn, phân biệt rõ về sự phóng dật' là lực của sự phân biệt rõ. 'Do sự xác định pháp, phân biệt rõ về hoài nghi' là lực của sự phân biệt rõ. 'Do trí, phân biệt rõ về vô minh' là lực của sự phân biệt rõ. 'Do hân hoan, phân biệt rõ về sự không hứng thú' là lực của sự phân biệt rõ. 'Do sơ thiền, phân biệt rõ về các pháp ngăn che' là lực của sự phân biệt rõ. ...(như trên)... 'Do Đạo A-la-hán, phân biệt rõ về toàn bộ phiền não' là lực của sự phân biệt rõ. Điều này là lực của sự phân biệt rõ.

Lực của sự tu tập là gì? 'Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, (hành giả) tu tập sự thoát ly' là lực của sự tu tập. 'Trong khi dứt bỏ sân độc, tu tập sự không sân độc' là lực của sự tu tập. 'Trong khi dứt bỏ sự lơ ì buồn ngủ, tu tập sự nghĩ tưởng về ánh sáng' là lực của sự tu tập. 'Trong khi dứt bỏ phóng dật, tu tập sự không tán mạn' là lực của sự tu tập. 'Trong khi dứt bỏ hoài nghi, tu tập sự xác định pháp' là lực của sự tu tập. 'Trong khi dứt bỏ vô minh, tu tập trí' là lực của sự tu tập. 'Trong khi dứt bỏ sự không hứng thú, tu tập sự hân hoan' là lực của sự tu tập. 'Trong khi dứt bỏ các pháp ngăn che, tu tập sơ thiền' là lực của sự tu tập. ...(như trên)... 'Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, tu tập Đạo A-la-hán' là lực của sự tu tập. Điều này là lực của sự tu tập.

Lực của sự không sai trái là gì? 'Do trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục, không có gì sai trái ở sự thoát ly' là lực của sự không sai trái. 'Do trạng thái dứt bỏ sân độc, không có gì sai trái ở sự không sân độc' là lực của sự không sai trái. 'Do trạng thái dứt bỏ sự lơ ì buồn ngủ, không có gì sai trái ở sự nghĩ tưởng về ánh sáng' là lực của sự không sai trái. 'Do trạng thái dứt bỏ phóng dật, không có gì sai trái ở sự không tán mạn' là lực của sự không sai trái. 'Do trạng thái dứt bỏ hoài nghi, không có gì sai trái ở sự xác định pháp' là lực của sự không sai trái. 'Do trạng thái dứt bỏ vô minh, không có gì sai trái ở trí' là lực của sự không sai trái. 'Do trạng thái dứt bỏ sự không hứng thú, không có gì sai trái ở sự hân hoan' là lực của sự không sai trái. 'Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, không có gì sai trái ở sơ thiền' là lực của sự không sai trái. ...(như trên)... 'Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, không có gì sai trái ở Đạo A-la-hán' là lực của sự không sai trái. Điều này là lực của sự không sai trái.

Lực của sự củng cố là gì? 'Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly (hành giả) củng cố lại tâm' là lực của sự củng cố. 'Trong khi dứt bỏ sân độc bằng sự không sân độc (hành giả) củng cố lại tâm' là lực

của sự củng cố. ‘Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ bằng sự nghĩ tưởng về ánh sáng (hành giả) củng cố lại tâm’ là lực của sự củng cố. ...(như trên)... ‘Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não bằng Đạo A-la-hán (hành giả) củng cố lại tâm’ là lực của sự củng cố. Điều này là lực của sự củng cố.

Lực của sự nhẫn nại là gì? ‘Do trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục, (hành giả) chấp nhận sự thoát ly’ là lực của sự nhẫn nại. ‘Do trạng thái dứt bỏ sân độc, chấp nhận sự không sân độc’ là lực của sự nhẫn nại. ‘Do trạng thái dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, chấp nhận sự nghĩ tưởng về ánh sáng’ là lực của sự nhẫn nại. ‘Do trạng thái dứt bỏ phóng dật, chấp nhận sự không tản mạn’ là lực của sự nhẫn nại. ‘Do trạng thái dứt bỏ hoài nghi, chấp nhận sự xác định pháp’ là lực của sự nhẫn nại. ‘Do trạng thái dứt bỏ vô minh, chấp nhận trí’ là lực của sự nhẫn nại. ‘Do trạng thái dứt bỏ sự không hứng thú, chấp nhận hân hoan’ là lực của sự nhẫn nại. ‘Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, chấp nhận sơ thiền’ là lực của sự nhẫn nại. ...(như trên)... ‘Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, chấp nhận Đạo A-la-hán’ là lực của sự nhẫn nại. Điều này là lực của sự nhẫn nại.

Lực của sự chuẩn bị là gì? ‘Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly (hành giả) chuẩn bị tâm’ là lực của sự chuẩn bị. ‘Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc (hành giả) chuẩn bị tâm’ là lực của sự chuẩn bị. ‘Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng (hành giả) chuẩn bị tâm’ là lực của sự chuẩn bị. ...(như trên)... ‘Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của Đạo A-la-hán (hành giả) chuẩn bị tâm’ là lực của sự chuẩn bị. Điều này là lực của sự chuẩn bị.

Lực của sự thuyết phục là gì? ‘Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly (hành giả) khiến tâm được thuyết phục’ là lực của sự thuyết phục. ‘Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc (hành giả) khiến tâm được thuyết phục’ là lực của sự thuyết phục. ‘Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng (hành giả) khiến tâm được thuyết phục’ là lực của sự thuyết phục. ...(như trên)... ‘Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của Đạo A-la-hán (hành giả) khiến tâm được thuyết phục’ là lực của sự thuyết phục. Điều này là lực của sự thuyết phục.

Lực của sự thống lãnh là gì? ‘Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly (hành giả) chuyển tâm thành ưu thế’ là lực của sự thống lãnh. ‘Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc (hành giả) chuyển tâm thành ưu thế’ là lực của sự thống lãnh. ‘Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng (hành giả) chuyển tâm thành ưu thế’ là lực của sự thống lãnh. ...(như trên)... ‘Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của Đạo A-la-hán (hành giả) chuyển tâm thành ưu thế’ là lực của sự thống lãnh. Điều này là lực của sự thống lãnh.

Lực của sự khẳng định là gì? ‘Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly (hành giả) khẳng định tâm’ là lực của sự khẳng định. ‘Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc (hành giả) khẳng định tâm’ là lực của sự khẳng định. ‘Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng (hành giả) khẳng định tâm’ là lực của sự khẳng định. ...(như trên)... ‘Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của Đạo A-la-hán (hành giả) khẳng định tâm’ là lực của sự khẳng định. Điều này là lực của sự khẳng định.

Lực của chỉ tịnh là gì? Do tác động của sự thoát ly, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Do tác động của sự không sân độc, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Do tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. ...(như trên)... Có sự quán xét về từ bỏ, do tác động của hơi thở vào, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Có sự quán xét về từ bỏ, do tác động của hơi thở ra, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là lực của chỉ tịnh.

Lực của chỉ tịnh: Lực của chỉ tịnh với ý nghĩa gì? ‘Nhờ vào sơ thiền, (hành giả) không rung động đối với các pháp ngăn che’ là lực của chỉ tịnh. ‘Nhờ vào nhị thiền, (hành giả) không rung động đối với tâm và tứ’ là lực của chỉ tịnh. ‘Nhờ vào tam thiền, (hành giả) không rung động đối với hỷ’ là lực của chỉ tịnh. ‘Nhờ vào tứ thiền, (hành giả) không rung động đối với lạc và khổ’ là lực của chỉ tịnh.

‘Nhờ vào sự chứng đạt không vô biên xứ, (hành giả) không rung động đối với sự nghĩ tưởng về sắc, đối với sự nghĩ tưởng về bất bình, đối với sự nghĩ tưởng về sự khác biệt’ là lực của chỉ tịnh. ‘Nhờ vào sự chứng đạt thức vô biên xứ, (hành giả) không rung động đối với sự nghĩ tưởng về không vô biên xứ’ là lực của chỉ tịnh. ‘Nhờ vào sự chứng đạt vô sở hữu xứ, (hành giả) không rung động đối với sự nghĩ tưởng về thức vô biên xứ’ là lực của chỉ tịnh. ‘Nhờ vào sự chứng đạt phi tưởng phi tưởng xứ, (hành giả) không rung động đối với sự nghĩ tưởng về vô sở hữu xứ’ là lực của chỉ tịnh. ‘(Hành giả) không rung động không lay động không chao động đối với các sự phóng dật, đối với các phiền não đi cùng với phóng dật, và đối với các uẩn’ là lực của chỉ tịnh. Đây là lực của chỉ tịnh.

Lực của minh sát là gì? Sự quán xét về vô thường là lực của minh sát. ...(như trên)... Sự quán xét về từ bỏ là lực của minh sát. Sự quán xét về vô thường ở sắc là lực của minh sát. Sự quán xét về khổ não ở sắc là lực của minh sát. ...(như trên)... Sự quán xét về từ bỏ ở sắc là lực của minh sát. Sự quán xét về vô thường ở thọ ... ở tưởng ... ở các hành ... ở thức ... ở mắt ... ở lão tử là lực của minh sát. Sự quán xét về khổ não ở lão tử là lực của minh sát. ...(như trên)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử là lực của minh sát.

Lực của minh sát: Lực của minh sát với ý nghĩa gì? ‘Do quán xét về vô thường, (hành giả) không rung động đối với sự nghĩ tưởng về thường’ là lực của

minh sát. ‘Do quán xét về khổ não, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về lạc’ là lực của minh sát. ‘Do quán xét về vô ngã, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về ngã’ là lực của minh sát. ‘Do quán xét về nhàm chán, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về vui thích’ là lực của minh sát. ‘Do quán xét về ly tham ái, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về tham ái’ là lực của minh sát. ‘Do quán xét về diệt tận, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về nhân sanh khởi’ là lực của minh sát. ‘Do quán xét về từ bỏ, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về nắm giữ’ là lực của minh sát. ‘không rung động không chuyển động không chao động đối với vô minh, đối với các phiền não đi cùng với vô minh, và đối với các uẩn’ là lực của minh sát. Đây là lực của minh sát.

Mười lực của bậc Hữu Học, mười lực của bậc Vô Học là gì? ‘(Hành giả) học tập chánh kiến’ là lực của bậc Hữu Học. ‘Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy’ là lực của bậc Vô Học. ‘(Hành giả) học tập chánh tư duy’ là lực của bậc Hữu Học. ‘Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy’ là lực của bậc Vô Học. ‘(Hành giả) học tập chánh ngữ ... chánh nghiệp ... chánh mạng ... chánh tinh tấn ... chánh niệm ... chánh định ... chánh trí ... chánh giải thoát’ là lực của bậc Hữu Học. ‘Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy’ là lực của bậc Vô Học. Đây là mười lực của bậc Hữu Học, mười lực của bậc Vô Học.

Mười lực của bậc Lưu Tận là gì? Ở đây, đối với vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận, tất cả các hành là vô thường được thấy rõ đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn. Sự việc đối với vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận, tất cả các hành là vô thường được thấy rõ đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn; điều này cũng là lực của vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: ‘Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt’.

Hơn nữa, đối với vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận, các dục tợ như hổ than cháy đỏ được thấy rõ đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn. Sự việc đối với vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận, các dục tợ như hổ than cháy đỏ được thấy rõ đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn; điều này cũng là lực của vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: ‘Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt’.

Hơn nữa, đối với vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận, tâm là thuận theo sự viễn ly, là xuôi theo sự viễn ly, là nghiêng theo sự viễn ly, là tồn tại ở sự viễn ly, là hứng thú với sự thoát ly, là được hoàn toàn chấm dứt đối với các pháp đưa đến lậu hoặc. Sự việc đối với vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận, tâm là thuận theo sự viễn ly, là xuôi theo sự viễn ly, là nghiêng theo sự viễn ly, là tồn tại ở sự viễn ly, là hứng thú với sự thoát ly, là được hoàn toàn chấm dứt đối với các pháp đưa đến lậu hoặc; điều này cũng là lực của vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: ‘Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt’.

Hơn nữa, đối với vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận, bốn sự thiết lập niệm là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. Sự việc đối với vị tỳ khuru là bậc Lưu Tận, bốn sự

thiết lập niệm là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp; điều này cũng là lực của vị tỳ khuru là bậc Lộ Tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị tỳ khuru là bậc Lộ Tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: ‘Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt’.

Hơn nữa, đối với vị tỳ khuru là bậc Lộ Tận, bốn chánh cần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ...(nt)... bốn nền tảng của thần thông là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ...(nt)... năm quyền là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ...(nt)... năm lực là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ...(nt)... bảy chi phần đưa đến giác ngộ là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ...(nt)... Thánh Đạo tám chi phần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. Sự việc đối với vị tỳ khuru là bậc Lộ Tận, Thánh Đạo tám chi phần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp; điều này cũng là lực của vị tỳ khuru là bậc Lộ Tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị tỳ khuru là bậc Lộ Tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: ‘Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt’. Đây là mười lực của bậc Lộ Tận.

Mười lực của thần thông là gì? Thần thông do chú nguyện, thần thông do biến hóa, thần thông do ý tạo thành, thần thông do sự can thiệp của trí, thần thông do sự can thiệp của định, thần thông thuộc về bậc Thánh, thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp, thần thông của người có phước báu, thần thông do sự hiểu biết, thần thông với ý nghĩa thành công do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp; đây là mười lực của thần thông.

Mười lực của đức Như Lai là gì? Ở đây, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về điều hợp lý là hợp lý và điều phi lý là phi lý. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về điều hợp lý là hợp lý và điều phi lý là phi lý, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận Pháp Luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể kết quả các sự thọ nhận về nghiệp ở thời quá khứ hiện tại vị lai tùy theo sự kiện, tùy theo chủng tử. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể kết quả các sự thọ nhận về nghiệp ở thời quá khứ hiện tại vị lai tùy theo sự kiện, tùy theo chủng tử, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận Pháp Luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể sự thực hành đưa đến tất cả các cõi tái sanh. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể sự thực hành đưa đến tất cả các cõi tái sanh, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận Pháp Luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể thế giới có vô số bản chất và có các bản chất khác biệt. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực

thể thể giới có vô số bản chất và có các bản chất khác biệt, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ...(như trên)... chuyển vận Pháp Luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về khuynh hướng khác biệt của các chúng sanh. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về khuynh hướng khác biệt của các chúng sanh, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ...(như trên)... chuyển vận Pháp Luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể khả năng về các quyền của các chúng sanh khác, của các cá nhân khác. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể khả năng về các quyền của các chúng sanh khác, của các cá nhân khác, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ...(như trên)... chuyển vận Pháp Luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về phiền não, sự thanh lọc, sự thoát ra của thiên, của giải thoát, của định, và của sự chứng đạt. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về phiền não, sự thanh lọc, sự thoát ra của thiên, của giải thoát, của định, và của sự chứng đạt, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ...(như trên)... chuyển vận Pháp Luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhớ về nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh ...(như trên)...; như thế Ngài nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương. Sự việc đức Như Lai nhớ về nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh ...(như trên)... điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ...(như trên)... chuyển vận Pháp Luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai, bằng thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại ...(như trên)... Sự việc đức Như Lai, bằng thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại ...(như trên)... điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ...(như trên)... chuyển vận Pháp Luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai, do sự đoạn tận của các lậu hoặc ngay trong kiếp hiện tại, sau khi tác chứng sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của ý, sự giải thoát của tuệ bằng thắng trí của tự thân, đã thể nhập và an trú. Sự việc đức Như Lai, do sự đoạn tận của các lậu hoặc ngay trong kiếp hiện tại, sau khi tác chứng sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của ý, sự giải thoát của tuệ bằng thắng trí của tự thân, đã thể nhập và an trú, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận Pháp Luân tối thượng.

Tín lực với ý nghĩa gì? Tấn lực với ý nghĩa gì? Niệm lực với ý nghĩa gì? Định lực với ý nghĩa gì? Tuệ lực với ý nghĩa gì? Lực của sự hổ thẹn (tội lỗi) với ý nghĩa gì? Lực của sự ghê sợ (tội lỗi) với ý nghĩa gì? Lực của sự phân biệt rõ với ý nghĩa gì? ...(như trên)... Lực của đức Như Lai với ý nghĩa gì?

Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự không có đức tin là tín lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự biếng nhác là tấn lực. Với ý nghĩa của sự không

dao động ở sự buông lung là niệm lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự phóng dật là định lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở vô minh. là tuệ lực. ‘Hỗ thẹn về các ác bất thiện pháp’ là lực của sự hổ thẹn (tội lỗi). ‘Ghê sợ về các ác bất thiện pháp’ là lực của sự ghê sợ (tội lỗi). ‘Phân biệt rõ các phiền não bằng trí’ là lực của sự phân biệt rõ. ‘Các pháp sanh lên trong trường hợp ấy là có nhất vị’ là lực của sự tu tập. ‘Không có gì sai trái ở điều ấy’ là lực của sự không sai trái. ‘Do điều ấy, (hành giả) củng cố lại tâm’ là lực của sự củng cố. ‘(Hành giả) chấp nhận điều ấy’ là lực của sự nhẫn nại. ‘Do điều ấy, (hành giả) chuẩn bị tâm’ là lực của sự chuẩn bị. ‘Do điều ấy, (hành giả) khiến tâm được thuyết phục’ là lực của sự thuyết phục. ‘Do điều ấy, (hành giả) chuyển tâm thành ưu thế’ là lực của sự thống lĩnh. ‘Do điều ấy, (hành giả) khẳng định tâm’ là lực của sự khẳng định. ‘Do điều ấy, tâm được chuyên nhất’ là lực của chỉ tịnh. ‘(Hành giả) quán xét các pháp sanh lên trong trường hợp ấy’ là lực của minh sát. ‘(Hành giả) học tập ở điều ấy’ là lực của bậc Hữu Học. ‘Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy’ là lực của bậc Vô Học. ‘Do điều ấy, các lậu hoặc được cạn kiệt’ là lực của bậc Lậu Tận. ‘Được thành công cho vị ấy’ là lực của thần thông. Với ý nghĩa vô lượng là lực của đức Như Lai. Phần Giảng về Lực được đầy đủ.

---o0o---

X. GIẢNG VỀ KHÔNG TÁNH

Tôi đã được nghe như vậy: Một thời, đức Thế Tôn ngự tại Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapīṇḍika. Khi ấy, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, được nói rằng: ‘Thế giới là *không*, thế giới là *không*’. Bạch ngài, cho đến như thế nào được nói rằng: ‘Thế giới là *không*’?

- Này Ānanda, bởi vì là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, do đó được nói rằng: ‘Thế giới là *không*’. Và này Ānanda, cái gì là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã? Này Ānanda, mắt là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Các sắc là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Nhãn thức là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Nhãn xúc là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Cảm thọ nào được sanh lên do duyên nhãn xúc đầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã.

Tai là *không* ... Các tinh là *không* ... Mũi là *không* ... Các khí là *không* ... Lưỡi là *không* ... Các vị là *không* ... Thân là *không* ... Các xúc là *không* ... Ý là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Các pháp là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Ý thức là *không* đối với tự ngã hoặc đối với

vật thuộc về tự ngã. Ý xúc là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Cảm thọ nào được sanh lên do duyên ý xúc đầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Nay Ānanda, bởi vì là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, do đó được nói rằng: ‘Thế giới là *không*’.

Không đối với *không*, *không* đối với các hành, *không* do sự chuyển biến, *không* tối thắng, *không* do tương trạng, *không* do áp chế, *không* đối với chi phần ấy, *không* do đoạn trừ, *không* do tịnh lặng, *không* do xuất ly, *không* đối với nội phần, *không* đối với ngoại phần, *không* đối với cả hai (nội và ngoại phần), *không* của cùng nhóm, *không* do khác nhóm, *không* do tầm cầu, *không* do nắm giữ, *không* do thành đạt, *không* do thấu triệt, *không* do tính chất giống nhau, *không* do tính chất khác biệt, *không* do nhân nại, *không* do khẳng định, *không* do thâm nhập, sự chấm dứt vận hành của vị có sự nhận biết rõ rệt là *không* theo ý nghĩa tuyệt đối của tất cả *không* tánh.

Cái gì là *không* đối với *không*? Mắt là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp *không* chuyển biến. Tai là *không* ... Mũi là *không* ... Lưỡi là *không* ... Thân là *không* ... Ý là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp *không* chuyển biến. Đây là *không* đối với *không*.

Cái gì là *không* đối với các hành? Có ba hành: phúc hành, phi phúc hành, bất động hành.⁷ Phúc hành là *không* đối với phi phúc hành và đối với bất động hành. Phi phúc hành là *không* đối với phúc hành và đối với bất động hành. Bất động hành là *không* đối với phúc hành và đối với phi phúc hành. Đây là ba hành.

Còn có ba hành khác nữa: thân hành, khẩu hành, ý hành. Thân hành là *không* đối với khẩu hành và đối với ý hành. Khẩu hành là *không* đối với thân hành và đối với ý hành. Ý hành là *không* đối với thân hành và đối với khẩu hành. Đây là ba hành.

Còn có ba hành khác nữa: Hành thời quá khứ, hành thời vị lai, hành thời hiện tại. Hành thời quá khứ là *không* đối với hành thời vị lai và thời hiện tại. Hành thời vị lai là *không* đối với hành thời quá khứ và thời hiện tại. Hành thời hiện tại là *không* đối với hành thời quá khứ và thời vị lai. Đây là ba hành. Đây là *không* đối với các hành.

Cái gì là *không* do sự chuyển biến? Sắc được sanh lên là *không* do bản thể, sắc đã qua *không* những là đã chuyển biến mà còn là *không*. Thọ được sanh lên là *không* do bản thể, thọ đã qua *không* những là đã chuyển biến mà còn là *không*. Tưởng được sanh lên ... Các hành được sanh lên ... Thức được sanh lên ... Mắt được sanh lên ... HỮU được sanh lên là *không* do bản thể, hữU đã qua *không* những là đã chuyển biến mà còn là *không*. Đây là *không* do sự chuyển biến.

Cái gì là *không* tối thắng? Địa vị này là tối thắng, địa vị này là hạng nhất, địa vị này là phi thường, tức là sự yên lặng của tất cả các hành, sự từ bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự đoạn tận ái, sự ly tham ái, sự diệt tận, Niết Bàn. Đây là *không* tối thắng. Cái gì là *không* do tướng trạng? Có hai tướng trạng: Tướng trạng của kẻ ngu và tướng trạng của người trí. Tướng trạng của kẻ ngu là *không* so với tướng trạng của người trí. Tướng trạng của người trí là *không* so với tướng trạng của kẻ ngu.

Có ba tướng trạng: Tướng trạng sanh lên, tướng trạng hoại diệt, tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại. Tướng trạng sanh lên là *không* đối với tướng trạng hoại diệt và đối với tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại. Tướng trạng hoại diệt là *không* đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại. Tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại là *không* đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt.

Đối với sắc, tướng trạng sanh lên là *không* đối với tướng trạng hoại diệt và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với sắc, tướng trạng hoại diệt là *không* đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với sắc, tướng trạng đổi thay khi trụ lại là *không* đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt. Đối với thọ ... tưởng ... các hành ... thức ... mắt ... lão tử, tướng trạng sanh lên là *không* đối với tướng trạng hoại diệt và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với lão tử, tướng trạng hoại diệt là *không* đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với lão tử, tướng trạng đổi thay khi trụ lại là *không* đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt. Đây là *không* do tướng trạng.

Cái gì là *không* do áp chế? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được áp chế và là *không*. Do không sân độc, sân độc được áp chế và là *không*. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ đờ buồn ngủ được áp chế và là *không*. Do không tản mạn, sự phóng dật được áp chế và là *không*. Do xác định pháp, hoài nghi được áp chế và là *không*. Do trí, vô minh được áp chế và là *không*. Do hân hoan, sự không hứng thú được áp chế và là *không*. Do sơ thiên, các pháp ngăn che được áp chế và là *không*. ...(như trên)... Do Đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được áp chế và là *không*. Đây là *không* do áp chế.

Cái gì là *không* đối với chi phần ấy? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục là *không* đối với chi phần ấy. Do không sân độc, sân độc là *không* đối với chi phần ấy. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ đờ buồn ngủ là *không* đối với chi phần ấy. Do không tản mạn, sự phóng dật là *không* đối với chi phần ấy. Do xác định pháp, hoài nghi là *không* đối với chi phần ấy. Do trí, vô minh là *không* đối với chi phần ấy. Do hân hoan, sự không hứng thú là *không* đối với chi phần ấy. Do sơ thiên, các pháp ngăn che là *không* đối với chi phần ấy. ...(như trên)... Do quán xét về ly khai, cố chấp vào sự ràng buộc là *không* đối với chi phần ấy. Đây là *không* đối với chi phần ấy.

Cái gì là *không* do đoạn trừ? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được đoạn trừ và là *không*. Do không sân độc, sân độc được đoạn trừ và là *không*. Do nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ đờ buồn ngủ được đoạn trừ và là *không*. Do không tán mạn, sự phóng dật được đoạn trừ và là *không*. Do xác định pháp, hoài nghi được đoạn trừ và là *không*. Do trí, vô minh được đoạn trừ và là *không*. Do hân hoan, sự không hứng thú được đoạn trừ và là *không*. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được đoạn trừ và là *không*. ...(nt)... Do Đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được đoạn trừ và là *không*. Đây là *không* do đoạn trừ.

Cái gì là *không* do tịnh lặng? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được tịnh lặng và là *không*. Do không sân độc, sân độc được tịnh lặng và là *không*. Do nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ đờ buồn ngủ được tịnh lặng và là *không*. Do không tán mạn, phóng dật được tịnh lặng và là *không*. Do xác định pháp, hoài nghi được tịnh lặng và là *không*.

Do trí, vô minh được tịnh lặng và là *không*. Do hân hoan, sự không hứng thú được tịnh lặng và là *không*. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được tịnh lặng và là *không*. ...(như trên)... Do Đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được tịnh lặng và là *không*. Đây là *không* do tịnh lặng.

Cái gì là *không* do xuất ly? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được xuất ly và là *không*. Do không sân độc, sân độc được xuất ly và là *không*. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ đờ buồn ngủ được xuất ly và là *không*. Do không tán mạn, sự phóng dật được xuất ly và là *không*. Do xác định pháp, hoài nghi được xuất ly và là *không*. Do trí, vô minh được xuất ly và là *không*. Do hân hoan, sự không hứng thú được xuất ly và là *không*. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được xuất ly và là *không*. ...(như trên)... Do Đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được xuất ly và là *không*. Đây là *không* do xuất ly.

Cái gì là *không* đối với nội phần? Mắt thuộc nội phần là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Tai thuộc nội phần là *không* ... Mũi thuộc nội phần là *không* ... Lưỡi thuộc nội phần là *không* ... Thân thuộc nội phần là *không* ... Ý thuộc nội phần là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Đây là *không* đối với nội phần.

Cái gì là *không* đối với ngoại phần? Các sắc thuộc ngoại phần là *không* ...(như trên)... Các pháp thuộc ngoại phần là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Đây là *không* đối với ngoại phần.

Cái gì là *không* đối với cả hai? Mắt thuộc nội phần và các sắc thuộc ngoại phần, cả hai điều này là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp

không chuyển biến. Tai thuộc nội phần và các tinh thuộc ngoại phần ... Mũi thuộc nội phần và các khí thuộc ngoại phần ... Lưỡi thuộc nội phần và các vị thuộc ngoại phần ... Thân thuộc nội phần và các xúc thuộc ngoại phần ... Ý thuộc nội phần và các pháp thuộc ngoại phần, cả hai điều này là *không* đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Điều này là *không* đối với cả hai.

Cái gì là *không* của cùng nhóm? Sáu nội xứ là cùng nhóm và là *không*. Sáu ngoại xứ là cùng nhóm và là *không*. Sáu nhóm của thức là cùng nhóm và là *không*. Sáu nhóm của xúc là cùng nhóm và là *không*. Sáu nhóm của thọ là cùng nhóm và là *không*. Sáu nhóm của tưởng là cùng nhóm và là *không*. Sáu nhóm của tư là cùng nhóm và là *không*. Đây là *không* của cùng nhóm.

Cái gì là *không* do khác nhóm? Sáu nội xứ đối với sáu ngoại xứ là khác nhóm và là *không*. Sáu xứ ngoại đối với sáu nhóm của thức là khác nhóm và là *không*. Sáu nhóm của thức đối với sáu nhóm của xúc là khác nhóm và là *không*. Sáu nhóm của xúc đối với sáu nhóm của thọ là khác nhóm và là *không*. Sáu nhóm của thọ đối với sáu nhóm của tưởng là khác nhóm và là *không*. Sáu nhóm của tưởng đối với sáu nhóm của tư là khác nhóm và là *không*. Đây là *không* do khác nhóm.

Cái gì là *không* do tầm cầu? Tầm cầu sự thoát ly là *không* đối với ước muốn trong các dục. Tầm cầu sự không sân độc là *không* đối với sân độc. Tầm cầu sự nghĩ tưởng về ánh sáng là *không* đối với sự lơ đãng buồn ngủ. Tầm cầu sự không tán mạn là *không* đối với phóng dật. Tầm cầu sự xác định pháp là *không* đối với hoài nghi. Tầm cầu trí là *không* đối với vô minh. Tầm cầu sự hân hoan là *không* đối với sự không hứng thú. Tầm cầu sơ thiền là *không* đối với các pháp ngăn che. ...(như trên)... Tầm cầu Đạo A-la-hán là *không* đối với toàn bộ phiền não. Đây là *không* do tầm cầu.

Cái gì là *không* do nắm giữ? Nắm giữ sự thoát ly là *không* đối với ước muốn trong các dục. Nắm giữ sự không sân độc là *không* đối với sân độc. Nắm giữ sự nghĩ tưởng về ánh sáng là *không* đối với sự lơ đãng buồn ngủ. Nắm giữ sự không tán mạn là *không* đối với sự phóng dật. Nắm giữ sự xác định pháp là *không* đối với hoài nghi. Nắm giữ trí là *không* đối với vô minh. Nắm giữ sự hân hoan là *không* đối với sự không hứng thú. Nắm giữ sơ thiền là *không* đối với các pháp ngăn che. ...(như trên)... Nắm giữ Đạo A-la-hán là *không* đối với toàn bộ phiền não. Đây là *không* do nắm giữ.

Cái gì là *không* do thành đạt? Thành đạt sự thoát ly là *không* đối với ước muốn trong các dục. Thành đạt sự không sân độc là *không* đối với sân độc. Thành đạt sự nghĩ tưởng về ánh sáng là *không* đối với sự lơ đãng buồn ngủ. Thành đạt sự không tán mạn là *không* đối với phóng dật. Thành đạt sự xác định pháp là *không* đối với hoài nghi. Thành đạt trí là *không* đối với vô minh. Thành đạt sự hân hoan là *không* đối với sự không hứng thú. Thành đạt sơ thiền là *không* đối với

các pháp ngăn che. ...(như trên)... Thành đạt Đạo A-la-hán là *không* đối với toàn bộ phiền não. Đây là *không* do thành đạt.

Cái gì là *không* do thấu triệt? Thấu triệt sự thoát ly là *không* đối với ước muốn trong các dục. Thấu triệt sự không sân độc là *không* đối với sân độc. Thấu triệt sự nghĩ tưởng về ánh sáng là *không* đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Thấu triệt sự không tán mạn là *không* đối với phóng dật. Thấu triệt sự xác định pháp là *không* đối với hoài nghi. Thấu triệt trí là *không* đối với vô minh. Thấu triệt sự hân hoan là *không* đối với sự không hứng thú. Thấu triệt sơ thiền là *không* đối với các pháp ngăn che. ...(như trên)... Thấu triệt Đạo A-la-hán là *không* đối với toàn bộ phiền não. Đây là *không* do thấu triệt.

Cái gì là *không* do tính chất giống nhau, là *không* do tính chất khác biệt? Ước muốn trong các dục là có tính chất khác biệt, sự thoát ly là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự thoát ly, đối với vị ấy là *không* về ước muốn trong các dục. Sân độc là có tính chất khác biệt, không sân độc là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của không sân độc, đối với vị ấy là *không* về sân độc. Sự lờ đờ buồn ngủ là có tính chất khác biệt, sự nghĩ tưởng về ánh sáng là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự nghĩ tưởng về ánh sáng, đối với vị ấy là *không* về sự lờ đờ buồn ngủ. Phóng dật là có tính chất khác biệt, sự không tán mạn là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự không tán mạn, đối với vị ấy là *không* về phóng dật. Hoài nghi là có tính chất khác biệt, sự xác định pháp là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự xác định pháp, đối với vị ấy là *không* về hoài nghi. Vô minh là có tính chất khác biệt, trí là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của trí, đối với vị ấy là *không* về vô minh. Sự không hứng thú là có tính chất khác biệt, hân hoan là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của hân hoan, đối với vị ấy là *không* về sự không hứng thú. Các pháp ngăn che là có tính chất khác biệt, sơ thiền là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sơ thiền, đối với vị ấy là *không* về các pháp ngăn che. ...(như trên)... Toàn bộ phiền não là có tính chất khác biệt, Đạo A-la-hán là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của Đạo A-la-hán, đối với vị ấy là *không* về toàn bộ phiền não. Đây là *không* do tính chất giống nhau, là *không* do tính chất khác biệt.

Cái gì là *không* do nhẫn nại? Nhẫn nại đối với sự thoát ly là *không* đối với ước muốn trong các dục. Nhẫn nại đối với sự không sân độc là *không* đối với sân độc. Nhẫn nại đối với sự nghĩ tưởng về ánh sáng là *không* đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Nhẫn nại đối với sự không tán mạn là *không* đối với phóng dật. Nhẫn nại đối với sự xác định pháp là *không* đối với hoài nghi. Nhẫn nại đối với trí là *không* đối với vô minh. Nhẫn nại đối với sự hân hoan là *không* đối với sự không hứng thú. Nhẫn nại đối với sơ thiền là *không* đối với các pháp ngăn che. ...(như trên)... Nhẫn

nại đối với Đạo A-la-hán là *không* đối với toàn bộ phiền não. Đây là *không* do nhãn nại.

Cái gì là *không* do khăng định? Khăng định sự thoát ly là *không* đối với ước muốn trong các dục. Khăng định không sân độc là *không* đối với sự sân độc. Khăng định sự nghĩ tưởng về ánh sáng là *không* đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Khăng định sự không tán mạn là *không* đối với sự phóng dật. Khăng định sự xác định pháp là *không* đối với hoài nghi. Khăng định trí là *không* đối với vô minh. Khăng định sự hân hoan là *không* đối với không hứng thú. Khăng định sơ thiền là *không* đối với các pháp ngăn che. ...(nt)... Khăng định Đạo A-la-hán là *không* đối với toàn bộ phiền não. Đây là *không* do khăng định.

Cái gì là *không* do thâm nhập? Thâm nhập sự thoát ly là *không* đối với ước muốn trong các dục. Thâm nhập sự không sân độc là *không* đối với sân độc. Thâm nhập sự nghĩ tưởng về ánh sáng là *không* đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Thâm nhập sự không tán mạn là *không* đối với sự phóng dật. Thâm nhập sự xác định pháp là *không* đối với hoài nghi. Thâm nhập trí là *không* đối với vô minh. Thâm nhập sự hân hoan là *không* đối với sự không hứng thú. Thâm nhập sơ thiền là *không* đối với các pháp ngăn che. ...(như trên)... Thâm nhập Đạo A-la-hán là *không* đối với toàn bộ phiền não. Đây là *không* do thâm nhập.

Sự chấm dứt vận hành gì ở vị có sự nhận biết rõ rệt là *không* theo ý nghĩa tuyệt đối của tất cả không tánh? Ở đây, vị có sự nhận biết rõ rệt, chấm dứt sự vận hành của ước muốn trong các dục nhờ vào sự thoát ly, chấm dứt sự vận hành của sân độc nhờ vào không sân độc, chấm dứt sự vận hành của sự lờ đờ buồn ngủ nhờ vào sự nghĩ tưởng về ánh sáng, chấm dứt sự vận hành của phóng dật nhờ vào không tán mạn, chấm dứt sự vận hành của hoài nghi nhờ vào sự xác định pháp, chấm dứt sự vận hành của vô minh nhờ vào trí, chấm dứt sự vận hành của không hứng thú nhờ vào hân hoan, chấm dứt sự vận hành của các pháp ngăn che nhờ vào sơ thiền ...(như trên)... chấm dứt sự vận hành của toàn bộ phiền não nhờ vào Đạo A-la-hán.

Hoặc là đối với vị có sự nhận biết rõ rệt đang Vô Dư Niết Bàn ở cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót, sự vận hành này của mắt được chấm dứt và sự vận hành khác của mắt không sanh lên, sự vận hành này của tai ...(như trên)... sự vận hành này của mũi ...(như trên)... sự vận hành này của lưỡi ...(như trên)... sự vận hành này của thân ...(nt)... sự vận hành này của ý được chấm dứt và sự vận hành khác của ý không sanh lên. Sự chấm dứt vận hành này ở vị có sự nhận biết rõ rệt là *không* theo ý nghĩa tuyệt đối của tất cả không tánh.

Phần Giảng về Không được đầy đủ.

Phẩm Kết Hợp Chung là phần thứ nhì.

Tóm lược phẩm này:

Kết hợp chung, chân lý,

*các chi phần giác ngộ,
tâm từ, ly tham ái
là phần giảng thứ năm,
(các phương pháp) phân tích,
bánh xe về Chánh Pháp,
tối thượng ở thế gian,
lực, và không (là mười).*

Phần quý báu của các Bộ Kinh đã được thành lập này là phẩm thứ nhì, cao quý, tuyệt vời, không gì sánh được.

---o0o---

C. PHẨM TUỆ

I. GIẢNG VỀ TUỆ

Sự quán xét về vô thường được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về khổ não được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô ngã được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? ...(như trên)... Sự quán xét về từ bỏ được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về khổ não được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ nhàm chán được tròn đủ. Sự quán xét về vô ngã được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vĩ đại được tròn đủ. Sự quán xét về nhàm chán được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ sắc bén được tròn đủ. Sự quán xét về ly tham ái được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ rộng lớn được tròn đủ. Sự quán xét về diệt tận được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ thâm sâu được tròn đủ. Sự quán xét về từ bỏ được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ⁸ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiêu được tròn đủ.

Tuệ vi tiêu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? ...(như trên)... Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tộc được tròn đủ. ...(như trên)... Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiểu được tròn đủ.

Tuệ vi tiểu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở thọ ... ở tưởng ... ở các hành ... ở thức ... ở mắt ... ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? ...(như trên)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô thường ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tộc được tròn đủ. ...(như trên)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiểu được tròn đủ.

Tuệ vi tiểu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô thường ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về khổ não ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về khổ não ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô ngã ở sắc được tu tập, được làm

cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô ngã ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về nhàm chán ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về nhàm chán ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về ly tham ái ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về ly tham ái ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về diệt tận ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về diệt tận ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về từ bỏ ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về vô thường ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về khổ não ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ nhàm chán được tròn đủ. Sự quán xét về khổ não ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về vô ngã ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vĩ đại được tròn đủ. Sự quán xét về vô ngã ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về nhàm chán ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ sắc bén được tròn đủ. Sự quán xét về nhàm chán ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về ly tham ái ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ rộng lớn được tròn đủ. Sự quán xét về ly tham ái ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về diệt tận ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ thâm sâu được tròn đủ. Sự quán xét về diệt tận ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Sự quán xét về từ bỏ ở sắc thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiêu được tròn đủ.

Tuệ vi tiêu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác

chúng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở thọ ... ở tướng ... ở các hành ... ở thức ... ở mắt ... ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô thường ở lão tử thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? ...(như trên)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về vô thường ở lão tử thuộc quá khứ hiện tại vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. ...(nt)... Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Này các tỳ khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự tác chứng Quả Nhập Lưu. Bốn là gì? Thân cận bậc thiện nhân, lắng nghe Chánh Pháp, tác ý đúng đường lối, thực hành đúng theo ý nghĩa của Pháp. Này các tỳ khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự tác chứng Quả Nhập Lưu.

Này các tỳ khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự tác chứng Quả Nhất Lai. ... đưa đến sự tác chứng Quả Bất Lai. ... đưa đến sự tác chứng Quả A-la-hán. Bốn là gì? Thân cận bậc thiện nhân, lắng nghe Chánh Pháp, tác ý đúng đường lối, thực hành đúng theo ý nghĩa của Pháp. Này các tỳ khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn đưa đến sự tác chứng Quả A-la-hán.

Này các tỳ khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thành đạt về tuệ ...(như trên)... đưa đến sự tăng trưởng của tuệ ...(như trên)... đưa đến sự tiến triển của tuệ ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ vĩ đại ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ phổ thông ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ rộng lớn ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ thâm sâu ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ vô song ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ bao la ...(như trên)... đưa đến sự dồi dào của tuệ ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ nhạy bén ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ nhẹ nhàng ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ vi tiểu ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ đồng tốc ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ sắc bén ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ thông suốt. Bốn là gì? Thân cận bậc thiện nhân, lắng nghe Chánh Pháp, tác ý đúng đường lối, thực hành đúng theo ý nghĩa của Pháp. Này các tỳ khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn đưa

đến sự thành đạt về tuệ ...(như trên)... đưa đến sự tăng trưởng của tuệ ...(như trên)... đưa đến trạng thái tuệ thông suốt.

Đưa đến sự thành đạt về tuệ: Sự thành đạt về tuệ là gì? Là sự đạt được, sự thành đạt, sự đạt đến, sự thành tựu, sự chạm đến, sự tác chứng, sự hoàn thành của bốn trí về Đạo, của bốn trí về Quả, của bốn trí phân tích, của sáu thắng trí, của bảy mươi ba trí,⁹ của bảy mươi bảy trí.¹⁰ ‘Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến sự thành đạt về tuệ’; đây là sự thành đạt về tuệ.

Đưa đến sự tăng trưởng của tuệ: Sự tăng trưởng của tuệ gì? Tuệ của 7 vị Hữu Học và của phạm nhân hoàn thiện tăng trưởng, tuệ của vị A-la-hán tăng trưởng. ‘Các sự tăng trưởng đã được tăng trưởng đưa đến sự tăng trưởng của tuệ’; đây là sự tăng trưởng của tuệ.

Đưa đến sự tiến triển của tuệ: Sự tiến triển của tuệ gì? Tuệ của bảy vị Hữu Học và của vị phạm nhân hoàn thiện đi đến sự tiến triển, tuệ của vị A-la-hán đã đi đến sự tiến triển. ‘Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến sự tiến triển của tuệ’; đây là sự tiến triển của tuệ.

Đưa đến trạng thái tuệ vĩ đại: Tuệ vĩ đại là gì? ‘Nắm giữ các ý nghĩa vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các pháp vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các ngôn từ vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các phép biện giải vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các giới uẩn vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các định uẩn vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các tuệ uẩn vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các giải thoát uẩn vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các giải thoát-tri-kiến uẩn vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các sự hợp lý và không hợp lý vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các sự an trú và chứng đạt vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các chân lý cao thượng vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các sự thiết lập niệam vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các chánh cần vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các nền tảng thần thông vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các quyền vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các lực vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các giác chi vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các Thánh Đạo vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các Quả vị Sa-môn vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ các thắng trí vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Nắm giữ Niết Bàn có ý nghĩa tuyệt đối vĩ đại’ là tuệ vĩ đại. ‘Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ vĩ đại’; đây là tuệ vĩ đại.

Đưa đến trạng thái tuệ phổ thông: Tuệ phổ thông là gì? ‘Trí vận hành về các uẩn phổ thông và khác biệt’ là tuệ phổ thông. ‘Trí vận hành về các giới phổ thông và khác biệt’ là tuệ phổ thông. ‘Trí vận hành về các xứ phổ thông và khác biệt’ là tuệ phổ thông. ‘Trí vận hành về các sự sanh khởi tùy thuận phổ thông và khác biệt’ là tuệ phổ thông. ‘Trí vận hành về các trường hợp không đạt được không tánh phổ thông và khác biệt’ là tuệ phổ thông. ‘Trí vận hành về các ý nghĩa phổ thông và khác biệt’ là tuệ phổ thông. ‘Trí vận hành về các pháp phổ thông và khác biệt’ là tuệ phổ thông.

‘Trí vận hành về các ngôn từ phổ thông và khác biệt’ là tuệ phổ thông. ‘Trí vận hành về các phép biện giải phổ thông và khác biệt’ là tuệ phổ thông. ‘Trí vận

hành về các giới uẩn phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các định uẩn phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các tuệ uẩn phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các giải thoát uẩn phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các giải thoát-tri-kiến uẩn phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các sự hợp lý và không hợp lý phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các sự an trú và chứng đạt phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các chân lý cao thượng phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các sự thiết lập niềm phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các chánh căn phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các nền tảng thân thông phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các quyền phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các lực phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các giác chi phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các Thánh Đạo phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các Quả vị Sa-môn phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vận hành về các thắng trí phổ thông và khác biệt' là tuệ phổ thông. 'Trí vượt qua các pháp phổ biến đến phạm nhân rồi vận hành về Niết Bàn có ý nghĩa tuyệt đối' là tuệ phổ thông. 'Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ phổ thông'; đây là tuệ phổ thông.

Đưa đến trạng thái tuệ rộng lớn: Tuệ rộng lớn là gì? 'Nắm giữ các ý nghĩa rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các pháp rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các ngôn từ rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các phép biện giải rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các giới uẩn rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các định uẩn nghĩa rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các tuệ uẩn rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các giải thoát uẩn rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các giải thoát-tri-kiến uẩn rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các sự hợp lý và không hợp lý rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các sự an trú và chứng đạt rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các chân lý cao thượng rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các sự thiết lập niềm rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các chánh căn rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các nền tảng thân thông rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các quyền rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các lực rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các giác chi rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các Thánh Đạo rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các Quả vị Sa-môn rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ các thắng trí rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Nắm giữ Niết Bàn có ý nghĩa tuyệt đối rộng lớn' là tuệ rộng lớn. 'Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ rộng lớn'; đây là tuệ rộng lớn.

Đưa đến trạng thái tuệ thâm sâu: Tuệ thâm sâu là gì? 'Trí vận hành về các uẩn thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các giới thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các xứ thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các sự sanh khởi tùy thuận thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các trường hợp không

đạt được không tánh thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các ý nghĩa thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các pháp thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các ngôn từ thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các phép biện giải thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các giới uẩn thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các định uẩn thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các tuệ uẩn thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các giải thoát uẩn thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các giải thoát-tri-kiến uẩn thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các sự hợp lý và không hợp lý thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các sự an trú và chứng đạt thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các chân lý cao thượng thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các sự thiết lập niệm thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các chánh cần thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các nền tảng thần thông thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các quyền thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các lực thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các giác chi thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các Thánh Đạo thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các Quả vị Sa-môn thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vận hành về các thắng trí thâm sâu' là tuệ thâm sâu. 'Trí vượt qua các pháp phổ biến đến phàm nhân rồi vận hành về Niết Bàn có ý nghĩa tuyệt đối' là tuệ thâm sâu. 'Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ thâm sâu'; đây là tuệ thâm sâu.

Đưa đến trạng thái tuệ vô song: Tuệ vô song là gì? Cá nhân nào, do xác định ý nghĩa có sự phân tích về ý nghĩa được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ, do xác định pháp có sự phân tích về pháp được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ, do xác định ngôn từ có sự phân tích về ngôn từ được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ, do xác định phép biện giải có sự phân tích về phép biện giải được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ, đối với vị ấy không ai có thể vượt trội về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và về phép biện giải. 'Và vị ấy là không thể bị vượt trội bởi những người khác' là tuệ vô song.

Tuệ của phàm nhân hoàn thiện so với tuệ của hạng thứ tám (Đạo Nhập Lưu) là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với phàm nhân hoàn thiện, hạng thứ tám là có tuệ vô song. Tuệ của hạng thứ tám so với tuệ của vị Nhập Lưu là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với hạng thứ tám, vị Nhập Lưu là có tuệ vô song.

Tuệ của vị Nhập Lưu so với tuệ của vị Nhất Lai là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với vị Nhập Lưu, vị Nhất Lai là có tuệ vô song. Tuệ của vị Nhất Lai so với tuệ của vị Bất Lai là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với vị Nhất Lai, vị Bất Lai là có tuệ vô song. Tuệ của vị Bất Lai so với tuệ của vị A-la-hán là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so

với vị Bất Lai, vị A-la-hán là có tuệ vô song. Tuệ của vị A-la-hán so với tuệ của vị Phật Độc Giác là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với vị A-la-hán, vị Phật Độc Giác là có tuệ vô song; so với vị Phật Độc Giác và thế gian luôn cả chư Thiên, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác là có tuệ vô song tối thắng. Là vị thiện xảo về các loại tuệ, có trí đã được phân hạng, có sự phân tích đã được đắc chứng, đã đạt đến bốn sự tự tín, là vị rành rẽ về mười lực, là bậc Nhân Ngưu, là bậc Nhân Sư, là người như loài rồng, là người có dòng dõi cao quý, là người cất đi gánh nặng, là vị có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có (về trí tuệ), có tài sản (trí tuệ) lớn lao, có của cải (trí tuệ), là vị lãnh đạo, vị hướng đạo, vị dẫn dắt, vị giúp cho nhận biết, vị giúp cho suy nghiệm, vị giúp cho quan sát, vị tạo niềm tin.

Bởi vì Ngài là đức Thế Tôn, là vị làm sanh lên đạo lộ chưa được sanh lên, là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị tuyên thuyết về đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị thông thạo về đạo lộ, hơn nữa hiện nay các Thinh Văn của Ngài là những người đi theo đạo lộ rồi an trú, là những người tiếp nối.

Bởi vì Ngài là đức Thế Tôn, là vị biết điều đã được biết, thấy điều đã được thấy, là mắt, là trí, là Pháp, là đấng Brahma, là vị nói ra, là vị nói lên, là vị đem lại ý nghĩa, là vị ban phát Bát Tử, là đấng Pháp Chủ, là đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không gì là không được biết, không được thấy, không được hiểu, không được tác chứng, không được chạm đến bởi tuệ. Tính luôn cả quá khứ hiện tại vị lai, tất cả các pháp với mọi biểu hiện đều nổi bật ở trí của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì được gọi là cần được biết, tất cả các điều ấy đều được biết. Ý nghĩa thuộc về bản thân, hoặc ý nghĩa thuộc về người khác, hoặc ý nghĩa thuộc về cả hai, hoặc ý nghĩa trong thời hiện tại, hoặc ý nghĩa liên quan đến thời vị lai, hoặc ý nghĩa hời hợt, hoặc ý nghĩa thâm sâu, hoặc ý nghĩa khó hiểu, hoặc ý nghĩa được che đậy, hoặc ý nghĩa cần được biết, hoặc ý nghĩa đã được kết luận, hoặc ý nghĩa không sai trái, hoặc ý nghĩa không ô nhiễm, hoặc ý nghĩa thuần khiết, hoặc ý nghĩa tuyệt đối, tất cả các điều ấy đều xoay chuyển ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả các nghiệp về thân đều được xoay chuyển thuận theo trí của đức Phật Thế Tôn. Tất cả các nghiệp về khẩu đều được xoay chuyển thuận theo trí của đức Phật Thế Tôn. Tất cả các nghiệp về ý đều được xoay chuyển thuận theo trí của đức Phật Thế Tôn.

Trí của đức Phật Thế Tôn về thời điểm đã qua là không bị chướng ngại. Trí của đức Phật Thế Tôn về thời điểm chưa đến là không bị chướng ngại. Trí của đức Phật Thế Tôn về thời điểm hiện tại là không bị chướng ngại. Điều cần được biết là đến đâu, trí (của Ngài) là đến thế ấy; trí (của Ngài) là đến đâu, điều cần được biết là đến thế ấy. Trí (của Ngài) có cùng ranh giới với điều cần được biết, điều cần được biết có cùng ranh giới với trí (của Ngài). Sau khi vượt qua điều cần được biết, trí (của Ngài) không vận hành, không có hiện tượng của điều cần được biết vượt qua trí (của Ngài); các pháp ấy có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Giống

như hai phần của chiếc hộp được gắn liền khít khao, phần hộp ở bên dưới không vượt quá phần bên trên, phần hộp ở bên trên không vượt qua phần bên dưới; chúng có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Tương tự y như thế, điều cần được biết và trí của đức Phật Thế Tôn có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Điều cần được biết là đến đâu, trí (của Ngài) là đến thế ấy; trí (của Ngài) là đến đâu, điều cần được biết là đến thế ấy. Trí (của Ngài) có cùng ranh giới với điều cần được biết, điều cần được biết có cùng ranh giới với trí (của Ngài). Sau khi vượt qua điều cần được biết, trí (của Ngài) không vận hành, không có hiện tượng của điều cần được biết vượt qua trí (của Ngài); các pháp ấy có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp.

Đối với đức Phật Thế Tôn, tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với tác ý, được gắn liền với sự sanh lên của tâm. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Phật biết thiên kiến, biết xu hướng ngủ ngầm, biết tánh hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết những chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người xoay chuyển ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ loài cá và rùa nào, thậm chí tính luôn loại cá ông cá voi, đều xoay chuyển ở giữa biển cả bao la. Tương tự như vậy, thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người xoay chuyển ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ loài có cánh nào, thậm chí tính luôn cả Kim-sĩ-điều thuộc loại Venateyya, đều xoay chuyển ở khoảng không gian của bầu trời. Tương tự y như thế, ngay cả những vị là tương đương với Sārīputta về tuệ, những vị ấy cũng chỉ xoay chuyển trong phạm vi trí của đức Phật.

Trí của đức Phật xâm nhập, chiếm cứ, và ngự trị tuệ của chư thiên và nhân loại. Ngay cả các vị thông thái dòng Sát-đế-ly, các vị thông thái dòng Bà-la-môn, các vị gia chủ thông thái, các vị Sa-môn thông thái, khôn ngoan, biết đến các giáo thuyết của những người khác như là (mũi tên) xuyên qua sợi tóc, nghĩ rằng họ là những người đi đến đập đổ những khuynh hướng tà kiến nhờ vào tuệ đã đạt được. Những người ấy liên tục chuẩn bị câu hỏi rồi đi đến gặp đức Như Lai và chất vấn. Những câu hỏi khó hiểu và che đậy ấy, khi được giảng giải được trả lời bởi đức Thế Tôn, trở thành những sự việc rõ ràng. Và những người ấy trở thành những người hỗ trợ đối với đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn vô cùng rạng rỡ ở tại nơi ấy, tức là về ‘Tuệ’. Ngài là tối thắng và có tuệ vô song. ‘Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ vô song’; đây là tuệ vô song.

Đưa đến trạng thái tuệ bao la: Tuệ bao la là gì? ‘Chế ngự tham ái’ là tuệ bao la. ‘Đã được chế ngự’ là tuệ bao la. ‘Chế ngự sân’ là tuệ bao la. ‘Đã được chế ngự’ là tuệ bao la. ‘Chế ngự sự giận dữ’ ... sự căm hận ... sự gièm pha ... sự hà hiếp ... sự ganh tỵ ... sự bòn xén ... sự xảo trá ... sự đạo đức giả ... sự bướng bỉnh ... sự cống cao ... sự ngã mạn ... sự cao ngạo ... sự kiêu căng ... sự buông lung ... toàn bộ phiền não ... tất cả các ác hạnh ... tất cả các hành ... ‘Chế ngự tất cả nghiệp dẫn đến hữu’ là tuệ bao la. ‘Đã được chế ngự’ là tuệ bao la.

‘Tham ái là kẻ thù. Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy’ là tuệ bao la. ‘Sân là kẻ thù. Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy’ là tuệ bao la. ‘Si là kẻ thù. Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy’ là tuệ bao la. ‘Sự giận dữ ... Sự căm hận ... Sự gièm pha ... Sự hà hiếp ... Sự ganh tỵ ... Sự bòn xén ... Sự xảo trá ... Sự đạo đức giả ... Sự bướng bỉnh ... Sự cống cao ... Sự ngã mạn ... Sự cao ngạo ... Sự kiêu căng ... Sự buông lung ... Toàn bộ phiền não ... Tất cả các ác hạnh ... Tất cả các hành ... ‘Tất cả nghiệp dẫn đến hữu là kẻ thù. Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy’ là tuệ bao la. Quả đất được gọi là bao la. ‘Đức Phật hội đủ về tuệ ấy có tính rộng lớn tương tự như quả đất’, như thế là tuệ bao la. Hơn nữa, điều này là sự đặt tên cho tuệ. ‘Bao la, mẫn tiệp, liên quan đến lãnh đạo’ là tuệ bao la. ‘Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ bao la’; đây là tuệ bao la.

Đưa đến sự dò dào của tuệ: Sự dò dào của tuệ là gì? Ở đây, có người chú trọng về tuệ, thực hành về tuệ, có thiên hướng về tuệ, có khuynh hướng về tuệ, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiệu, có tuệ là pháp chủ đạo, có nhiều tìm hiểu, nhiều suy xét, nhiều xem xét, nhiều quan sát, có sự việc để quan sát, an trú vào sự việc rõ ràng, thực hành tuệ ấy, chú trọng tuệ ấy, dò dào tuệ ấy, thuận theo tuệ ấy, xuôi theo tuệ ấy, nghiêng theo tuệ ấy, khuynh hướng về tuệ ấy, có tuệ ấy là chủ đạo. Ví như người chú trọng về đồ chúng được gọi là ‘Người có nhiều đồ chúng’; người chú trọng về y được gọi là ‘Người có nhiều y’; người chú trọng về bình bát được gọi là ‘Người có nhiều bình bát’; người chú trọng về sàng tọa được gọi là ‘Người có nhiều sàng tọa’; tương tự như thế, có người chú trọng về tuệ, thực hành về tuệ, có thiên hướng về tuệ, có khuynh hướng về tuệ, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiệu, có tuệ là pháp chủ đạo, có nhiều tìm hiểu, nhiều suy xét, nhiều xem xét, nhiều quan sát, có sự việc để quan sát, an trú vào sự việc rõ ràng, thực hành tuệ ấy, chú trọng tuệ ấy, dò dào tuệ ấy, thuận theo tuệ ấy, xuôi theo tuệ ấy, nghiêng theo tuệ ấy, khuynh hướng về tuệ ấy, có tuệ ấy là chủ đạo. ‘Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến sự dò dào của tuệ’; đây là sự dò dào của tuệ.

Đưa đến trạng thái tuệ nhạy bén: Tuệ nhạy bén là gì? ‘Làm tròn đủ các giới vô cùng mau chóng’ là tuệ nhạy bén. ‘Làm tròn đủ việc thu thúc các quyền vô cùng mau chóng’ là tuệ nhạy bén. ‘Làm tròn đủ sự tri túc về vật thực vô cùng mau chóng’ là tuệ nhạy bén. ‘Làm tròn đủ sự gắn bó với tinh thức vô cùng mau chóng’ là tuệ nhạy bén. ‘Làm tròn đủ giới uẩn vô cùng mau chóng’ là tuệ nhạy bén. ‘Làm tròn đủ định uẩn vô cùng mau chóng’ là tuệ nhạy bén. ‘Làm tròn đủ tuệ uẩn vô

cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Làm tròn đủ giải thoát uẩn vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Làm tròn đủ giải thoát-tri-kiến uẩn vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Thấu triệt các sự hợp lý và không hợp lý vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Làm tròn đủ sự an trú và chứng đạt vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Thấu triệt các chân lý cao thượng vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Tu tập các sự thiết lập niệm vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Tu tập các chánh cần vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Tu tập các nền tảng thần thông vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Tu tập các quyền vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Tu tập các lực vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Tu tập các giác chi vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Tu tập Thánh Đạo vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Tác chứng các Quả vị Sa-môn vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Thấu triệt các thắng trí vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Tác chứng Niết Bàn có ý nghĩa tuyệt đối vô cùng mau chóng' là tuệ nhạy bén. 'Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ nhạy bén'; đây là tuệ nhạy bén.

Đưa đến trạng thái tuệ nhẹ nhàng: Tuệ nhẹ nhàng là gì? 'Làm tròn đủ các giới vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Làm tròn đủ sự thu thúc các quyền vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Làm tròn đủ sự tri túc về vật thực vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Làm tròn đủ sự gắn bó với tỉnh thức vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Làm tròn đủ giới uẩn ... định uẩn ... tuệ uẩn ... giải thoát uẩn ... giải thoát-tri-kiến uẩn vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Thấu triệt các sự hợp lý và không hợp lý vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Làm tròn đủ sự an trú và chứng đạt vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Thấu triệt các chân lý cao thượng vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Tu tập các sự thiết lập niệm vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Tu tập các chánh cần vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Tu tập các nền tảng của thần thông vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Tu tập các quyền vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Tu tập các lực vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Tu tập các giác chi vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Tu tập Thánh Đạo vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Tác chứng các Quả vị Sa-môn vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Thấu triệt các thắng trí vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Tác chứng Niết Bàn có ý nghĩa tuyệt đối vô cùng nhẹ nhàng' là tuệ nhẹ nhàng. 'Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ nhẹ nhàng'; đây là tuệ nhẹ nhàng.

Đưa đến trạng thái tuệ vi tiếu: Tuệ vi tiếu là gì? Ở đây có người: 'Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ các giới' là tuệ vi tiếu. 'Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ sự thu thúc các quyền' là tuệ vi tiếu. 'Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ sự tri túc về vật thực' là tuệ vi tiếu. 'Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ sự gắn bó với tỉnh thức' là tuệ vi tiếu. 'Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn

đủ giới uẩn' ... định uẩn ... tuệ uẩn ... giải thoát uẩn ... giải thoát-tri-kiến uẩn ... thấu triệt các sự hợp lý và không hợp lý ... làm tròn đủ sự an trú và chứng đạt ... thấu triệt các chân lý cao thượng ... tu tập các sự thiết lập niệm ... tu tập các chánh căn ... tu tập các nền tảng thần thông ... tu tập các quyền ... tu tập các lực ... tu tập các giác chi ... tu tập Thánh Đạo ... tác chứng các Quả vị Sa-môn' là tuệ vi tiếu. 'Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan thấu triệt các thắng trí' là tuệ vi tiếu. 'Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan tác chứng Niết Bàn có ý nghĩa tuyệt đối' là tuệ vi tiếu. 'Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ vi tiếu'; đây là tuệ vi tiếu.

Đưa đến trạng thái tuệ đồng tốc: Tuệ đồng tốc là gì? Bất cứ sắc nào thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai, nội phần hoặc ngoại phần, thô hoặc tế, thấp kém hoặc cao quý, là ở xa hoặc ở gần, về toàn bộ sắc ấy 'trực nhận một cách mau lẹ là vô thường' là tuệ đồng tốc, 'trực nhận một cách mau lẹ là khổ não' là tuệ đồng tốc, 'trực nhận một cách mau lẹ là vô ngã' là tuệ đồng tốc. Bất cứ thọ nào ...(như trên)... Bất cứ tưởng nào ...(như trên)... Bất cứ các hành nào ...(như trên)... Bất cứ thức nào thuộc quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai, nội phần hoặc ngoại phần, thô hoặc tế, thấp kém hoặc cao quý, là ở xa hoặc gần, về toàn bộ thức ấy 'trực nhận một cách mau lẹ là vô thường' là tuệ đồng tốc, 'trực nhận một cách mau lẹ là khổ não' là tuệ đồng tốc, 'trực nhận một cách mau lẹ là vô ngã' là tuệ đồng tốc. Mắt ...(như trên)... Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai, 'trực nhận một cách mau lẹ là vô thường' là tuệ đồng tốc, 'trực nhận một cách mau lẹ là khổ não' là tuệ đồng tốc, 'trực nhận một cách mau lẹ là vô ngã' là tuệ đồng tốc.

Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: 'Sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi', 'trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận sắc là Niết Bàn' là tuệ đồng tốc. Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: 'Thọ ... Tưởng ... Các hành ... Thức ... Mắt ... Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi', 'trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận lão tử là Niết Bàn' là tuệ đồng tốc.

Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: 'Sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp đoạn tận, là pháp biến hoại, là pháp ly tham ái, là pháp diệt tận', 'trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận sắc là Niết Bàn' là tuệ đồng tốc. Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: 'Thọ ... Tưởng ... Các hành ... Thức ... Mắt ... Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp đoạn tận, là pháp biến hoại, là pháp ly tham ái, là pháp diệt tận', 'trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận lão tử là Niết Bàn' là tuệ đồng tốc. 'Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ đồng tốc' là tuệ đồng tốc.

Đưa đến trạng thái tuệ sắc bén: Tuệ sắc bén là gì? ‘Cắt đứt các phiền não một cách mau lẹ’ là tuệ sắc bén. ‘Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu dục tâm đã sanh lên’ là tuệ sắc bén. ‘Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu sân độc tâm đã sanh lên’ là tuệ sắc bén. ‘Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu hãm hại tâm đã sanh lên ... (như trên) ... các pháp ác bất thiện đã sanh lên’ là tuệ sắc bén. ‘Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu tham ái đã sanh lên’ là tuệ sắc bén. ‘Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu sân đã sanh lên ... si đã sanh lên ... sự giận dữ đã sanh lên ... sự căm hận đã sanh lên ... sự gièm pha ... sự hà hiếp ... sự ganh tỵ ... sự bòn xén ... sự xảo trá ... sự đạo đức giả ... sự bướng bỉnh ... sự cống cao ... sự ngã mạn ... sự cao ngạo ... sự kiêu căng ... sự buông lung ... toàn bộ phiền não ... tất cả các ác hạnh ... tất cả các hành ... tất cả nghiệp dẫn đến hữu’ là tuệ sắc bén. ‘Ở một chỗ ngồi, bốn Thánh Đạo, bốn Quả vị Sa-môn, bốn phân tích, sáu thắng trí là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ’ là tuệ sắc bén. ‘Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ sắc bén’ là tuệ sắc bén.

Đưa đến trạng thái tuệ thông suốt: Tuệ thông suốt là gì? Ở đây, có người có nhiều kinh hoàng về tất cả các hành, có nhiều sợ sệt, có nhiều bất mãn, có nhiều không hứng thú, có nhiều không hứng khởi, tỏ vẻ không hứng thú ở tất cả các hành. ‘Thông suốt, khám phá tham uẩn chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây’ là tuệ thông suốt. ‘Thông suốt, khám phá sân uẩn chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây’ là tuệ thông suốt. ‘Thông suốt, khám phá si uẩn chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây’ là tuệ thông suốt. ‘Thông suốt, khám phá sự giận dữ ... sự căm hận ... sự gièm pha ... sự hà hiếp ... sự ganh tỵ ... sự bòn xén ... sự xảo trá ... sự đạo đức giả ... sự bướng bỉnh ... sự cống cao ... sự ngã mạn ... sự cao ngạo ... sự kiêu căng ... sự buông lung ... toàn bộ phiền não ... tất cả các ác hạnh ... tất cả các hành ... tất cả nghiệp dẫn đến hữu chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây’ là tuệ thông suốt. ‘Chúng (bốn pháp ấy) đưa đến trạng thái tuệ thông suốt’ là tuệ thông suốt. Đây là 16 tuệ. Cá nhân hội đủ 16 tuệ này đạt đến (tuệ) phân tích.

Có hai hạng người đạt được phân tích: một hạng đã thực tập trước đây, một hạng đã không thực tập trước đây. Người nào đã thực tập trước đây, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây: một hạng đã nghe nhiều, một hạng đã không nghe nhiều. Người nào nghe nhiều, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều: một hạng có nhiều sự thuyết giảng, một hạng không có

hiều sự thuyết giảng. Người nào có nhiều sự thuyết giảng, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng: một hạng đã nương tựa vào vị thầy, một hạng đã không nương tựa vào vị thầy. Người nào đã nương tựa vào vị thầy, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy: một hạng có nhiều sự an trú,¹¹ một hạng không có nhiều sự an trú. Người nào có nhiều sự an trú, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú: một hạng có nhiều sự quán xét lại, một hạng không có nhiều sự quán xét lại. Người nào có nhiều sự quán xét lại, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú, cả hai đều có nhiều sự quán xét lại: một hạng đạt được sự phân tích của bậc Hữu Học, một hạng đạt được sự phân tích của bậc Vô Học. Người nào đạt được sự phân tích của bậc Vô Học, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú, cả hai đều có nhiều sự quán xét lại, cả hai đều đã đạt được sự phân tích của bậc Vô Học: một hạng đạt được sự toàn hảo của vị Thinh Văn, một hạng không đạt được sự toàn hảo của vị Thinh Văn. Người nào đạt được sự toàn hảo của vị Thinh Văn, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú, cả hai đều có nhiều sự quán xét lại, cả hai đều đã đạt được sự phân tích của bậc Vô Học: một hạng đạt được sự toàn hảo của vị Thinh Văn, một hạng là vị Độc Giác Phật. Người nào là vị Độc Giác Phật, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Tính luôn vị Độc Giác Phật và thế gian có cả chư thiên, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Chánh Đăng Giác là tối thắng, đã đạt đến sự phân tích, là thiện xảo về

các loại tuệ, có trí đã được phân hạng, có sự phân tích đã được đắc chứng, đã đạt đến bốn sự tự tín, là vị rành rẽ về mười lực, là bậc Nhân Ngưu, là bậc Nhân Sư...(như trên)... Ngay cả các vị thông thái dòng Sát-đế-ly, các vị thông thái dòng Bà-la-môn, các vị gia chủ thông thái, các vị Sa-môn thông thái, khôn ngoan, biết đến các giáo thuyết của những người khác như là (mũi tên) xuyên qua sợi tóc, nghĩ rằng họ là những người đi đến đập đổ những khuynh hướng tà kiến nhờ vào tuệ đã đạt được. Những người ấy liên tục chuẩn bị câu hỏi rồi đi đến gặp đức Như Lai và chất vấn. Những câu hỏi khó hiểu và che đậy ấy, khi được giảng giải được trả lời bởi đức Thế Tôn, trở thành những sự việc rõ ràng. Và những người ấy trở thành những người hỗ trợ đối với đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn vô cùng rạng rỡ ở tại nơi ấy, tức là về ‘Tuệ’. Ngài đã đạt đến sự phân tích và là vị tối thắng. Phân Giảng về Tuệ được đầy đủ.

---oOo---

II. GIẢNG VỀ THẦN THÔNG

Điều gì là thần thông? Thần thông có bao nhiêu loại? có bao nhiêu lãnh vực? có bao nhiêu cơ sở? có bao nhiêu căn bản? có bao nhiêu cội nguồn?

Điều gì là thần thông? Theo ý nghĩa thành tựu là thần thông.

Thần thông có bao nhiêu loại? Thần thông có mười loại.

Thần thông có bao nhiêu lãnh vực? Thần thông có bốn lãnh vực, có bốn cơ sở, có tám căn bản, có mười sáu cội nguồn.

Mười loại thần thông gì? Thần thông do chú nguyện, thần thông do biến hóa, thần thông do ý tạo thành, thần thông do sự can thiệp của trí, thần thông do sự can thiệp của định, thần thông thuộc về bậc Thánh, thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp, thần thông của người có phước báu, thần thông do chú thuật, thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp.

Bốn lãnh vực gì của thần thông? Sơ thiên là lãnh vực sanh lên do viễn ly, nhị thiên là lãnh vực của hỷ và lạc, tam thiên là lãnh vực của xả và lạc, tứ thiên là lãnh vực của không khổ không lạc. Bốn lãnh vực này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, sự tự tín về thần thông.

Bốn cơ sở gì của thần thông? Ở đây vị tỷ khuru tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực, tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực, tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do tâm và các tạo tác do nỗ lực, tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực. Bốn cơ sở này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, tự tín về thần thông.

Tám căn bản gì của thần thông? Nếu do ước muốn, vị tỳ khuru đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, (như vậy) ước muốn không phải là định, định không phải là ước muốn; ước muốn là điều khác, định là điều khác. Nếu do tinh tấn, vị tỳ khuru đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, (như vậy) tinh tấn không phải là định, định không phải là tinh tấn; tinh tấn là điều khác, định là điều khác. Nếu do tâm, vị tỳ khuru đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, (như vậy) tâm không phải là định, định không phải là tâm; tâm là điều khác, định là điều khác. Nếu do thẩm xét, vị tỳ khuru đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, (như vậy) thẩm xét không phải là định, định không phải là thẩm xét; thẩm xét là điều khác, định là điều khác. Tám căn bản này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, sự tự tín về thần thông.

Mười sáu cội nguồn gì của thần thông? ‘Không bị trì trệ, tâm không động bởi biếng nhác’ là bất động. ‘Không bị hưng phấn, tâm không động bởi phóng dật’ là bất động. ‘Không quá chăm chú, tâm không động bởi tham ái’ là bất động. ‘Không xua đuổi, tâm không động bởi sân độc’ là bất động. ‘Không lệ thuộc, tâm không động bởi kiến’ là bất động. ‘Không gấn bó, tâm không động bởi ước muốn và tham ái’ là bất động. ‘Được phóng thích, tâm không động bởi ái dục’ là bất động. ‘Thoát khỏi ràng buộc, tâm không động bởi phiền não’ là bất động. ‘Được thoát khỏi chướng ngại, tâm không động bởi chướng ngại phiền não’ là bất động. ‘Đạt đến trạng thái chuyên nhất, tâm không động bởi các phiền não có bản chất khác biệt’ là bất động. ‘Được nắm giữ bởi đức tin, tâm không động bởi không có đức tin’ là bất động. ‘Được nắm giữ bởi tinh tấn, tâm không động bởi biếng nhác’ là bất động. ‘Được nắm giữ bởi niệm, tâm không động bởi buông lung’ là bất động. ‘Được nắm giữ bởi định, tâm không động bởi phóng dật’ là bất động. ‘Được nắm giữ bởi tuệ, tâm không động bởi vô minh’ là bất động. ‘Đạt đến ánh sáng, tâm không động bởi bóng tối vô minh’ là bất động. Mười sáu cội nguồn này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, sự tự tín về thần thông.

Thần thông gì do chú nguyện? Ở đây, vị tỳ khuru kinh nghiệm thần thông nhiều thể loại: chỉ là một hóa thành nhiều, là nhiều hóa thành một, hiện ra, biến mất, đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở như là ở khoảng không, trôi lên và chìm xuống vào trong đất như là ở trong nước, đi ở trên nước mà không làm chao động như là ở trên đất, di chuyển với thể kiết già ở trên hư không cũng như loài chim có cánh, bằng bàn tay sờ đến chạm vào ngay cả mặt trăng và mặt trời (là những vật) có đại thần lực như thể có đại oai lực như thế, bằng thân vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm Thiên.

Ở đây: ở quan điểm này, ở sự mong muốn này, ở khuynh hướng này, ở sự chọn lọc này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở học thuyết này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo Sư; vì thế được nói rằng: “Ở đây”.

Vị tỳ khuru: vị tỳ khuru là phạm nhân hoàn thiện, hoặc là vị Hữu Học, hoặc là vị A-la-hán có pháp không thể thay đổi.

Kinh nghiệm thân thông nhiều thể loại: là kinh nghiệm thể loại thân thông có cách thể hiện khác biệt.

Chỉ là một hóa thành nhiều: Bình thường là một, hướng tâm đến nhiều, hoặc hướng tâm đến một trăm, hoặc một ngàn, hoặc một trăm ngàn. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Ta hãy là nhiều” và trở thành nhiều. Giống như đại đức Cūḷapanthaka chỉ là một hóa thành nhiều; tương tự như thế, vị ấy, có thân thông đã đạt đến năng lực của ý, chỉ là một hóa thành nhiều.

Bahudhāpi hutvā eko hotīti pakatiyā bahuko ekam āvajjati, āvajjitvā nāṇena adhiṭṭhāti: ‘Eko homī’ti eko hoti. Yathāyasmā cullapatthako bahudhāpi hutvā eko hoti. Evameva so iddhimā cetovasippatto bahudhāpi hutvā eko hoti.

Là nhiều hóa thành một: Bình thường là nhiều, hướng tâm đến một. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Ta hãy là một” và trở thành một. Giống như đại đức Cullapanthaka là nhiều hóa thành một; tương tự như thế, vị ấy, có thân thông đã đạt đến năng lực của ý, là nhiều hóa thành một.

Hiện ra: là không bị ngăn che, không bị che đậy bởi bất cứ vật gì, được mở ra, được hiển hiện.

Biến mất: là bị ngăn che, bị che đậy bởi bất cứ vật gì, bị đóng lại, bị lật úp lại.

Đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở như là ở khoảng không: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục hư không một cách tự nhiên. (Vị ấy) hướng tâm đến việc xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Hãy là hư không” và trở thành hư không. (Vị ấy) đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở. Giống như những người, ở trạng thái bình thường không có thân thông, ở chỗ không bị ngăn che, không bị che đậy bất cứ vật gì, đi không bị ngăn trở; tương tự như thế, vị ấy, có thân thông đã đạt được năng lực của ý, đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở như là ở khoảng không.

Trôi lên và chìm xuống vào trong đất như là ở trong nước: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục nước một cách tự nhiên. (Vị ấy) hướng tâm đến đất. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Hãy là nước” và trở thành nước. Vị ấy trôi lên và chìm xuống vào trong đất. Giống như những người, ở trạng thái bình thường không có thân thông, trôi lên và chìm vào trong nước; tương tự như thế, vị ấy, có thân thông đã đạt được năng lực của ý, trôi lên và chìm xuống vào trong đất như là ở trong nước.

Đi ở trên nước mà không làm chao động như là ở trên đất: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục đất một cách tự nhiên. (Vị ấy) hướng tâm đến nước. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Hãy là đất” và trở thành đất. Vị ấy đi ở trên nước mà (nước) không bị tách ra. Giống như những người, ở trạng thái bình thường không có thần thông, đi ở trên đất mà (đất) không bị tách ra; tương tự như thế, vị ấy, có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đi ở trên nước mà (nước) không bị tách ra như là ở trên đất.

Di chuyển với thể kiết già ở trên hư không cũng như loài chim có cánh: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục đất một cách tự nhiên. (Vị ấy) hướng tâm đến hư không. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Hãy là đất” và trở thành đất. Vị ấy đi tới lui ở trên hư không bầu trời, rồi đứng lại, ngồi xuống, rồi nằm xuống. Giống như những người, ở trạng thái bình thường không có thần thông, đi tới lui ở trên đất, rồi đứng lại, ngồi xuống, rồi nằm xuống; tương tự như thế, vị ấy, có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đi tới lui ở trên hư không bầu trời, rồi đứng lại, ngồi xuống, rồi nằm xuống cũng như loài chim có cánh.

Bằng bàn tay sờ đến chạm vào ngay cả mặt trăng và mặt trời (là những vật) có đại thần lực như thế có đại oai lực như thế: Ở đây, vị ấy, có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đang ngồi hoặc đang nằm, hướng tâm đến mặt trăng và mặt trời. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Hãy là ở trong tầm tay” và trở thành ở trong tầm tay. Vị ấy, đang ngồi hoặc đang nằm, bằng bàn tay đụng đến sờ đến chạm vào mặt trăng và mặt trời. Giống như những người, ở trạng thái bình thường không có thần thông, bằng bàn tay đụng đến sờ đến chạm vào bất cứ vật gì có hình thể ở trong tầm tay; tương tự như thế, vị ấy, có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đang ngồi hoặc đang nằm, bằng bàn tay đụng đến sờ đến chạm vào mặt trăng và mặt trời.

Bằng thân vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm Thiên: Nếu vị ấy, có thần thông đã đạt được năng lực của ý, có ý muốn đi đến cõi Phạm Thiên, dầu xa chú nguyện là gần rằng: “Hãy là gần” và trở thành gần, dầu gần chú nguyện thành xa rằng: “Hãy là xa” và trở thành xa, dầu nhiều chú nguyện thành ít rằng: “Hãy là ít” và trở thành ít, dầu ít chú nguyện thành nhiều rằng: “Hãy là nhiều” và trở thành nhiều, nhìn thấy hình dáng của vị Phạm Thiên ấy bằng thiên nhãn, nghe được tiếng của vị Phạm Thiên ấy bằng thiên nhĩ, nhận biết tâm của vị Phạm Thiên ấy bằng trí biết được tâm của người khác. Nếu vị ấy, có thần thông đã đạt được năng lực của ý, có ý muốn đi đến cõi Phạm Thiên bằng thân được nhìn thấy, (vị ấy) hoán chuyển tâm theo năng lực của thân, chú nguyện tâm theo năng lực của thân. Sau khi hoán chuyển tâm theo năng lực của thân, sau khi chú nguyện tâm theo năng lực của thân, sau khi nhập vào lạc tướng và khinh tướng, vị ấy đi đến cõi Phạm Thiên bằng thân được nhìn thấy. Nếu vị ấy, có thần thông đã đạt được năng lực của ý, có ý muốn đi đến cõi Phạm Thiên bằng thân không được nhìn thấy, (vị ấy) hoán chuyển tâm theo năng lực của tâm, chú nguyện tâm theo năng lực của tâm. Sau khi hoán

chuyển thân theo năng lực của tâm, sau khi chú nguyện thân theo năng lực của tâm, sau khi nhập vào lạc tướng và kinh tướng, vị ấy đi đến cõi Phạm Thiên bằng thân không được nhìn thấy. Vị ấy làm ra hình thể được tạo thành bởi ý có tất cả các bộ phận lớn nhỏ và có giác quan hoàn chỉnh ở phía trước vị Phạm Thiên ấy. Nếu vị có thần thông ấy đi kinh hành, hình biến hóa (của vị ấy) cũng đi kinh hành ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy đứng lại, hình biến hóa cũng đứng lại ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy ngồi xuống, hình biến hóa cũng ngồi xuống ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy nằm, hình biến hóa cũng nằm ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy phun khói, hình biến hóa cũng phun khói ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy phát sáng, hình biến hóa cũng phát sáng ở nơi ấy.

Nếu vị có thần thông ấy thuyết Pháp, hình biến hóa cũng thuyết Pháp ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy hỏi câu hỏi, hình biến hóa cũng hỏi câu hỏi ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy trả lời khi được hỏi câu hỏi, hình biến hóa cũng trả lời khi được hỏi câu hỏi ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy đứng chung chuyện văn, bàn luận với vị Phạm Thiên ấy, hình biến hóa cũng đứng chung chuyện văn, bàn luận với vị Phạm Thiên ấy ở nơi ấy. Vị có thần thông ấy làm bất cứ việc gì, hình biến hóa (của vị ấy) cũng làm chính ngay việc ấy. Đây là thần thông do chú nguyện.

Thần thông do biến hóa là gì? Vị Thịnh Văn của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đáng Chánh Đẳng Giác Sikhī tên là Abhibhū đứng ở cõi Phạm Thiên đã dùng giọng nói thông báo đến một ngàn cõi thế giới. Vị ấy đã thuyết Pháp với thân được nhìn thấy, đã thuyết Pháp với thân không được nhìn thấy, đã thuyết Pháp với nửa phần thân dưới được nhìn thấy với nửa phần thân trên không được nhìn thấy, đã thuyết Pháp với nửa phần thân trên được nhìn thấy với nửa phần thân dưới không được nhìn thấy. Vị ấy rời bỏ hình dạng bình thường và phô bày hình dạng của thiếu niên, hoặc phô bày hình dạng của loài rồng, hoặc phô bày hình dạng của loài nhân điều, hoặc phô bày hình dạng của loài dạ-xoa, hoặc phô bày hình dạng của vị Thiên Vương, hoặc phô bày hình dạng của vị thiên nhân, hoặc phô bày hình dạng của Phạm Thiên, hoặc phô bày hình dạng của biển cả, hoặc phô bày hình dạng của ngọn núi, hoặc phô bày hình dạng của khu rừng, hoặc phô bày hình dạng của loài sư tử, hoặc phô bày hình dạng của loài cọp, hoặc phô bày hình dạng của loài beo, hoặc phô bày hình dạng của loài voi, hoặc phô bày hình dạng của loài ngựa, hoặc phô bày hình dạng của xe kéo, hoặc phô bày hình dạng của người lính, hoặc phô bày hình dạng của đoàn quân nhiều binh chủng. Đây là thần thông do biến hóa.

Thần thông do ý tạo thành là gì? Ở đây, vị tỳ khưu từ thân này làm ra thân khác có hình thể được tạo thành bởi ý với tất cả các bộ phận lớn nhỏ và có giác quan hoàn chỉnh. Cũng giống như người đàn ông rút ra sợi rơm từ cọng cỏ *muñja*. Vị ấy có thể nghĩ như vậy: “Đây là cọng cỏ *muñja*, đây là sợi rơm. Cọng cỏ *muñja* là khác, sợi rơm là khác. Nhưng chính sợi rơm được rút ra từ cọng cỏ *muñja*”. Hoặc cũng giống như người đàn ông có thể rút ra thanh gươm từ vỏ bọc. Vị ấy có thể nghĩ như vậy: “Đây là thanh gươm, đây là vỏ bọc. Thanh gươm

là khác, vỏ bọc là khác. Nhưng chính thanh gươm được rút ra từ vỏ bọc”. Hoặc cũng giống như người đàn ông có thể tuốt ra con rắn từ lớp da. Vị ấy có thể nghĩ như vậy: “Đây là con rắn, đây là lớp da. Con rắn là khác, lớp da là khác. Nhưng chính con rắn được tuốt ra từ lớp da;” tương tự như thế, vị tỳ khuru từ thân này làm ra thân khác có hình thể được tạo thành bởi ý với tất cả các bộ phận lớn nhỏ và có giác quan hoàn chỉnh. Đây là thần thông do ý tạo thành.

Thần thông do sự can thiệp của trí là gì? ‘Do sự quán xét về vô thường, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường được thành tựu’ là thần thông do sự can thiệp của trí. ‘Do sự quán xét về khổ não, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc ... ‘Do sự quán xét về vô ngã, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã ... ‘Do sự quán xét về nhàm chán, ý nghĩa dứt bỏ sự vui thích ... ‘Do sự quán xét về ly tham ái, ý nghĩa dứt bỏ tham ái ... ‘Do sự quán xét về diệt tận, ý nghĩa dứt bỏ nhân sanh khởi ... ‘Do sự quán xét về từ bỏ, ý nghĩa dứt bỏ sự nắm giữ được thành tựu’ là thần thông do sự can thiệp của trí. Thần thông của đại đức Bakkula là do sự can thiệp của trí. Thần thông của đại đức Saṅkicca là do sự can thiệp của trí. Thần thông của đại đức Bhūtapāla là do sự can thiệp của trí. Đây là thần thông do sự can thiệp của trí.

Thần thông do sự can thiệp của định là gì ‘Do sơ thiền, ý nghĩa dứt bỏ các pháp ngăn che được thành tựu’ là thần thông do sự can thiệp của định. ‘Do nhị thiền, ý nghĩa dứt bỏ tầm tứ được thành tựu’ là thần thông do sự can thiệp của định. ‘Do tam thiền, ý nghĩa dứt bỏ hỷ được thành tựu’ ... ‘Do tứ thiền, ý nghĩa dứt bỏ lạc và khổ được thành tựu’ ... ‘Do sự chứng đạt không vô biên xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về sắc, nghĩ tưởng về bất bình, nghĩ tưởng về khác biệt được thành tựu’ ... ‘Do sự chứng đạt thức vô biên xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về không vô biên xứ được thành tựu’ ... ‘Do sự chứng đạt vô sở hữu xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thức vô biên xứ được thành tựu’ ... ‘Do sự chứng đạt phi tưởng phi phi tưởng xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về không vô biên xứ được thành tựu’ là thần thông do sự can thiệp của định. Thần thông của đại đức Sārīputta là do sự can thiệp của định. Thần thông của đại đức Saṅjīva là do sự can thiệp của định. Thần thông của đại đức Khāṇuḍḍaṇṇa là do sự can thiệp của định. Thần thông của nữ cư sĩ Uttarā là do sự can thiệp của định. Thần thông của nữ cư sĩ Sāmāvātī là do sự can thiệp của định. Đây là thần thông do sự can thiệp của định.

Thần thông thuộc về bậc Thánh là gì? Ở đây, vị tỳ khuru nếu ước mong rằng: “Ta có thể an trú vào vật nhòm góm với sự nghĩ tưởng là không nhòm góm,” rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là không nhòm góm; nếu ước mong rằng: “Ta có thể an trú vào vật không nhòm góm với sự nghĩ tưởng là nhòm góm,” rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là nhòm góm; nếu ước mong rằng: “Ta có thể an trú vào vật nhòm góm và vật không nhòm góm với sự nghĩ tưởng là không nhòm góm,” rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là không nhòm góm; nếu ước mong rằng: “Ta có thể an trú vào vật nhòm góm và vật không nhòm góm với sự nghĩ

tưởng là nhòm góm,” rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là nhòm góm; nếu ước mong rằng: “Về vật nhòm góm và vật không nhòm góm, sau khi ngăn ngừa cả hai vật ấy, với trạng thái xả ta có thể an trú (vào hai vật ấy) có niệm và có sự nhận biết rõ rệt,” rồi với trạng thái xả (vị ấy) an trú vào nơi ấy, có niệm và có sự nhận biết rõ rệt.

An trú vào vật nhòm góm với sự nghĩ tưởng là không nhòm góm là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với sự việc không được mong muốn, hoặc là chuyên chú vào lòng từ hoặc là liên tưởng về bản thể. An trú vào vật nhòm góm với sự nghĩ tưởng là không nhòm góm là (có ý nghĩa) như thế.

An trú vào vật không nhòm góm với sự nghĩ tưởng là nhòm góm là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với sự việc mong muốn, hoặc là chuyên chú vào bất tịnh hoặc là liên tưởng về vô thường. An trú vào vật không nhòm góm với sự nghĩ tưởng là nhòm góm là (có ý nghĩa) như thế.

An trú vào vật nhòm góm và vật không nhòm góm với sự nghĩ tưởng là không nhòm góm là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với sự việc không mong muốn và đối với sự việc mong muốn, hoặc là chuyên chú vào lòng từ hoặc là liên tưởng về bản thể. An trú vào vật nhòm góm và vật không nhòm góm với sự nghĩ tưởng là không nhòm góm là (có ý nghĩa) như thế.

An trú vào vật nhòm góm và vật không nhòm góm với sự nghĩ tưởng là nhòm góm là (có ý nghĩa) thế nào? Đối với sự việc mong muốn, hoặc là chuyên chú vào bất tịnh hoặc là liên tưởng về vô thường. An trú vào vật nhòm góm và vật không nhòm góm với sự nghĩ tưởng là nhòm góm là (có ý nghĩa) như thế.

Về vật nhòm góm và vật không nhòm góm, sau khi ngăn ngừa cả hai vật ấy, với trạng thái xả an trú (vào hai vật ấy), có niệm và có sự nhận biết rõ rệt là (có ý nghĩa) thế nào? Ở đây, vị tỳ khuru, sau khi nhìn thấy sắc bằng mắt, là không vui không buồn, với trạng thái xả an trú (vào vật ấy), có niệm và có sự nhận biết rõ rệt. Sau khi nghe thanh (âm thanh) bằng tai ... Sau khi ngửi khí (mùi) bằng mũi ... Sau khi nếm vị bằng lưỡi ... Sau khi va chạm (cảnh) xúc bằng thân ... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, là không vui không buồn, với trạng thái xả an trú (vào vật ấy), có niệm và có sự nhận biết rõ rệt. Về vật nhòm góm và vật không nhòm góm, sau khi ngăn ngừa cả hai vật ấy, với trạng thái xả an trú (vào hai vật ấy), có niệm và có sự nhận biết rõ rệt là (có ý nghĩa) như thế. Đây là thần thông thuộc về bậc Thánh.

Thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp là gì? Là của tất cả các loài có cánh, là của tất cả chư thiên, là của một số thuộc nhân loại, là của một số thuộc hàng đạo xứ. Đây là thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp.

Thần thông của người có phước báu là gì? Đức chuyển luân vương đi trên không trung cùng với đoàn quân bốn loại binh chủng thậm chí tính luôn cả những kẻ giữ ngựa chẵn trâu. Thần thông của gia chủ Jotika là của người có phước báu, thần thông của gia chủ Jaṭṭila là của người có phước báu, thần thông của gia chủ

Menḍaka là của người có phước báu, thần thông của gia chủ Ghosita là của người có phước báu. Đây là thần thông của người có phước báu.

Thần thông do chú thuật là gì? Sau khi nói lầm nhảm về chú thuật, những người rành rẽ về chú thuật đi trên không trung, phô bày voi, phô bày ngựa, phô bày xe kéo, phô bày người lính, phô bày đoàn quân nhiều binh chủng ở trên hư không bầu trời. Đây là thần thông do chú thuật.

Thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên nỗ lực đúng đắn tùy theo trường hợp là (có ý nghĩa) thế nào? ‘Do thoát ly, ý nghĩa dứt bỏ ước muốn trong các dục được thành tựu’ là thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp. ‘Do không sân độc, ý nghĩa dứt bỏ sân độc được thành tựu’ là thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp. ...(như trên)... ‘Do Đạo A-la-hán, ý nghĩa dứt bỏ toàn bộ phiền não được thành tựu’ là thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp. Thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp là (có ý nghĩa) như thế. Đây là mười loại thần thông. Phần Giảng về Thần Thông được đầy đủ.

---o0o---

III. GIẢNG VỀ SỰ LÃNH HỘI

Sự lãnh hội: Lãnh hội nhờ vào gì? Lãnh hội nhờ vào tâm. Nếu lãnh hội nhờ vào tâm, vậy thì người không có trí (có thể) lãnh hội? Người không có trí không (thể) lãnh hội. Lãnh hội nhờ vào trí.

Nếu lãnh hội nhờ vào trí, vậy thì người không có tâm (có thể) lãnh hội? Người không có tâm không (thể) lãnh hội. Lãnh hội nhờ vào tâm và nhờ vào trí.

Nếu lãnh hội nhờ vào tâm và nhờ vào trí, vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm dục giới và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm dục giới và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm sắc giới và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm sắc giới và nhờ vào trí. Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm vô sắc giới và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm vô sắc giới và nhờ vào trí. Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm vận hành theo nghiệp và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm vận hành theo nghiệp và nhờ vào trí. Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm thuận theo chân lý và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm thuận theo chân lý và nhờ vào trí. Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm quá khứ và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm quá khứ và nhờ vào trí. Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm vị lai và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm vị lai và nhờ vào trí. Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm hợp thể hiện tại và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm hợp thể hiện tại và nhờ vào trí. Lãnh hội nhờ vào tâm hiện tại và nhờ vào trí ở sát-na Đạo Siêu Thế.

Lãnh hội nhờ vào tâm hiện tại và nhờ vào trí ở sát-na Đạo Siêu Thế là (có ý nghĩa) thế nào? Ở sát-na Đạo Siêu Thế: tâm có tính chủ đạo trong các pháp sanh lên là nhân và duyên của trí; trí tương ứng với điều ấy, có hành xử là sự diệt tận, có tính chất chủ đạo trong việc nhận thấy là nhân và duyên của tâm; trí tương ứng với điều ấy là hành xử của sự diệt tận.¹² Lãnh hội nhờ vào tâm hiện tại và nhờ vào trí ở sát-na Đạo Siêu Thế là (có ý nghĩa) như thế.

Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na Đạo Siêu Thế: sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến, sự lãnh hội về việc gắn chặt (tâm vào cảnh) là chánh tư duy, sự lãnh hội về gìn giữ là chánh ngữ, sự lãnh hội về nguồn sanh khởi là chánh nghiệp, sự lãnh hội về trong sạch là chánh mạng, sự lãnh hội về ra sức là chánh tinh tấn, sự lãnh hội về thiết lập là chánh niệm, sự lãnh hội về không tán mạn là chánh định.

Sự lãnh hội về thiết lập là niệm giác chi, sự lãnh hội về suy xét là trạch pháp giác chi, sự lãnh hội về ra sức là cần giác chi, sự lãnh hội về lan tỏa là hỷ giác chi, sự lãnh hội về an tịnh là tịnh giác chi, sự lãnh hội về không tán mạn là định giác chi, sự lãnh hội về phân biệt rõ là xả giác chi.

Sự lãnh hội về tính chất không dao động ở sự không có đức tin là tín lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở biếng nhác là tấn lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở buông lung là niệm lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở phóng dật là định lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở vô minh là tuệ lực.

Sự lãnh hội về cương quyết là tín quyền, sự lãnh hội về ra sức là tấn quyền, sự lãnh hội về thiết lập là niệm quyền, sự lãnh hội về không tán mạn là định quyền, sự lãnh hội về nhận thấy là tuệ quyền.

Sự lãnh hội về các quyền theo ý nghĩa pháp chủ đạo, sự lãnh hội về các lực theo ý nghĩa về tính chất không thể bị lay chuyển, sự lãnh hội về các giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất (ra khỏi luân hồi), sự lãnh hội về Đạo theo ý nghĩa chung tử, sự lãnh hội về thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết lập, sự lãnh hội về các chánh căn theo ý nghĩa nỗ lực, sự lãnh hội về các nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu, sự lãnh hội về chân lý theo ý nghĩa của thực thể, sự lãnh hội về chỉ tịnh theo ý nghĩa không tán mạn, sự lãnh hội về minh sát theo ý nghĩa quán sát, sự lãnh hội về chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị, sự lãnh hội về kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt quá, sự lãnh hội về giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc, sự lãnh hội về tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tán mạn, sự lãnh hội về kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thấy, sự lãnh hội về giải thoát theo ý nghĩa được phóng thích, sự lãnh hội về minh theo ý nghĩa thấu triệt, sự lãnh hội về giải thoát theo ý nghĩa buông bỏ, trí về đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ là sự lãnh hội.

Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là sự lãnh hội, tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là sự lãnh hội, xúc theo ý nghĩa liên kết là sự lãnh hội, thọ theo ý nghĩa hội tụ là sự lãnh hội, định theo ý nghĩa dẫn đầu là sự lãnh hội, niệm theo ý nghĩa

pháp chủ đạo là sự lãnh hội, tuệ theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện là sự lãnh hội, giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi là sự lãnh hội, Niết Bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội.

Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na Đạo Nhập Lưu: sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến ...(như trên)... Niết Bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội.

Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na Quả Nhập Lưu: sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến ...(như trên)... trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng là sự lãnh hội. Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là sự lãnh hội ...(như trên)... Niết Bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội.

Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na Đạo Nhất Lai ... ở sát-na Quả Nhất Lai ... ở sát-na Đạo Bất Lai ... ở sát-na Quả Bất Lai ... ở sát-na Đạo A-la-hán ... ở sát-na Quả A-la-hán: sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến, sự lãnh hội về sự gắn chặt (tâm vào cảnh) là chánh tư duy ...(như trên)... trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng là sự lãnh hội. Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là sự lãnh hội ...(như trên)... Niết Bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội.

Vị này dứt bỏ các phiền não, dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại. Dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ: Nếu (vị ấy) dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, vậy thì (vị ấy) dứt bỏ pháp đã được cạn kiệt, làm diệt tận pháp đã được diệt tận, làm xa lìa pháp đã được xa lìa, làm biến mất pháp đã được biến mất; (vị ấy) dứt bỏ pháp thuộc quá khứ là pháp không hiện hữu. Như thế, (vị ấy) không dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ.

Dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai: Nếu (vị ấy) dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, vậy thì (vị ấy) dứt bỏ pháp chưa được sanh ra, dứt bỏ pháp chưa được tạo lập, dứt bỏ pháp chưa được sanh lên, dứt bỏ pháp chưa được hiện khởi; (vị ấy) dứt bỏ pháp thuộc vị lai là pháp không hiện hữu. Như thế, (vị ấy) không dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai.

Dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại: Nếu (vị ấy) dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại, vậy thì bị ái nhiễm (vị ấy) dứt bỏ tham ái, bị hư hỏng (vị ấy) dứt bỏ sân, bị mê muội (vị ấy) dứt bỏ vô minh, bị ràng buộc (vị ấy) dứt bỏ ngã mạn, bị tiêm nhiễm (vị ấy) dứt bỏ tà kiến, bị rơi vào tản mạn (vị ấy) dứt bỏ phóng dật, bị rơi vào không dứt khoát (vị ấy) dứt bỏ hoài nghi, bị rơi vào cố tật (vị ấy) dứt bỏ pháp ngủ ngầm; (như thế) các pháp đen và trắng¹³ được kết hợp chung, hiện hữu một cách bình đẳng, sự tu tập Đạo là còn phiền não.

(Vị ấy) không dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, không dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, không dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại: Nếu (vị ấy) không dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, không dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, không dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại, vậy thì (phải chăng) không có sự tu tập Đạo,

không có sự tác chứng Quả, không có sự dứt bỏ các phiền não, không có sự lãnh hội các pháp? Có sự tu tập Đạo, có sự tác chứng Quả, có sự dứt bỏ các phiền não, có sự lãnh hội các pháp. Như thế là (có ý nghĩa) thế nào? Giống như thân cây còn nhỏ có trái cây chưa được sanh ra, người ta có thể đón ngã chính gốc cây ấy. Những trái cây chưa được sanh ra của cây ấy, chính vì chưa được sanh ra nên (sẽ) không được sanh ra, chính vì chưa được tạo lập nên (sẽ) không được tạo lập, chính vì chưa được sanh lên nên (sẽ) không được sanh lên, chính vì chưa được hiện hữu nên (sẽ) không được hiện hữu.

Tương tự như thế, sự sanh lên là nhân, sự sanh lên là duyên đưa đến sự tạo lập các phiền não. Sau khi thấy được tai hại trong sự sanh lên, tâm tiến đến sự không sanh lên. Nhờ vào trạng thái của tâm ở sự không sanh lên, các phiền não nào có sự sanh lên là duyên có thể được tạo lập, các phiền não ấy chính vì chưa được sanh ra nên (sẽ) không được sanh ra, chính vì chưa được tạo lập nên (sẽ) không được tạo lập, chính vì chưa được sanh lên nên (sẽ) không được sanh lên, chính vì chưa được hiện hữu nên (sẽ) không được hiện hữu. Như vậy, do sự diệt tận của nhân có sự diệt tận của Khổ. Sự vận hành là nhân, hiện tướng là nhân, (nghiệp) tích lũy là nhân, (nghiệp) tích lũy là duyên đưa đến sự tạo lập các phiền não. Sau khi thấy được tai hại ở (nghiệp) tích lũy, tâm tiến đến sự không tích lũy (nghiệp). Nhờ vào trạng thái của tâm ở sự không tích lũy (nghiệp), các phiền não nào có (nghiệp) tích lũy là duyên có thể được tạo lập, các phiền não ấy chính vì chưa được sanh ra nên (sẽ) không được sanh ra, chính vì chưa được tạo lập nên (sẽ) không được tạo lập, chính vì chưa được sanh lên nên (sẽ) không được sanh lên, chính vì chưa được hiện hữu nên (sẽ) không được hiện hữu. Như vậy, do sự diệt tận của nhân có sự diệt tận của Khổ. Như vậy, có sự tu tập Đạo, có sự tác chứng Quả, có sự dứt bỏ các phiền não, có sự lãnh hội các pháp.
Phản Giảng về sự Lãnh Hội được đầy đủ.

---o0o---

IV. GIẢNG VỀ SỰ VIỄN LY

[Duyên khởi ở Sāvatthī]

Này các tỳ khuru, cũng giống như bất cứ các hành động gì được thực hiện bằng sức lực tất cả các hành động ấy được thực hiện sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hành động được thực hiện bằng sức lực này được thực hiện như vậy. Này các tỳ khuru, tương tự y như thế, sau khi nương tựa vào giới sau khi thiết lập ở giới, vị tỳ khuru tu tập Thánh Đạo tám chi phần, làm sung mãn Thánh Đạo tám chi phần.

Này các tỳ khuru, sau khi nương tựa vào giới sau khi thiết lập ở giới, vị tỳ khuru tu tập Thánh Đạo tám chi phần, làm sung mãn Thánh Đạo tám chi phần là (có ý nghĩa) thế nào? Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru tu tập chánh kiến liên hệ đến

viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến diệt tận, có sự hướng đến xả ly; tu tập chánh tư duy ... tu tập chánh ngữ ... tu tập chánh nghiệp ... tu tập chánh mạng ... tu tập chánh tinh tấn ... tu tập chánh niệm ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến diệt tận, có sự hướng đến xả ly. Nay các tỳ khuru, sau khi nương tựa vào giới sau khi thiết lập ở giới, vị tỳ khuru tu tập Thánh Đạo tám chi phần, làm sung mãn Thánh Đạo tám chi phần là (có ý nghĩa) như thế.

Này các tỳ khuru, cũng giống như bất cứ các hạt giống và các loài thảo mộc nào đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển, tất cả các loài ấy (đạt được) sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hạt giống và các loài thảo mộc này đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển là như vậy. Nay các tỳ khuru, tương tự y như thế, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị tỳ khuru trong khi tu tập Thánh Đạo tám chi phần, trong khi làm sung mãn Thánh Đạo tám chi phần, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp.

Này các tỳ khuru, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị tỳ khuru trong khi tu tập Thánh Đạo tám chi phần, trong khi làm sung mãn Thánh Đạo tám chi phần, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là (có ý nghĩa) thế nào? Nay các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru tu tập chánh kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự hướng đến xả ly; tu tập chánh tư duy ... tu tập chánh ngữ ... tu tập chánh nghiệp ... tu tập chánh mạng ... tu tập chánh tinh tấn ... tu tập chánh niệm ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự hướng đến xả ly. Nay các tỳ khuru, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị tỳ khuru trong khi tu tập Thánh Đạo tám chi phần, trong khi làm sung mãn Thánh Đạo tám chi phần, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là (có ý nghĩa) như thế.

Đối với chánh kiến, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ. Đối với chánh tư duy ... Đối với chánh ngữ ... Đối với chánh nghiệp ... Đối với chánh mạng ... Đối với chánh tinh tấn ... Đối với chánh niệm ... Đối với chánh định, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ.

Đối với chánh kiến, có năm sự viễn ly gì? Sự viễn ly do áp chế, sự viễn ly do thay thế, sự viễn ly do đoạn trừ, sự viễn ly do tịnh lặng, sự viễn ly do xuất ly. Và sự viễn ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự viễn ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự viễn ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập Đạo đưa đến đoạn tận (là Đạo) tối thượng ở đời, sự viễn ly do tịnh lặng là ở vào thời điểm của Quả, và sự viễn ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết Bàn. Đối với chánh kiến, có năm sự viễn ly này. Ở năm sự viễn ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh kiến, có năm sự ly tham ái gì? Sự ly tham ái do áp chế, sự ly tham ái do thay thế, sự ly tham ái do đoạn trừ, sự ly tham ái do tịnh lặng, sự ly tham ái do xuất ly. Và sự ly tham ái do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự ly tham ái do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự ly tham ái do đoạn trừ là ở vị đang tu tập Đạo đưa đến đoạn tận (là Đạo) tối thượng ở đời, sự ly tham ái do tịnh lặng là ở vào thời điểm của Quả, và sự ly tham ái do xuất ly là sự diệt tận, Niết Bàn. Đối với chánh kiến, có năm sự ly tham ái này. Ở năm sự ly tham ái này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh kiến, có năm sự diệt tận gì? Sự diệt tận do áp chế, sự diệt tận do thay thế, sự diệt tận do đoạn trừ, sự diệt tận do tịnh lặng, sự diệt tận do xuất ly. Và sự diệt tận do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự diệt tận do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự diệt tận do đoạn trừ là ở vị đang tu tập Đạo đưa đến đoạn tận (là Đạo) tối thượng ở đời, sự diệt tận do tịnh lặng là ở vào thời điểm của Quả, và sự diệt tận do xuất ly là bản thể bất tử. Đối với chánh kiến, có năm sự diệt tận này. Ở năm sự diệt tận này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh kiến, có năm sự xả ly gì? Sự xả ly do áp chế, sự xả ly do thay thế, sự xả ly do đoạn trừ, sự xả ly do tịnh lặng, sự xả ly do xuất ly. Và sự xả ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự xả ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự xả ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập Đạo đưa đến đoạn tận (là Đạo) tối thượng ở đời, sự xả ly do tịnh lặng là ở vào thời điểm của Quả, và sự xả ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết Bàn. Đối với chánh kiến, có năm sự xả ly này. Ở năm sự xả ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định. Đối với chánh kiến, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ này.

Đối với chánh tư duy ... Đối với chánh ngữ ... Đối với chánh nghiệp ... Đối với chánh mạng ... Đối với chánh tinh tấn ... Đối với chánh niệm ... Đối với chánh định, có năm sự viễn ly gì? Sự viễn ly do áp chế, sự viễn ly do thay thế, sự viễn ly do đoạn trừ, sự viễn ly do tịnh lặng, sự viễn ly do xuất ly. Và sự viễn ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự viễn ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự viễn ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập Đạo đưa đến đoạn tận (là Đạo) tối thượng ở đời, sự viễn ly do tịnh lặng là ở vào thời điểm của Quả, và sự viễn ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết Bàn. Đối với chánh định, có năm sự viễn ly này. Ở năm sự viễn ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh định, có năm sự ly tham ái gì? Sự ly tham ái do áp chế, sự ly tham ái do thay thế, sự ly tham ái do đoạn trừ, sự ly tham ái do tĩnh lặng, sự ly tham ái do xuất ly. Và sự ly tham ái do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự ly tham ái do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự ly tham ái do đoạn trừ là ở vị đang tu tập Đạo đưa đến đoạn tận (là Đạo) tối thượng ở đời, sự ly tham ái do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của Quả, và sự ly tham ái do xuất ly là sự diệt tận, Niết Bàn. Đối với chánh định, có năm sự ly tham ái này. Ở năm sự ly tham ái này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh định, có năm sự diệt tận gì? Sự diệt tận do áp chế, sự diệt tận do thay thế, sự diệt tận do đoạn trừ, sự diệt tận do tĩnh lặng, sự diệt tận do xuất ly. Và sự diệt tận do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự diệt tận do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự diệt tận do đoạn trừ là ở vị đang tu tập Đạo đưa đến đoạn tận (là Đạo) tối thượng ở đời, sự diệt tận do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của Quả, và sự diệt tận do xuất ly là bản thể bất tử. Đối với chánh định, có năm sự diệt tận này. Ở năm sự diệt tận này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh định, có 5 sự xả ly gì? Sự xả ly do áp chế, sự xả ly do thay thế, sự xả ly do đoạn trừ, sự xả ly do tĩnh lặng, sự xả ly do xuất ly. Và sự xả ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự xả ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự xả ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập Đạo đưa đến đoạn tận (là Đạo) tối thượng ở đời, sự xả ly do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của Quả, và sự xả ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết Bàn. Đối với chánh định, có 5 sự xả ly này. Ở 5 sự xả ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định. Đối với chánh định, có 5 sự viễn ly, 5 sự ly tham ái, 5 sự diệt tận, 5 sự xả ly, 12 sự liên hệ này.

Này các tỳ khuru, cũng giống như bất cứ các hành động gì được thực hiện bằng sức lực tất cả các hành động ấy đều được thực hiện sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hành động được thực hiện bằng sức lực này đều được thực hiện như vậy. Này các tỳ khuru, tương tự y như thế, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị tỳ khuru tu tập bảy giác chi, làm sung mãn bảy giác chi. ...(nt)... trong khi tu tập bảy giác chi, trong khi làm sung mãn bảy giác chi, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp. ...(nt)... tu tập năm lực, làm sung mãn năm lực ...(nt)... trong khi tu tập năm lực, trong khi làm sung mãn năm lực, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp. ...(nt)... tu tập năm quyền, làm sung mãn năm quyền ...(nt)...

Này các tỳ khuru, cũng giống như bất cứ các hạt giống và các loài thảo mộc nào đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển, tất cả các loài ấy (đạt

được) sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hạt giống và các loài thảo mộc này đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển là như vậy. Nay các tỳ khuru, tương tự y như thế, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị tỳ khuru trong khi tu tập năm quyền, trong khi làm sung mãn năm quyền, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp.

Nay các tỳ khuru, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị tỳ khuru trong khi tu tập năm quyền, trong khi làm sung mãn năm quyền, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là (có ý nghĩa) thế nào? Nay các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru tu tập tín quyền liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự hướng đến xả ly; tu tập tấn quyền ... tu tập niệm quyền ... tu tập định quyền ... tu tập tuệ quyền liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự hướng đến xả ly. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru, sau khi nương tựa vào giới ...(như trên)... đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là (có ý nghĩa) như thế.

Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ. Đối với tấn quyền ... Đối với niệm quyền ... Đối với định quyền ... Đối với tuệ quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ.

Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly gì? Sự viễn ly do áp chế, sự viễn ly do thay thế, sự viễn ly do đoạn trừ, sự viễn ly do tịnh lặng, sự viễn ly do xuất ly. Và sự viễn ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự viễn ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự viễn ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập Đạo đưa đến đoạn tận (là Đạo) tối thượng ở đời, sự viễn ly do tịnh lặng là ở vào thời điểm của Quả, và sự viễn ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết Bàn. Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly này. Ở năm sự viễn ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định. ...(như trên)... Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ này. Đối với tấn quyền ... Đối với niệm quyền ... Đối với định quyền ... Đối với tuệ quyền, có năm sự viễn ly gì? Sự viễn ly do áp chế, sự viễn ly do thay thế, sự viễn ly do đoạn trừ, sự viễn ly do tịnh lặng, sự viễn ly do xuất ly. ...(nt)... Đối với tuệ quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ này.

Phần Giảng về sự Viễn Ly được đầy đủ.

V. GIẢNG VỀ HÀNH VI

Hành vi: Có tám hành vi: hành vi của oai nghi, hành vi của xứ, hành vi của niệm, hành vi của định, hành vi của trí, hành vi của Đạo, hành vi của sự đạt đến, và hành vi vì lợi ích của thế gian.

Hành vi của oai nghi: liên quan đến bốn oai nghi.

Hành vi của xứ: liên quan đến sáu nội ngoại xứ.

Hành vi của niệm: liên quan đến bốn sự thiết lập niệm.

Hành vi của định: liên quan đến bốn thiền.

Hành vi của trí: liên quan đến bốn Chân Lý cao thượng.

Hành vi của Đạo: liên quan đến bốn Thánh Đạo.

Hành vi của sự đạt đến: liên quan đến bốn Quả vị Sa-môn.

Hành vi vì lợi ích của thế gian: liên quan đến các đức Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Chánh Đẳng Giác, liên quan một phần đến các vị Phật Độc Giác, liên quan một phần đến các vị Thinh Văn.

Hành vi của oai nghi là của các vị đã thành tựu ước nguyện. Hành vi của xứ là của các vị có sự hộ trì các căn. Hành vi của niệm là của các vị an trú vào sự không buông lung. Hành vi của định là của các vị gắn bó vào thắng tâm. Hành vi của trí là của các vị đã thành tựu sự giác ngộ. Hành vi của Đạo là của các vị thực hành đúng đắn. Hành vi của sự đạt đến là thuộc về các Quả đã được chứng đạt. Hành vi vì lợi ích của thế gian là của các đức Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Chánh Đẳng Giác, là của các vị Phật Độc Giác một phần, là của các vị Thinh Văn một phần. Đây là tám hành vi.

Có tám hành vi khác nữa: Trong khi cương quyết là hành xử với tín, trong khi ra sức là hành xử với tấn, trong khi thiết lập là hành xử với niệm, trong khi hành động không tản mạn là hành xử với định, trong khi là nhận biết là hành xử với tuệ, trong khi nhận thức là hành xử với thức. ‘Ở vị thực hành như thế, các thiện pháp được thể hiện’ là hành xử với hành vi của xứ. ‘Vị thực hành như thế đạt đến sự thù thắng’ là hành xử với hành vi của sự thù thắng. Đây là tám hành vi.

Có tám hành vi khác nữa: Hành vi nhận thấy của chánh kiến, hành vi gắn chặt (tâm vào cảnh) của chánh tư duy, hành vi gìn giữ của chánh ngữ, hành vi nguồn sanh khởi của chánh nghiệp, hành vi trong sạch của chánh mạng, hành vi ra sức của chánh tinh tấn, hành vi thiết lập của chánh niệm, hành vi không tản mạn của chánh định. Đây là tám hành vi.

Phần Giảng về Hành Vi được đầy đủ.

---o0o---

VI. GIẢNG VỀ PHÉP KỲ DIỆU

Này các tỳ khuru, đây là ba phép kỳ diệu. Ba là gì? Phép kỳ diệu về thần thông, phép kỳ diệu về điễm hóa, phép kỳ diệu về giáo hóa.

Và này các tỳ khuru, phép kỳ diệu về thần thông là gì? Này các tỳ khuru, ở đây có vị kinh nghiệm nhiều thể loại thần thông: là một hóa thành nhiều, là nhiều hóa thành một, hiện ra, biến mất ...(như trên)... bằng thân vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm Thiên. Này các tỳ khuru, điều này được gọi là phép kỳ diệu về thần thông.

Và này các tỳ khuru, phép kỳ diệu về điễm hóa là gì? Này các tỳ khuru, ở đây có vị chỉ điễm bằng hiện tướng rằng: “Ý của người là như vậy, ý của người là thế ấy, tâm của người là như thế”. Dẫn cho vị ấy chỉ điễm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các tỳ khuru, hơn nữa ở đây có vị chẳng những không chỉ điễm bằng hiện tướng, mà chỉ lắng nghe âm thanh của loài người, hoặc của phi nhân, hoặc của chư thiên rồi chỉ điễm rằng: “Ý của người là như vậy, ý của người là thế ấy, tâm của người là như thế”. Dẫn cho vị ấy chỉ điễm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các tỳ khuru, hơn nữa ở đây có vị chẳng những không chỉ điễm bằng hiện tướng, cũng không lắng nghe âm thanh của loài người, hoặc của phi nhân, hoặc của chư thiên rồi chỉ điễm, mà chỉ lắng nghe âm thanh lan truyền của sự suy tầm ở người đang suy tầm đang suy xét rồi chỉ điễm rằng: “Ý của người là như vậy, ý của người là thế ấy, tâm của người là như thế”. Dẫn cho vị ấy chỉ điễm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các tỳ khuru, hơn nữa ở đây có vị chẳng những không chỉ điễm bằng hiện tướng, cũng không lắng nghe âm thanh của loài người, hoặc của phi nhân, hoặc của chư thiên rồi chỉ điễm, cũng không lắng nghe âm thanh lan truyền của sự suy tầm ở người đang suy tầm đang suy xét rồi chỉ điễm, mà chỉ dùng ý nắm giữ ý của vị đang thể nhập định không tầm không tứ và nhận biết rằng: “Theo như các tạo tác về ý của vị này đã được ước nguyện, thì kế liền tâm này vị ấy sẽ suy tầm đến điều suy tầm này như vậy”. Dẫn cho vị ấy chỉ điễm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các tỳ khuru, điều này được gọi là phép kỳ diệu về điễm hóa.

Và này các tỳ khuru, phép kỳ diệu về giáo hóa là gì? Này các tỳ khuru, ở đây có vị chỉ dạy như vậy: “Hãy suy tầm như vậy, chớ suy tầm như vậy. Hãy tác ý như vậy, chớ tác ý như vậy. Hãy dứt bỏ điều này, hãy thành tựu và an trú điều này”. Này các tỳ khuru, điều này được gọi là phép kỳ diệu về giáo hóa. Này các tỳ khuru, đây là ba phép kỳ diệu.

‘Thoát ly được thành tựu’ là thần thông. ‘Phản kháng lại ước muốn trong các dục’ là phép kỳ diệu. ‘Các vị nào hội đủ sự thoát ly ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động’ là phép kỳ diệu về điễm hóa. ‘Hơn nữa, sự thoát ly ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế’ là phép kỳ diệu về giáo hóa.

‘Không sân độc được thành tựu’ là thần thông. ‘Phản kháng lại sân độc’ là phép kỳ diệu. ‘Các vị nào hội đủ sự không sân độc ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động’ là phép kỳ diệu về điểm hóa. ‘Hơn nữa, sự không sân độc ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế’ là phép kỳ diệu về giáo hóa.

‘Sự nghĩ tưởng về ánh sáng được thành tựu’ là thần thông. ‘Phản kháng lại sự lờ đờ buồn ngủ’ là phép kỳ diệu. ‘Các vị nào hội đủ sự nghĩ tưởng về ánh sáng ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động’ là phép kỳ diệu về điểm hóa. ‘Hơn nữa, sự nghĩ tưởng về ánh sáng ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế’ là phép kỳ diệu về giáo hóa.

‘Sự không tán mạn được thành tựu’ là thần thông. ‘Phản kháng lại sự phóng dật’ là phép kỳ diệu. ‘Các vị nào hội đủ sự không tán mạn ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động’ là phép kỳ diệu về điểm hóa. ‘Hơn nữa, sự không tán mạn ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế’ là phép kỳ diệu về giáo hóa.

‘Sự xác định pháp được thành tựu’ là thần thông. ‘Phản kháng lại hoài nghi’ là phép kỳ diệu. ‘Các vị nào hội đủ sự xác định pháp ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động’ là phép kỳ diệu về điểm hóa. ‘Hơn nữa, sự xác định pháp ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế’ là phép kỳ diệu về giáo hóa.

‘Trí được thành tựu’ là thần thông. ‘Phản kháng lại vô minh’ là phép kỳ diệu. ‘Các vị nào hội đủ trí ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động’ là phép kỳ diệu về điểm hóa. ‘Hơn nữa, trí ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế’ là phép kỳ diệu về giáo hóa.

‘Sự hân hoan được thành tựu’ là thần thông. ‘Phản kháng lại sự không hứng thú’ là phép kỳ diệu. ‘Các vị nào hội đủ sự hân hoan ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động’ là phép kỳ diệu về điểm hóa. ‘Hơn nữa, sự hân hoan ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế’ là phép kỳ diệu về giáo hóa.

‘Sơ thiền được thành tựu’ là thần thông. ‘Phản kháng lại các pháp ngăn che’ là phép kỳ diệu. ‘Các vị nào hội đủ sơ thiền ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động’ là phép kỳ diệu về điểm hóa. ‘Hơn nữa, sơ thiền ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho

sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế' là phép kỳ diệu về giáo hóa. ...(như trên)...

'Đạo A-la-hán được thành tựu' là thần thông. 'Phản kháng lại toàn bộ phiền não' là phép kỳ diệu. 'Các vị nào hội đủ Đạo A-la-hán ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động' là phép kỳ diệu về điểm hóa. 'Hơn nữa, Đạo A-la-hán ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế' là phép kỳ diệu về giáo hóa.

'Thoát ly được thành tựu' là thần thông. 'Phản kháng lại ước muốn trong các dục' là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông. 'Không sân độc được thành tựu' là thần thông. 'Phản kháng lại sân độc' là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông. 'Sự nghĩ tưởng về ánh sáng được thành tựu' là thần thông. 'Phản kháng lại sự lờ đờ buồn ngủ' là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông. ...(như trên)... 'Đạo A-la-hán được thành tựu' là thần thông. 'Phản kháng lại toàn bộ phiền não' là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông.

Phân Giảng về Phép Kỳ Diệu được đây đủ.

---o0o---

VII. GIẢNG VỀ CÁC PHÁP ĐỨNG ĐẦU ĐƯỢC TỊNH LẶNG

Sự nhận biết về việc đoạn trừ hoàn toàn đối với tất cả các pháp, về sự diệt tận và tính chất không thiết lập là trí về ý nghĩa của các pháp đứng đầu được tịnh lặng là (có ý nghĩa) thế nào?

Đối với tất cả các pháp: là năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, các pháp thiện, các pháp bất thiện, các pháp vô ký, các pháp thuộc dục giới, các pháp thuộc sắc giới, các pháp thuộc vô sắc giới, các pháp không còn lệ thuộc.

Về việc đoạn trừ hoàn toàn: Do sự thoát ly, (hành giả) đoạn trừ hoàn toàn ước muốn trong các dục. Do không sân độc, (hành giả) đoạn trừ hoàn toàn sân độc. Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, (hành giả) đoạn trừ hoàn toàn sự lờ đờ buồn ngủ. Do không tán mạn, (hành giả) đoạn trừ hoàn toàn sự phóng dật. Do xác định pháp, (hành giả) đoạn trừ hoàn toàn sự hoài nghi. Do trí, (hành giả) đoạn trừ hoàn toàn vô minh. Do hân hoan, (hành giả) đoạn trừ hoàn toàn sự không hứng thú. Do sơ thiền, (hành giả) đoạn trừ hoàn toàn các pháp ngăn che. ...(như trên).., Do Đạo A-la-hán, (hành giả) đoạn trừ hoàn toàn toàn bộ phiền não.

Về sự diệt tận: Do thoát ly, (hành giả) diệt tận ước muốn trong các dục. Do không sân độc, (hành giả) diệt tận sân độc. Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, (hành giả) diệt tận sự lờ đờ buồn ngủ. Do không tán mạn, (hành giả) diệt tận sự phóng dật. Do sự xác định pháp, (hành giả) diệt tận hoài nghi. Do trí, (hành giả) diệt tận

vô minh. Do hân hoan, (hành giả) diệt tận sự không hứng thú. Do sơ thiền, (hành giả) diệt tận các pháp ngăn che. ...(như trên)... Do Đạo A-la-hán, (hành giả) diệt tận toàn bộ phiền não.

Do tính chất không thiết lập: Ở (hành giả) đã thành tựu thoát ly, ước muốn trong các dục không thiết lập. Ở (hành giả) đã thành tựu không sân độc, sân độc không thiết lập. Ở (hành giả) đã thành tựu sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ đãng buồn ngủ không thiết lập. Ở (hành giả) đã thành tựu sự không tản mạn, phóng dật không thiết lập. Ở (hành giả) đã thành tựu sự xác định pháp, hoài nghi không thiết lập. Ở (hành giả) đã thành tựu trí, vô minh không thiết lập. Ở (hành giả) đã thành tựu hân hoan, sự không hứng thú không thiết lập. Ở (hành giả) đã thành tựu sơ thiền, các pháp ngăn che không thiết lập. ...(như trên)... Ở (hành giả) đã thành tựu Đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não không thiết lập.

Được tịnh lặng: Do trạng thái dứt bỏ ước muốn các dục, sự thoát ly được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ sân độc, không sân độc được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ phóng dật, sự không tản mạn được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ hoài nghi, sự xác định pháp được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ vô minh, trí được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ sự không hứng thú, hân hoan được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, sơ thiền được tịnh lặng. ...(như trên)... Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, Đạo A-la-hán được tịnh lặng.

Pháp đứng đầu: Có mười ba pháp đứng đầu: Đứng đầu các sự vương bận là ái, đứng đầu các sự trói buộc là ngã mạn, đứng đầu các pháp tiêm nhiễm là tà kiến, đứng đầu các sự tản mạn là phóng dật, đứng đầu các phiền não là vô minh, đứng đầu các sự cương quyết là tín, Đứng đầu các sự ra sức là tấn, đứng đầu các sự thiết lập là niệm, đứng đầu các sự không tản mạn là định, đứng đầu các sự nhận thức là tuệ, đứng đầu các sự vận hành là mạng quyền, đứng đầu các hành xử là giải thoát, đứng đầu các hành là sự diệt tận.

Phản Giảng về Các Pháp Đứng Đầu Được Tịnh Lặng được đầy đủ.

---o0o---

VIII. GIẢNG VỀ SỰ THIẾT LẬP NIỆM

[Duyên khởi ở Sāvattthī]

Này các tỳ khuru, đây là bốn sự thiết lập niệm. Bốn là gì? Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru trong giáo pháp này an trú có sự quán xét thân trên thân, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, có thể chế ngự tham và ưu phiền ở trên đời. ...(như trên)... thọ trên các thọ ...(như trên)... tâm trên tâm ...(như trên)... pháp trên các pháp, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, có thể chế ngự tham và ưu phiền ở trên đời. Này các tỳ khuru, đây là bốn sự thiết lập niệm.

An trú có sự quán xét thân trên thân là (có ý nghĩa) thế nào? Ở đây, có vị quán xét thân (cấu thành bởi) nguyên tố đất là vô thường, không phải là thường; quán xét là khổ não, không phải là lạc; quán xét là vô ngã, không phải là ngã; nhằm chán, không vui thích; lìa tham ái, không tham ái; làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; trong khi quán xét là khổ não, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc; trong khi quán xét là vô ngã, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã; trong khi nhằm chán, (vị ấy) dứt bỏ sự vui thích; trong khi lìa tham ái, (vị ấy) dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, (vị ấy) dứt bỏ nguồn sanh khởi; trong khi từ bỏ, (vị ấy) dứt bỏ sự nắm giữ. (Vị ấy) quán xét thân theo bảy biểu hiện này. Thân là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, (vị ấy) quán xét thân ấy. Vì thế, được gọi là: “*Sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân*”.

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội các pháp đã được sanh lên tại nơi ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn (thích hợp) nhằm đạt đến giải thoát Niết Bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Ở đây, có vị quán xét thân (cấu thành bởi) nguyên tố nước ... thân (cấu thành bởi) nguyên tố lửa ... thân (cấu thành bởi) nguyên tố gió ... thân (cấu thành bởi) tóc ... thân (cấu thành bởi) lông ... thân (cấu thành bởi) da ngoài ... thân (cấu thành bởi) da trong ... thân (cấu thành bởi) thịt ... thân (cấu thành bởi) máu ... thân (cấu thành bởi) gân ... thân (cấu thành bởi) xương ... thân (cấu thành bởi) tủy xương là vô thường, không phải thường; quán xét là khổ não, không phải lạc; quán xét là vô ngã, không phải ngã; nhằm chán, không vui thích; lìa tham ái, không tham ái; làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; trong khi quán xét là khổ não, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc; trong khi quán xét là vô ngã, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã; trong khi nhằm chán, (vị ấy) dứt bỏ sự vui thích; trong khi lìa tham ái, (vị ấy) dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, (vị ấy) dứt bỏ nguồn sanh khởi; trong khi từ bỏ, (vị ấy) dứt bỏ sự nắm giữ. (Vị ấy) quán xét thân theo bảy biểu hiện này. Thân là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, (vị ấy) quán xét thân ấy. Vì thế, được gọi là: “*Sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân*”.

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn (thích hợp) nhằm đạt đến giải thoát Niết Bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. An trú có sự quán xét thân trên thân là (có ý nghĩa) như thế.

An trú có sự quán xét thọ trên các thọ là (có ý nghĩa) thế nào? Ở đây, có vị quán xét thọ lạc là vô thường, không phải thường; ... (như trên) ...; từ bỏ, không nắm

giữ. Trong khi quán xét là vô thường, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; ...(như trên)...; trong khi từ bỏ, (vị ấy) dứt bỏ sự nắm giữ. (Vị ấy) quán xét thọ theo bảy biểu hiện này. Thọ là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, (vị ấy) quán xét thọ ấy. Vì thế, được gọi là: “*Sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ*”.

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ...(như trên)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. ...(như trên)... Ở đây, có vị quán xét thọ khổ ... thọ không khổ không lạc ... thọ lạc có hệ lụy vật chất ... thọ lạc không hệ lụy vật chất ... thọ khổ có hệ lụy vật chất ... thọ khổ không hệ lụy vật chất ... thọ không khổ không lạc có hệ lụy vật chất ... thọ không khổ không lạc không hệ lụy vật chất ... thọ sanh lên do nhãn xúc ... thọ sanh lên do nhĩ xúc ... thọ sanh lên do tỷ xúc ... thọ sanh lên do thiệt xúc ... thọ sanh lên do thân xúc ... thọ sanh lên do ý xúc là vô thường, không phải thường; ...(như trên)...; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; ...(như trên)...; trong khi từ bỏ, (vị ấy) dứt bỏ sự nắm giữ. (Vị ấy) quán xét thọ theo bảy biểu hiện này. Thọ là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, (vị ấy) quán xét thọ ấy. Vì thế, được gọi là: “*Sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ*”.

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ...(như trên)... An trú có sự quán xét thọ trên các thọ là (có ý nghĩa) như thế.

An trú có sự quán xét tâm trên tâm là (có ý nghĩa) thế nào? Ở đây, có vị quán xét tâm có tham ái là vô thường, không phải thường; ...(như trên)...; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; ...(như trên)...; trong khi từ bỏ, (vị ấy) dứt bỏ sự nắm giữ. (Vị ấy) quán xét tâm theo bảy biểu hiện này. Tâm là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, (vị ấy) quán xét tâm ấy. Vì thế, được gọi là: “*Sự thiết lập niệm về quán xét tâm trên tâm*”.

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ...(như trên)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. ...(như trên)...

Ở đây, có vị quán xét tâm lìa khỏi tham ái ... tâm có sân ... tâm lìa khỏi sân ... tâm có si ... tâm lìa khỏi si ... tâm co rút ... tâm tản mạn ... tâm đại hành ... tâm không đại hành ... tâm vượt trội ... tâm không vượt trội ... tâm định tĩnh ... tâm không định tĩnh ... tâm được giải thoát ... tâm chưa được giải thoát ... nhãn thức ... nhĩ thức ... tỷ thức ... thiệt thức ... thân thức ... ý thức là vô thường, không phải là thường; ...; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; ...(như trên)...; trong khi từ bỏ, (vị ấy) dứt bỏ sự nắm giữ. (Vị ấy) quán xét tâm theo bảy biểu hiện này. Tâm là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, (vị ấy) quán xét tâm ấy. Vì thế, được gọi là: “*Sự thiết lập niệm về quán xét tâm trên tâm*”.

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ...(như trên)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. ...(như trên)... An trú có sự quán xét tâm trên tâm là (có ý nghĩa) như thế.

An trú có sự quán xét pháp trên các pháp là (có ý nghĩa) thế nào? Ở đây, có vị quán xét các pháp còn lại, ngoại trừ thân ngoại trừ thọ ngoại trừ tâm, là vô thường, không phải là thường; quán xét là khổ não, không phải là lạc; quán xét là vô ngã, không phải là ngã; nhàm chán, không vui thích; lìa tham ái, không tham ái; làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; trong khi quán xét là khổ não, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc; trong khi quán xét là vô ngã, (vị ấy) dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã; trong khi nhàm chán, (vị ấy) dứt bỏ sự vui thích; trong khi lìa tham ái, (vị ấy) dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, (vị ấy) dứt bỏ nguồn sanh khởi; trong khi từ bỏ, (vị ấy) dứt bỏ sự nắm giữ. (Vị ấy) quán xét các pháp ấy theo bảy biểu hiện này. Các pháp là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, (vị ấy) quán xét các pháp ấy. Vì thế, được gọi là: “*Sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp*”.

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn (thích hợp) nhằm đạt đến giải thoát Niết Bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. An trú có sự quán xét pháp trên các pháp là (có ý nghĩa) như thế.

Phản Giảng về sự Thiết Lập Niệm được đầy đủ.

---o0o---

IX. GIẢNG VỀ MINH SÁT

Tôi đã được nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại tu viện của ông Anāthapiṇḍika, trong khu rừng (của thái tử) Jeta, ở thành Sāvattthī. Chính ở tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị tỳ khuru rằng: “Này các tỳ khuru”. “Thưa ngài,” các vị tỳ khuru ấy đã đáp lại đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

- Này các tỳ khuru, quả thật vị tỳ khuru ấy, trong lúc đang xem xét bất cứ hành nào là thường, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này không được biết đến. Không có được sự nhẫn nại phù hợp, (vị ấy) sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, (vị ấy) sẽ tác chứng Quả Nhập Lưu, hoặc Quả Nhất Lai, hoặc Quả Bất Lai, hoặc Quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các tỳ khuru, quả thật vị tỳ khuru ấy, trong lúc đang xem xét tất cả các hành là vô thường, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhẫn nại phù hợp, (vị ấy) sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, (vị ấy) sẽ tác chứng Quả Nhập Lưu, hoặc Quả Nhất Lai, hoặc Quả Bất Lai, hoặc Quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

Này các tỳ khuru, quả thật vị tỳ khuru ấy, trong lúc đang xem xét bất cứ hành nào là lạc, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này không được biết đến. Không có được sự nhẫn nại phù hợp, (vị ấy) sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, (vị ấy) sẽ tác chứng Quả Nhập Lưu, hoặc Quả Nhất Lai, hoặc Quả Bất Lai, hoặc Quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các tỳ khuru, quả thật vị tỳ khuru ấy, trong lúc đang xem xét tất cả các hành là khổ não, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhẫn nại phù hợp, (vị ấy) sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, (vị ấy) sẽ tác chứng Quả Nhập Lưu, hoặc Quả Nhất Lai, hoặc Quả Bất Lai, hoặc Quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

Này các tỳ khuru, quả thật vị tỳ khuru ấy, trong lúc đang xem xét bất cứ pháp nào là ngã, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này không được biết đến. Không có được sự nhẫn nại phù hợp, (vị ấy) sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, (vị ấy) sẽ tác chứng Quả Nhập Lưu, hoặc Quả Nhất Lai, hoặc Quả Bất Lai, hoặc Quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các tỳ khuru, quả thật vị tỳ khuru ấy, trong lúc đang xem xét tất cả các pháp là vô ngã, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhẫn nại phù hợp, (vị ấy) sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, (vị ấy) sẽ tác chứng Quả Nhập Lưu, hoặc Quả Nhất Lai, hoặc Quả Bất Lai, hoặc Quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

Này các tỳ khuru, quả thật vị tỳ khuru ấy, trong lúc đang xem xét Niết Bàn là khổ não, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này không được biết đến. Không có được sự nhẫn nại phù hợp, (vị ấy) sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, (vị ấy) sẽ tác chứng Quả Nhập Lưu, hoặc Quả Nhất Lai, hoặc Quả Bất Lai, hoặc Quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các tỳ khuru, quả thật vị tỳ khuru ấy, trong lúc đang xem xét Niết Bàn là lạc, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhẫn nại phù hợp, (vị ấy) sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, (vị ấy) sẽ tác chứng Quả Nhập Lưu, hoặc Quả Nhất Lai, hoặc Quả Bất Lai, hoặc Quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

(Vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bao nhiêu biểu hiện? đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bao nhiêu biểu hiện?

(Vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện, đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện.

(Vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện gì? đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện gì?

(Vị ấy nhận thấy) năm uẩn là vô thường, là khổ não, là ốm đau, là mụn nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là tật bệnh, là xa lạ, là tiêu hoại, là tai ương, là tai họa, là kinh hãi, là sự đe dọa, là lay chuyển, là mỏng manh, là không bền vững, là không sự bảo vệ, là không phải chỗ ngụ, là không sự nương tựa, là trống rỗng, là hão huyền, là không, là vô ngã, là tai hại, là pháp chuyển biến, là không có thực chất, là cội nguồn của bất hạnh, là kẻ hành quyết, là không hiện hữu, là có lậu hoặc, là tạo tác, là vật chất của Ma Vương, là pháp sanh ra, là pháp già, là pháp bệnh, là pháp tử, là pháp sâu muộn, là pháp than vãn, là pháp thất vọng, là pháp phiền não.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là vô thường, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là thường hằng, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là khổ não, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là lạc, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là ốm đau, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận 5 uẩn là vô bệnh, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là mụn nhọt, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không mụn nhọt, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là mũi tên, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không phải mũi tên, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là bất hạnh, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không bất hạnh, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tật bệnh, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không tật bệnh, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là xa lạ, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn không phải là duyên của người khác, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tiêu hoại, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là pháp không tiêu hoại, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tai ương, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không tai ương, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tai họa, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không tai họa, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là kinh hãi, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không kinh hãi, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là sự đe dọa, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là sự không đe dọa, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là lay chuyển, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không lay chuyển, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là mỏng manh, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không mỏng manh, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không bền vững, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là bền vững, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không sự bảo vệ, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là sự bảo vệ, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không phải chỗ ngụ, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là chỗ ngụ, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không sự nương tựa, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là sự nương tựa, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là trống rỗng, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không trống rỗng, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là hão huyền, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không hão huyền, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là tối thượng về không, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là vô ngã, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là chân lý tuyệt đối, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tai hại, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không tai hại, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp chuyển biến, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là pháp không chuyển biến, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không có thực chất, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là có thực chất, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là cội nguồn của bất hạnh, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không phải cội nguồn của bất hạnh, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là kẻ hành quyết, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không phải kẻ hành quyết, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không hiện hữu, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không phải phi hữu, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là có lậu hoặc, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không có lậu hoặc, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tạo tác, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không tạo tác, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là vật chất của Ma Vương, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không vật chất, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp sanh ra, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là vô sanh, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp già, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không già, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp bệnh, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không bệnh, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp tử, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là bất tử, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp sâu muộn, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không sâu muộn, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp than vãn, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không than vãn, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp thất vọng, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không thất vọng, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp phiền não, (vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: ‘Sự diệt tận năm uẩn là không phiền não, là Niết Bàn’, (vị ấy) đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

‘Là vô thường’, như thế là sự quán xét về vô thường.

‘Là khổ não’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là ốm đau’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là mụn nhọt’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là mũi tên’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là bất hạnh’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là tật bệnh’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là sự xa lạ’, như thế là sự quán xét về vô ngã.

‘Là tiêu hoại’, như thế là sự quán xét về vô thường.

‘Là tai ương’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là tai họa’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là kinh hãi’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là sự đe dọa’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là lay chuyển’, như thế là sự quán xét về vô thường.

‘Là mỏng manh’, như thế là sự quán xét về vô thường.

‘Là không bền vững’, như thế là sự quán xét về vô thường.

‘Là không sự bảo vệ’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là không phải chỗ ngụ’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là không sự nương tựa’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là trống rỗng’, như thế là sự quán xét về vô ngã.

‘Là hão huyền’, như thế là sự quán xét về vô ngã.

‘Là không’, như thế là sự quán xét về vô ngã.

‘Là vô ngã’, như thế là sự quán xét về vô ngã.

‘Là tai hại’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là pháp chuyển biến’, như thế là sự quán xét về vô thường.

‘Là không có thực chất’, như thế là sự quán xét về vô ngã.

‘Là cội nguồn bất hạnh’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là kẻ hành quyết’, như thế là sự quán xét về khổ não.

‘Là không hiện hữu’, như thế là sự quán xét về vô thường.
‘Là có lậu hoặc’, như thế là sự quán xét về khổ não.
‘Là tạo tác’, như thế là sự quán xét về vô thường.
‘Là vật chất Ma Vương’, như thế là sự quán xét về khổ não.
‘Là sanh ra’, như thế là sự quán xét về khổ não.
‘Là pháp già’, như thế là sự quán xét về khổ não.
‘Là pháp bệnh’, như thế là sự quán xét về khổ não.
‘Là pháp tử’, như thế là sự quán xét về vô thường.
‘Là pháp sâu muộn’, như thế là sự quán xét về khổ não.
‘Là pháp than vãn’, như thế là sự quán xét về khổ não.
‘Là pháp thất vọng’, như thế là sự quán xét về khổ não.
‘Là pháp phiền não’, như thế là sự quán xét về khổ não.

(Vị ấy) thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện này, đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện này.

Đối với vị thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện này, đối với vị đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện này, có bao nhiêu sự quán xét về vô thường? có bao nhiêu sự quán xét về khổ não? có bao nhiêu sự quán xét về vô ngã?

Hai lăm quán xét về vô ngã, năm mươi quán xét về vô thường, và có đến một trăm hai lăm nói về các khổ não.¹⁴

Phân Giảng về Minh Sát được đầy đủ.

---o0o---

X. GIẢNG VỀ CÁC TIÊU ĐỀ

Không khát khao, ‘Được giải thoát’ là giải thoát, minh và giải thoát, thắng giới, thắng tâm, thắng tuệ, tịnh, trí, sự nhận thấy, sự thanh tịnh, sự thoát ly, sự xuất ly, sự tách ly, sự xả ly, hành vi, giải thoát do thiên, sự tu tập, sự khẳng định, cuộc sống.

Không khát khao: Không khát khao với ước muốn trong các dục nhờ vào sự xuất ly, không khát khao với sân độc nhờ vào sự không sân độc ...(như trên)... không khát khao với các pháp ngăn che nhờ vào sơ thiền ...(như trên)... không khát khao với toàn bộ phiền não nhờ vào Đạo A-la-hán.

Giải thoát: ‘Được giải thoát khỏi ước muốn trong các dục nhờ vào sự xuất ly’ là giải thoát. ...(nt)... ‘Được giải thoát khỏi các pháp ngăn che nhờ vào sơ thiền’ là giải thoát. ...(nt)... ‘Được giải thoát khỏi toàn bộ phiền não nhờ vào Đạo A-la-hán’ là giải thoát.¹⁵

Minh và giải thoát: ‘Sự thoát ly được biết đến’ là minh, ‘được giải thoát khỏi ước muốn trong các dục’ là giải thoát, ‘trong khi được biết đến thì được giải thoát, trong khi được giải thoát thì được biết đến’ là minh và giải thoát. ‘Không sân độc

được biết đến' là minh, 'được giải thoát khỏi sân độc' là giải thoát, 'trong khi được biết đến thì được giải thoát, trong khi được giải thoát thì được biết đến' là minh và giải thoát. ...(như trên)... 'Đạo A-la-hán được biết đến' là minh, 'được giải thoát khỏi toàn bộ phiền não' là giải thoát, 'trong khi được biết đến thì được giải thoát, trong khi được giải thoát thì được biết đến' là minh và giải thoát.

Thắng giới, thắng tâm, thắng tuệ: Nhờ vào sự thoát ly, có giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc ước muốn trong các dục, có tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, có kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thấy. Trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa thu thúc điều ấy là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa không tản mạn điều ấy là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa nhận thấy điều ấy là sự học tập về thắng tuệ. Nhờ vào không sân độc, có giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc sân độc ...(như trên)... Nhờ vào Đạo A-la-hán, có giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc toàn bộ phiền não, có tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, có kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thấy. Trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa thu thúc điều ấy là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa không tản mạn điều ấy là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa nhận thấy điều ấy là sự học tập về thắng tuệ.

Tịnh: Nhờ vào sự thoát ly, (hành giả) làm tịnh lạng ước muốn trong các dục. Nhờ vào không sân độc, (hành giả) làm tịnh lạng sân độc. ...(như trên)... Nhờ vào Đạo A-la-hán, (hành giả) làm tịnh lạng toàn bộ phiền não.

Trí: Sự thoát ly nhờ vào trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục là trí theo ý nghĩa đã được biết. Không sân độc nhờ vào trạng thái dứt bỏ sân độc là trí theo ý nghĩa đã được biết. ...(như trên)... Đạo A-la-hán nhờ vào trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não là trí theo ý nghĩa đã được biết.

Sự nhận thấy: Sự thoát ly nhờ vào trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục là sự nhận thấy nhờ vào trạng thái đã được thấy. Không sân độc nhờ vào trạng thái dứt bỏ sân độc là sự nhận thấy nhờ vào trạng thái đã được thấy. ...(như trên)... Đạo A-la-hán nhờ vào trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não là sự nhận thấy nhờ vào trạng thái đã được thấy.

Sự thanh tịnh: Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, (hành giả) được thanh tịnh nhờ vào sự thoát ly. Trong khi dứt bỏ sân độc, (hành giả) được thanh tịnh nhờ vào không sân độc. ...(như trên)... Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, (hành giả) được thanh tịnh nhờ vào Đạo A-la-hán.

Sự thoát ly: Đây là sự xuất ly khỏi các dục, tức là sự thoát ly. Đây là sự xuất ly khỏi các sắc, tức là vô sắc. Hơn nữa, bất cứ điều gì hiện hữu, còn tạo tác, được tùy thuận sanh lên, sự diệt tận là thoát ly khỏi điều ấy. Đối với sân độc, không sân độc là sự thoát ly. Đối với sự lờ đờ buồn ngủ, nghĩ tưởng về ánh sáng là sự thoát ly. ...(như trên)... Đối với toàn bộ phiền não, Đạo A-la-hán là sự thoát ly.

Sự xuất ly: Đây là sự xuất ly khỏi các dục, tức là sự thoát ly. Đây là sự xuất ly khỏi các sắc, tức là vô sắc. Hơn nữa, bất cứ điều gì hiện hữu, còn tạo tác, được tùy thuận sanh lên, sự diệt tận là xuất ly khỏi điều ấy. Đối với ước muốn trong các dục, thoát ly là sự xuất ly. Đối với sân độc, không sân độc là sự xuất ly. Đối với sự lờ đờ buồn ngủ, nghĩ tưởng về ánh sáng là sự thoát ly. ...(như trên)... Đối với toàn bộ phiền não, Đạo A-la-hán là sự xuất ly.

Sự tách ly: Đối với ước muốn trong các dục, thoát ly là sự tách ly. ...(t)... Đối với toàn bộ phiền não, Đạo A-la-hán là sự tách ly.

Sự xả ly: ‘Nhờ vào sự thoát ly, (hành giả) xả ly ước muốn trong các dục’ là sự xả ly. ‘Nhờ vào không sân độc, (hành giả) xả ly sân độc’ là sự xả ly. ...(như trên)... ‘Nhờ vào Đạo A-la-hán, (hành giả) xả ly toàn bộ phiền não’ là sự xả ly.

Hành vi: Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, (hành giả) hành xử bằng sự thoát ly. Trong khi dứt bỏ sân độc, (hành giả) hành xử bằng không sân độc. ...(như trên)... Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, (hành giả) hành xử bằng Đạo A-la-hán.

Giải thoát do thiên: ‘Sự thoát ly được nung nấu là thiên, (hành giả) thiêu đốt ước muốn trong các dục’ là thiên, ‘trong khi được nung nấu, (hành giả) giải thoát’ là giải thoát do thiên, ‘trong khi thiêu đốt, (hành giả) giải thoát’ là giải thoát do thiên, ‘được nung nấu’ là các pháp, ‘(hành giả) thiêu đốt’ là các phiền não, ‘biết điều được nung nấu và điều được thiêu đốt’ là có sự thiêu đốt do thiên. ‘Không sân độc được nung nấu’ là thiên, ‘(hành giả) thiêu đốt sân độc’ là thiên. ...(như trên)... ‘Sự nghĩ tưởng về ánh sáng được nung nấu’ là thiên, ‘(hành giả) thiêu đốt sự lờ đờ buồn ngủ’ là thiên. ...(như trên)... ‘Đạo A-la-hán được nung nấu’ là thiên, ‘(hành giả) thiêu đốt toàn bộ phiền não’ là thiên. ‘Trong khi được nung nấu, (hành giả) giải thoát’ là giải thoát do thiên, ‘trong khi thiêu đốt, (hành giả) giải thoát’ là giải thoát do thiên, ‘được nung nấu’ là các pháp, ‘(hành giả) thiêu đốt’ là các phiền não, ‘biết điều được nung nấu và điều được thiêu đốt’ là có sự thiêu đốt do thiên.

Sự tu tập, sự khẳng định, cuộc sống: ‘Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, (hành giả) tu tập sự thoát ly’, (vị ấy) có được sự tu tập. ‘Do nhờ năng lực của sự thoát ly, (hành giả) khẳng định tâm’, (vị ấy) có được sự khẳng định. ‘Có được sự tu tập, có được sự khẳng định như thế, vị này đây sống tịnh lặng không phải không tịnh lặng; sống đúng đắn không sai trái, sống thanh tịnh không bị phiền não’ (vị ấy) có được cuộc sống. Có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế, vị này đây đi đến bất cứ tập thể nào, dầu là tập thể Sát-đế-ly, dầu là tập thể Bà-la-môn, dầu là tập thể gia chủ, dầu là tập thể Sa-môn, vị ấy đi đến với lòng tự tín, không bị bối rối. Điều ấy là nguyên nhân của điều gì? Bởi vì vị ấy có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế.

‘Trong khi dứt bỏ sân độc, (hành giả) tu tập không sân độc’, (vị ấy) có được sự tu tập. ...(nt)... ‘Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, (hành giả) tu tập sự nghĩ tưởng về ánh sáng’, (vị ấy) có được sự tu tập. ...(nt)... ‘Trong khi dứt bỏ phóng dật,

(hành giả) tu tập sự không tán mạn’, (vị ấy) có được sự tu tập. ...(nt)... ‘Trong khi dứt bỏ hoài nghi, (hành giả) tu tập sự xác định pháp’, (vị ấy) có được sự tu tập. ...(nt)... ‘Trong khi dứt bỏ vô minh, (hành giả) tu tập về minh’, (vị ấy) có được sự tu tập. ...(nt)... ‘Trong khi dứt bỏ sự không hứng thú, (hành giả) tu tập sự hân hoan’, (vị ấy) có được sự tu tập. ...(nt)... ‘Trong khi dứt bỏ các pháp ngăn che, (hành giả) tu tập sơ thiền’, (vị ấy) có được sự tu tập. ...(nt)... ‘Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, (hành giả) tu tập Đạo A-la-hán’, (vị ấy) có được sự tu tập. ‘Do nhờ năng lực của Đạo A-la-hán, (hành giả) khẳng định tâm’, (vị ấy) có được sự khẳng định. ‘Có được sự tu tập, có được sự khẳng định như thế, vị này đây sống tịnh lặng không phải không tịnh lặng; sống đúng đắn không sai trái, sống thanh tịnh không bị ô nhiễm’ (vị ấy) có được cuộc sống. Có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế, vị này đây đi đến bất cứ tập thể nào, dầu là tập thể Sát-đế-ly, dầu là tập thể Bà-la-môn, dầu là tập thể gia chủ, dầu là tập thể Sa-môn, vị ấy đi đến với lòng tự tín, không bị bối rối. Điều ấy là nguyên nhân của điều gì? Bởi vì vị ấy có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế.

Phản Giảng về Các Tiêu Đề được đầy đủ.

Phẩm Tuệ là phần thứ ba.

Đây là phần tóm lược:

*Tuệ, thân thông, lãnh hội,
viễn ly, hạnh thứ năm,
phép kỳ diệu, đứng đầu,
thiết lập niệm, minh sát,
tiêu đề nữa là mười
thuộc phẩm Tuệ, thứ ba.*

Tác Phẩm Phân Tích Đạo được đầy đủ.

---o0o---

HẾT

¹ ‘Liên quan ba trường hợp này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, định’ là nói về việc vận hành do tác động của sự thấu triệt về nhân sanh (Khô), về Khô, và về sự diệt tận (Khô) (PtsA. 3, 598).

² Bujjhati: được giác ngộ (Sơ Đạo, Đạo Nhập Lưu), anubujjhati: được giác ngộ (Nhị Đạo, Đạo Nhất Lai), paṭibujjhati: được giác ngộ (Tam Đạo, Đạo Bất Lai), sambujjhati: được giác ngộ (Tứ Đạo, Đạo A-la-hán). Bốn từ giác ngộ theo thứ bậc này đều có chung từ gốc √budh + ya + ti có nghĩa thụ động là ‘được giác ngộ’ áp dụng cho trường hợp chứng ngộ Đạo đầu tiên. Ba trường hợp sau có thêm các tiếp đầu ngữ anu (theo sau, kế tiếp), paṭi (hướng về, hướng đến), sam (hoàn toàn). Do không chọn được từ dịch thích hợp nên ghi đầy đủ nghĩa như vậy

-
- ³ Từ tâm giải thoát (*mettācetovimutti*) được giải thích ở bên dưới gồm có ba yếu tố: ‘*mettā ca ceto ca vimutti cāti mettācetovimutti*’ = ‘tâm ái và tâm và giải thoát’ là từ tâm giải thoát.
- ⁴ Đoạn này nếu dịch theo Chú Giải sẽ là: Ly tham ái có đối tượng là Niết Bàn, có hành xử là Niết Bàn, được hiện khởi ở Niết Bàn, được tồn tại ở Niết Bàn, được thiết lập ở Niết Bàn (PṭsA. 3, 608).
- ⁵ Là bảy chi phần còn lại của Thánh Đạo tám chi phần, trừ bớt đi chánh kiến (PṭsA. 3, 608).
- ⁶ Tên gọi *Aññākoṇḍañña* (*aññā + koṇḍañña*) của vị này có nghĩa là “*Koṇḍañña đã hiểu*”. Từ *aññā* được trích từ lời nói của đức Phật là: “*aññāsi vata bho Koṇḍañño, aññāsi vata bho Koṇḍañño*” (Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được! Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được!) rồi ghép vào phía trước tên Koṇḍañña của vị ấy (ND).
- ⁷ Phúc hành (*puññābhisankhāro*) là sự tạo tác đem lại phước báu do năng lực của bố thí, trì giới, tham thiền, v.v..., và sự tu tập năm thiền sắc giới, phi phúc hành (*apuññābhisankhāro*) là sự tạo tác không đem lại phước báu do hậu quả của các hành động như sát sanh, v.v..., bất động hành (*āneñjābhisankhāro*) là sự tạo tác có kết quả không thay đổi, có liên quan đến bốn thiền vô sắc (PṭsA. 3, 633).
- ⁸ Bảy tuệ thêm vào tuệ có tên “bản tánh sáng suốt (*pañḍiccam*)” là tám. Tám tuệ thêm vào tuệ phổ thông (*puṭhupaññā*) là chín (PṭsA. 3, 640).
- ⁹ 73 trí: Là 73 trí đã được đề cập ở phần Tiêu Đề (PṭsA. 3, 642), xin xem tập I, trang 2-9
- ¹⁰ 73 trí: Chú giải cho trích dẫn ở Saṃyuttanikāya (PṭsA. 3, 642). Xem Kinh Bộ Tương Ưng, tập II, Chương I b, Phẩm IV, Mục IV: Những Căn Bản Của Trí (bản dịch của HT. Minh Châu): “*Trí biết rằng già chết do duyên sanh. Trí biết rằng không có sanh thời không có già, chết. v.v..*”.
- ¹¹ Hạng có nhiều sự an trú (*vihārabahulo*) nghĩa là có nhiều an trú vào minh sát, có nhiều an trú vào sự chứng đạt Quả vị (PṭsA. 3, 653).
- ¹² Hành xử của sự diệt tận nghĩa là cảnh Niết Bàn (PṭsA. 3, 687).
- ¹³ Các pháp đen và trắng (*kaṇhāsukkadhammā*) là các pháp bất thiện và thiện (PṭsA. 3, 688).
- ¹⁴ Ở trên là 40 biểu hiện: liên quan đến vô ngã có 5, vô thường có 10, khổ não có 25, và có liên quan đến năm uẩn nên toàn bộ sẽ là $40 \times 5 = 200$, chính là tổng số của $25 + 50 + 125$ ở câu cuối (PṭsA. 3, 700).
- ¹⁵ Dịch theo văn bản Pāli của hai Tạng Anh và Tạng Thái: ‘*nekkhammena kāmaccchandato muccatīti vimokkho*’.